


Âm Nhạc	Tập hát bài Mái trường mến yêu	+ Theo em, HS cần làm gì để giữ gìn ngôi trường của mình?
------------	--------------------------------	---

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC ÂM NHẠC 7 TIẾT 2

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</p>	<p>Tập đọc nhạc số 1</p>
<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; text-align: center;"> <p><i>Ca ngợi Tổ quốc</i> (Trích)</p> <p><small>Nhạc và lời : HOÀNG VĂN</small></p> <p><small>Nhanh - Vui</small></p>  </div> <p>? Bài TĐN viết ở nhịp nào? (Nhịp 2/4) ? Về cao độ có sử dụng độ cao của những nốt nhạc nào? (Đô , mi fa, son, đồ). ? Kể tên các hình nốt có trong bài?(Nốt trắng, đen, móc đơn)</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>-Đọc tên nốt và đọc tiết tấu của bài TĐN số 1 -</p>

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

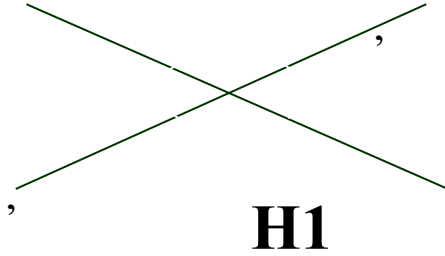
Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Âm Nhạc	Tập đọc nhạc 7	Đọc đúng giai điệu bài Tập đọc nhạc 1

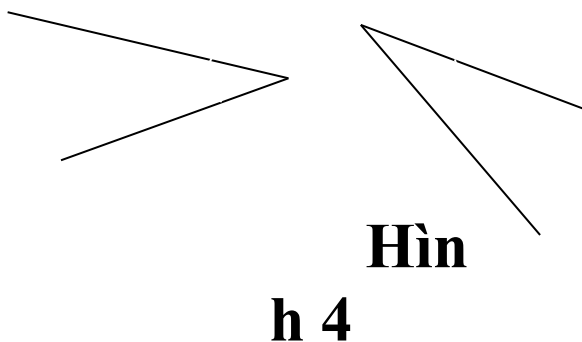
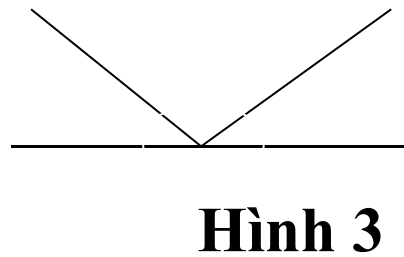
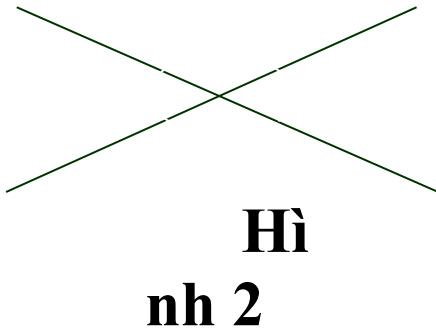
Bài 1 HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH

1. Thế nào là hai góc đối đỉnh? (hs tự ghi)



2. Áp dụng

Bài tập 1: Xem các hình vẽ sau. Em hãy nhận xét quan hệ về đỉnh, về cạnh của O_1 và O_3 , A_1 và A_2 , của M và N ?



Bài tập 2: Chọn phương án đúng nhất trong các phát biểu sau:

A/ Hai góc đối đỉnh là 2 góc có chung đỉnh.

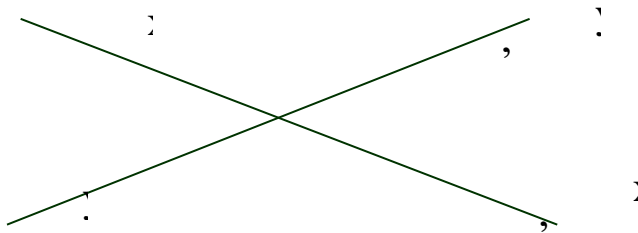
B/ Hai góc đối đỉnh là 2 góc có một cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.

C/ Hai góc đối đỉnh là 2 góc có mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia.

Bài tập 3:

Vẽ 2 đường thẳng xx và yy cắt nhau tại O.

Hãy điền vào chỗ trống(...) trong các phát biểu sau:

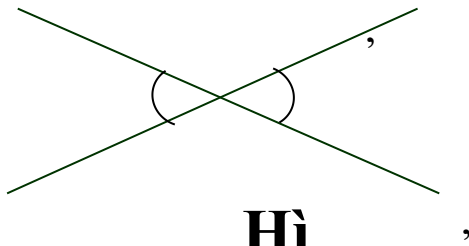


Hình 5

Góc xOy và góc..... là 2 góc đối đỉnh vì cạnh Ox là tia đối của cạnh Oy và cạnh Oy làcủa cạnh Ox.

Góc xOy và góc xOy làvì cạnh Ox là tia đối của cạnh và cạnh

2. Tính chất của hai góc đối đỉnh



Hình 6

Yêu cầu HS làm việc cá nhân với ?.3

Hãy đo góc O1, góc O3 so sánh số đo hai góc đó

Hãy đo góc O2 và góc O4 so sánh số đo hai góc đó

Dự đoán kết quả rút ra?

Kết luận cuối cùng ?

Hoàn thành bài tập sau:

3. **Bài tập:** Cho đường thẳng xx' cắt đường thẳng yy' tại O, biết $\widehat{Oy} = 47^\circ$. Tính số đo các góc còn lại?

4. HƯỚNG DẪN BÀI TẬP VỀ NHÀ:

- a) Học thuộc định nghĩa và tính chất hai góc đối đỉnh.
- b) Học cách suy luận.
- c) Tập vẽ góc đối đỉnh với 1 góc cho trước, vẽ 2 góc đối đỉnh với nhau.
- d) Làm các bài tập 2, 3, 4/83(SGK).

PHẦN GHI BÀI :

CHƯƠNG I : SỐ HỮU TỈ – SỐ THỰC

BÀI 1 : TẬP HỢP Q CÁC SỐ HỮU TỈ

1. Số hữu tỉ :

1. Số hữu tỉ.

$$3 = \frac{3}{1} = \frac{6}{2} = \frac{-9}{-3} = \dots$$

$$-0,5 = \frac{-1}{2} = \frac{1}{-2} = \frac{-2}{4} = \dots$$

$$0 = \frac{0}{1} = \frac{0}{-1} = \frac{0}{2} = \dots$$

$$\frac{2}{3} = \frac{-2}{-3} = \frac{4}{6} = \frac{-4}{-6} = \dots$$

$$2\frac{5}{7} = \frac{19}{7} = \frac{-19}{-7} = \frac{38}{14} = \dots$$

- Số hữu tỉ là số viết được dưới dạng phân số $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$, $b \neq 0$.

?1. Vì:

$$0,6 = \frac{6}{10} = \frac{12}{20} = \frac{24}{40} = \dots$$

$$-1,25 = \frac{-125}{100} = \frac{-5}{4} = \dots$$

$$1\frac{1}{3} = \frac{4}{3} = \frac{8}{6} = \dots$$

Các số $0,6$; $-1,25$; $1\frac{1}{3}$ là các số hữu tỉ.

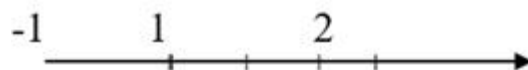
?2. Số nguyên a là số hữu tỉ vì:

$$a = \frac{a}{1} = \frac{3a}{3} = \frac{-100a}{-100} = \dots$$

$\mathbb{N} \subset \mathbb{Z} \subset \mathbb{Q}$

2. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số

?3. Biểu diễn các số nguyên -1 ; 1 ; 2 trên trục số



Ví dụ 1:

Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{5}{4}$ lên trục số



Ví dụ 2: (SGK - trang 6)



Trên trục số, điểm biểu diễn số hữu tỉ x được gọi là điểm x .

3. So sánh hai số hữu tỉ

?4. So sánh hai phân số:

$$\frac{-2}{3} \text{ và } \frac{4}{-5}$$

Ta có:

$$\frac{-2}{3} = \frac{-10}{15};$$

$$\frac{4}{-5} = \frac{-4}{5} = \frac{-12}{15}$$

$$\text{Khi đó: } \frac{-10}{15} > \frac{-12}{15}$$

$$\text{Do đó: } \frac{-2}{3} > \frac{4}{-5}$$

VD1:

Giải

Ta có:

$$-0,6 = \frac{-6}{10}; -\frac{1}{2} = \frac{-5}{10}.$$

Vì $-6 < -5$ và $10 > 0$

$$\text{nên } \frac{-6}{10} < \frac{-5}{10} \text{ hay } -0,6 < \frac{1}{-2}$$

VD2:

Giải

$$\text{Ta có: } -3\frac{1}{2} = \frac{-7}{2}; 0 = \frac{0}{2}$$

Vì $-7 < 0$ và $2 > 0$ nên $\frac{-7}{2} < \frac{0}{2}$

$$\text{Hay } -3\frac{1}{2} < 0.$$

Nhận xét: (SGK/7)

?5

Số hữu tỉ dương: $\frac{2}{3}; \frac{-3}{-5}$

Số hữu tỉ âm: $\frac{-3}{7}; \frac{1}{-5}; 4$

Số không là số hữu tỉ dương cũng không phải là số hữu tỉ âm: $\frac{0}{-2}$

BÀI TẬP VỀ NHÀ :

Bài 1 (trang 7 SGK Toán 7 Tập 1): Điền kí hiệu (\in , \notin , \subset) thích hợp vào ô vuông

$$-3 \in \mathbb{N};$$

$$-3 \in \mathbb{Z};$$

$$-3 \in \mathbb{Q};$$

$$\frac{-2}{3} \in \mathbb{Z};$$

$$\frac{-2}{3} \in \mathbb{Q};$$

$$\mathbb{N} \subset \mathbb{Z} \subset \mathbb{Q}$$

Bài 2 (trang 7 SGK Toán 7 Tập 1):

a) Trong các phân số sau, những phân số nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{-4}$?

$$\frac{-12}{15}; \frac{-15}{20}; \frac{24}{-32}; \frac{-20}{28}; \frac{-27}{36}?$$

b) Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{-4}$ trên trục số.

Bài 3 (trang 8 SGK Toán 7 Tập 1): So sánh các số hữu tỉ

a) $x = \frac{2}{-7}$ và $y = \frac{-3}{11}$

b) $x = \frac{-213}{300}$ và $y = \frac{18}{-25}$

c) $x = -0,75$ và $y = \frac{-3}{4}$

PHẦN GHI BÀI :

BÀI 2 : CỘNG, TRỪ SỐ HỮU TỈ

1. Cộng, trừ hai số hữu tỉ :

Ví dụ: Tính:

$$\begin{aligned} \text{a, } \frac{-7}{3} + \frac{4}{7} &= \frac{-49}{21} + \frac{12}{21} \\ &= \frac{-37}{21} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b, } (-3) - \left(-\frac{3}{4}\right) &= \frac{-12}{4} + \frac{3}{4} \\ &= \frac{-9}{4} \end{aligned}$$

Kết luận:

Nếu x, y là hai số hữu tỉ

$$\left(\begin{array}{l} x = \frac{a}{m}; y = \frac{b}{m} \\ \text{với } a, b, m \in \mathbb{Z}, m \end{array} \right)$$

Khi đó:

$$x + y = \frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m} \quad (m > 0)$$

$$x - y = \frac{a}{m} - \frac{b}{m} = \frac{a-b}{m} \quad (m > 0)$$

Chú ý:

Phép cộng phân số hữu tỉ có các tính chất của phép cộng phân số: Giao hoán, kết hợp, cộng với số 0. Mỗi số hữu tỉ đều có một số đối.

?1.

$$\begin{aligned} \text{a) } 0,6 + \frac{2}{-3} &= \frac{3}{5} + \frac{-2}{3} \\ &= \frac{9}{15} + \frac{-10}{15} \\ &= \frac{-1}{15} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } \frac{1}{3} - (-0,4) &= \frac{1}{3} + \frac{2}{5} \\ &= \frac{5}{15} + \frac{6}{15} \\ &= \frac{11}{15} \end{aligned}$$

2. Quy tắc “Chuyển vế”:

Với mọi số $x, y, z \in \mathbb{Q}$:

$$x + y = z \Rightarrow x = z - y$$

?2 trang 9/SGK:

$$a) x - \frac{1}{2} = \frac{-2}{3}$$

$$x = \frac{-2}{3} + \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{-4}{6} + \frac{3}{6}$$

$$x = \frac{-4+3}{6}$$

$$x = \frac{-1}{6}$$

Vậy $x = \frac{-1}{6}$

$$b) \frac{2}{7} - x = \frac{-3}{4}$$

$$x = \frac{2}{7} + \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{8}{28} + \frac{21}{28}$$

$$x = \frac{29}{28}$$

Vậy $x = \frac{29}{28}$.

BÀI TẬP VỀ NHÀ :

Bài 6 (trang 10 SGK Toán 7 Tập 1): Tính

$$a) \frac{-1}{21} + \frac{-1}{28}$$

$$b) \frac{-8}{18} - \frac{15}{27}$$

$$c) \frac{-5}{12} + 0,75$$

$$d) 3,5 - \left(\frac{2}{7}\right)$$

Bài 7 (trang 10 SGK Toán 7 Tập 1): Ta có thể viết số hữu tỉ $\frac{-5}{16}$ dưới các dạng sau đây :

a) $\frac{-5}{16}$ là tổng của hai số hữu tỉ âm. Ví dụ : $\frac{-5}{16} = \frac{-1}{8} + \frac{-3}{16}$

b) $\frac{-5}{16}$ là hiệu của hai số hữu tỉ dương . Ví dụ : $\frac{-5}{16} = 1 - \frac{21}{16}$

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: TIẾNG ANH 7

Thời gian: Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 18/9/2021

A. Tuần 1: Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 11/9/2021

I. Hướng dẫn học sinh tự học:

NỘI DUNG	GHI CHÚ: Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:								
<p>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và cố gắng ghi nhớ</p> <p>Revision</p>	<p>* Review some tenses: (Ôn tập các thì đã học)</p> <p>1. <u>Simple present tense: (Thì Hiện tại đơn)</u></p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="text-align: center;">VERB</td> <td style="text-align: center;">TOBE</td> </tr> <tr> <td>Khẳng định: S + V(s/es) + O</td> <td>S + be (am/is/are) + O</td> </tr> <tr> <td>Phủ định: S + do not /does not + V bare_inf</td> <td>S + be (am/is/are) + not + O</td> </tr> <tr> <td>Nghi vấn: Do/Does + S + V bare_inf?</td> <td>Am/is/are + S + O?</td> </tr> </table> <p>* <u>Dấu hiệu nhận biết trong câu:</u> Every day/ week/ month...: mỗi ngày/ tuần/ tháng Often, usually, frequently: thường Sometimes, occasionally: thỉnh thoảng Always, constantly: luôn luôn Seldom, rarely: hiếm khi</p> <p>2. <u>Present Continuous tense: (Thì Hiện tại tiếp diễn)</u></p> <p>Khẳng định: S + am/is/are + V_ing Phủ định: S + am/is/are + not + V_ing Nghi vấn: Am/Is/Are + S + V_ing?</p> <p>* <u>Dấu hiệu nhận biết trong câu:</u> Now: bây giờ Right now Listen!: Nghe nào! At the moment At present Look!: nhìn kìa Watch out!: cẩn thận! Be quiet!: Im lặng</p> <p>3. <u>Simple Future tense: (Thì Tương lai đơn)</u></p> <p>Khẳng định: S + will/shall/ + V_inf + O Khẳng định: S + will/shall + not + V_inf + O Khẳng định: Will/shall + S + V_inf + O?</p>	VERB	TOBE	Khẳng định: S + V(s/es) + O	S + be (am/is/are) + O	Phủ định: S + do not /does not + V bare_inf	S + be (am/is/are) + not + O	Nghi vấn: Do/Does + S + V bare_inf?	Am/is/are + S + O?
VERB	TOBE								
Khẳng định: S + V(s/es) + O	S + be (am/is/are) + O								
Phủ định: S + do not /does not + V bare_inf	S + be (am/is/are) + not + O								
Nghi vấn: Do/Does + S + V bare_inf?	Am/is/are + S + O?								

	<p>* <u>Dấu hiệu nhận biết trong câu:</u> Tomorrow: ngày mai in + thời gian; soon (sớm) Next week/ month/ year: tuần tới/tháng/năm 10 years from now</p>																																																																								
<p>Unit 1: My friends</p>	<p>UNIT 1: BACK TO SCHOOL-</p> <table border="1" data-bbox="302 583 1422 1297"> <tr> <td colspan="4">VOCABULARY: (học thuộc từ vựng)</td> </tr> <tr> <td>1. bus stop</td> <td>/bʌs stɒp/</td> <td>(n)</td> <td>trạm xe buýt</td> </tr> <tr> <td>2. different</td> <td>/'dɪfərənt/</td> <td>(adj)</td> <td>khác</td> </tr> <tr> <td>3. distance</td> <td>/'dɪstəns/</td> <td>(n)</td> <td>khoảng cách</td> </tr> <tr> <td>4. far</td> <td>/fɑː/</td> <td>(adj/adv)</td> <td>xa</td> </tr> <tr> <td>5. means</td> <td>/miːnz/</td> <td>(n)</td> <td>phương tiện</td> </tr> <tr> <td>6. transport</td> <td>/'trænspɔːt/</td> <td>(n)</td> <td>sự chuyển chở, vận tải</td> </tr> <tr> <td>7. miss</td> <td>/mɪs/</td> <td>(v)</td> <td>nhớ, nhớ</td> </tr> <tr> <td>8. nice</td> <td>/naɪs/</td> <td>(adj)</td> <td>vui</td> </tr> <tr> <td>9. fine</td> <td>/faɪn/</td> <td>(adj)</td> <td>tốt, khỏe</td> </tr> <tr> <td>10. pretty</td> <td>/'prɪti/</td> <td>(adv)</td> <td>khá</td> </tr> <tr> <td>11. unhappy</td> <td>/ʌn 'hæpi/</td> <td>(adj)</td> <td>không hài lòng, không vui</td> </tr> <tr> <td>12. still</td> <td>/stɪl/</td> <td>(adv)</td> <td>vẫn</td> </tr> <tr> <td>13. lunch room</td> <td>/'lʌntʃ ruːm/</td> <td>(n)</td> <td>phòng ăn trưa</td> </tr> <tr> <td>14. parent</td> <td>/'peərənt/</td> <td>(n)</td> <td>cha, mẹ</td> </tr> <tr> <td>15. market</td> <td>/'mɑː.kɪt/</td> <td>(n)</td> <td>chợ</td> </tr> <tr> <td>16. movie</td> <td>/'muː.vi/</td> <td>(n)</td> <td>bộ phim</td> </tr> <tr> <td>17. survey</td> <td>/'sɜːveɪ/</td> <td>(n)</td> <td>cuộc điều tra</td> </tr> </table> <p>- Cấu trúc, dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn. - Đặt 3 câu ví dụ minh họa. Trả lời bằng tiếng anh: What's your family name? -> <i>My family name is + họ</i> What is your middle name? <i>My middle name is + tên lót/ tên đệm</i> Where do you live ? I live in /on /at..... How far is it from your house to school? <i>It's about + quãng đường + m /km</i> How do you go to school? I go to school by bike / I walk to school</p>	VOCABULARY: (học thuộc từ vựng)				1. bus stop	/bʌs stɒp/	(n)	trạm xe buýt	2. different	/'dɪfərənt/	(adj)	khác	3. distance	/'dɪstəns/	(n)	khoảng cách	4. far	/fɑː/	(adj/adv)	xa	5. means	/miːnz/	(n)	phương tiện	6. transport	/'trænspɔːt/	(n)	sự chuyển chở, vận tải	7. miss	/mɪs/	(v)	nhớ, nhớ	8. nice	/naɪs/	(adj)	vui	9. fine	/faɪn/	(adj)	tốt, khỏe	10. pretty	/'prɪti/	(adv)	khá	11. unhappy	/ʌn 'hæpi/	(adj)	không hài lòng, không vui	12. still	/stɪl/	(adv)	vẫn	13. lunch room	/'lʌntʃ ruːm/	(n)	phòng ăn trưa	14. parent	/'peərənt/	(n)	cha, mẹ	15. market	/'mɑː.kɪt/	(n)	chợ	16. movie	/'muː.vi/	(n)	bộ phim	17. survey	/'sɜːveɪ/	(n)	cuộc điều tra
VOCABULARY: (học thuộc từ vựng)																																																																									
1. bus stop	/bʌs stɒp/	(n)	trạm xe buýt																																																																						
2. different	/'dɪfərənt/	(adj)	khác																																																																						
3. distance	/'dɪstəns/	(n)	khoảng cách																																																																						
4. far	/fɑː/	(adj/adv)	xa																																																																						
5. means	/miːnz/	(n)	phương tiện																																																																						
6. transport	/'trænspɔːt/	(n)	sự chuyển chở, vận tải																																																																						
7. miss	/mɪs/	(v)	nhớ, nhớ																																																																						
8. nice	/naɪs/	(adj)	vui																																																																						
9. fine	/faɪn/	(adj)	tốt, khỏe																																																																						
10. pretty	/'prɪti/	(adv)	khá																																																																						
11. unhappy	/ʌn 'hæpi/	(adj)	không hài lòng, không vui																																																																						
12. still	/stɪl/	(adv)	vẫn																																																																						
13. lunch room	/'lʌntʃ ruːm/	(n)	phòng ăn trưa																																																																						
14. parent	/'peərənt/	(n)	cha, mẹ																																																																						
15. market	/'mɑː.kɪt/	(n)	chợ																																																																						
16. movie	/'muː.vi/	(n)	bộ phim																																																																						
17. survey	/'sɜːveɪ/	(n)	cuộc điều tra																																																																						
<p>Hoạt</p>	<p>Bài tập thi hiện tại đơn: Hoàn thành các câu sau</p>																																																																								

động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1. John (play).....football every Friday. 2. We (have).....a holiday in March every year. 3. She often (go).....to work late. 4. The moon (circle).....around the earth. 5. The flight (start).....at 8 a.m every Sunday 6. Pau (not/ study).....very hard. He never gets high scores. 7. My mother often (teach).....me Math on Saturday evenings. 8. I like Marry and she (like).....Literature. 9. My brother (wash).....dishes every day. 10. They (not/ have).....breakfast every morning. Đặt câu hỏi: 1. ? - My name's Trung. 2. ? - I'm thirteen. 3. ? - My date of birth is on July 6th. 4. ? - My address is 263/2 Tran Phu Street. 5. ? - 38950963. 6. ? I walk to school.
---	--

B. Tuần 2: Từ ngày 13/9/2021 đến ngày 18/9/2021

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Unit 2	Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu	* UNIT 2: PERSONAL INFORMATION VOCABULARY: (học thuộc từ vựng) 1. address /əˈdres/ (n) địa chỉ 2. appear /əˈpiə/ (v) xuất hiện 3. birthday /ˈbɜrθ, deɪ/ (n) sinh nhật 4. calendar /ˈkæləndər/ (n) lịch, tờ lịch 5. call /kɔl/ (v) gọi, gọi điện thoại 6. date /deɪ/ (n) ngày (trong tháng)

câu.

7. except	/ɪk'sept/	(v)	ngoại trừ
8. finish	/'fɪnɪʃ/	(v)	kết thúc, hoàn thành
9. invite	/ɪn'veɪt/	(v)	mời
10. join	/dʒɔɪn/	(v)	tham gia
11. fun	/fʌn/	(adj/noun)	vui, cuộc vui
12. moment	/'mɒmənt/	(n)	khoảnh khắc, chốc lát
13. nervous	/'nɜːvəs/	(adj)	lo lắng, hồi hộp
14. party	/'pɑːti/	(n)	bữa tiệc
15. worried	/'wɜːrɪd/	(adj)	lo lắng

- Viết cấu trúc, cách dùng, dấu hiệu nhận biết của thì tương lai đơn.
- Đặt 3 câu ví dụ.
- Viết bằng chữ tiếng Anh các số từ 0 đến 10.
- Hỏi và trả lời bằng tiếng anh:
 - + Số điện thoại
 - + Ngày tháng năm sinh
 - + Địa chỉ
 - + Hỏi bạn mình ở với ai
 - + Tuổi của bạn vào sinh nhật tới
 - + Viết và học thuộc các số thứ tự: 1,2,3,4,5,9,10,11,12,13,15,20,21,22,23,25,30
 - + Viết thiệp mời sinh nhật mình

Structure (cấu trúc)

* THE FUTURE SIMPLE TENSE (THI TƯƠNG LAI ĐƠN)

1. Cấu trúc

1.1 Câu khẳng định

S + will + V (nguyên thể)

Trong đó:

{ S (subject): Chủ ngữ
will: Modal Verb
V (bare_infinitive): động từ ở dạng nguyên thể

CHÚ Ý

{ I will = I'll; They will = They'll; It will = It'll
He will = He'll; We will = We'll
She will = She'll; You will = You'll

Ví dụ:

- My mother will help me care for my babies tomorrow. (Ngày mai mẹ tôi sẽ chăm sóc bọn trẻ giúp tôi.)
- She will bring you a cup of tea soon. (Cô ấy sẽ mang cho bạn một tách trà sớm thôi.)

1.2 Câu phủ định

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

S + will not + V(bare_infinitive)

Câu phủ định trong thì tương lai đơn ta chỉ cần thêm "not" vào ngay sau "will".

CHÚ Ý:

will not = won't

Ví dụ:

- I won't tell him the truth. (*Tôi sẽ không nói với anh ấy sự thật.*)
- We won't finish our report in 2 days. (*Chúng tôi sẽ không thể hoàn thành bài báo cáo trong vòng 2 ngày.*)

1.3 Câu nghi vấn

Will + S + V(bare_infinitive)?

Trả lời: **Yes, S + will./ No, S + won't.**

Câu hỏi trong thì tương lai đơn: ta chỉ cần đảo "will" lên trước chủ ngữ.

Ví dụ:

Will they come here tomorrow? (*Họ sẽ đến đây vào ngày mai chứ?*)

Yes, they will./ No, they won't. (*Đúng, họ sẽ đến. / Không, họ không đến.*)

Will you take me to the zoo this weekend? (*Mẹ sẽ cho con đến vườn bách thú chơi vào cuối tuần này chứ mẹ?*)

Yes, I will./ No, I won't. (*Ừ, được./ Không được.*)

2. Cách sử dụng của thì tương lai đơn

Nói về một hành động hay một sự việc sẽ xảy ra trong tương lai.

EX: She'll be twenty on Sunday. (*Cô ấy sẽ tròn 20 tuổi vào Chủ Nhật tới.*)

Diễn tả một quyết định, một ý định nhất thời xảy ra ngay tại thời điểm nói.

EX: What would you like to drink? I'll have a mineral water.

(*Anh muốn uống gì? Tôi sẽ uống nước suối.*)

Diễn tả một dự đoán không có căn cứ.

EX: She supposes that she will get a better job.

(*Cô ấy tin rằng cô ấy sẽ kiếm được một công việc tốt.*)

Diễn tả một lời hứa hay lời yêu cầu, đề nghị.

EX: I promise I will return school on time. (*Tôi hứa tôi sẽ trở về trường đúng giờ.*)

Will you please bring me a cup of coffee? (*Bạn làm ơn mang cho tôi một tách cà phê được không?*)

3. Dấu hiệu nhận biết thì tương lai đơn

Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian trong tương lai như:

In + thời gian: trong... nữa (in 2 minutes: trong 2 phút nữa)

Tomorrow: ngày mai

Next day: ngày hôm tới

Next week/ next month/ next year: tuần tới/ tháng tới/ năm tới

The day after tomorrow: ngày kia

Soon: chẳng bao lâu nữa

Someday: một ngày nào đó

Trong câu có những động từ chỉ quan điểm như:

think/ believe/ suppose/...: nghĩ/ tin/ cho là

perhaps: có lẽ

probably: có lẽ

2. Viết các số đếm:

0.....1.....2.....3.....4.....5.....6.....

.....

7.....8.....9.....10.....

ORDINAL NUMBERS: (SỐ THỨ TỰ)

First (<i>thứ nhất</i>)	second (<i>thứ hai</i>)	third (<i>thứ ba</i>)
fourth (<i>thứ tư</i>)	fifth (<i>thứ năm</i>)	sixth (<i>thứ sáu</i>)
seventh (<i>thứ bảy</i>)	eighth (<i>thứ tám</i>)	ninth (<i>thứ chín</i>)
tenth (<i>thứ mười</i>)	eleventh (<i>thứ mười một</i>)	twelfth (<i>thứ mười hai</i>)
thirteenth (<i>thứ mười ba</i>)	fourteenth (<i>thứ mười bốn</i>)	fifteenth (<i>thứ mười năm</i>)
sixteenth (<i>thứ mười sáu</i>)	seventeenth (<i>thứ mười bảy</i>)	eighteenth (<i>thứ mười tám</i>)
nineteenth (<i>thứ mười chín</i>)	twentieth (<i>thứ hai mươi</i>)	twenty-first (<i>thứ hai mốt</i>)
twenty-second (<i>thứ hai mươi hai</i>)	twenty-third (<i>thứ hai mươi ba</i>)	twenty-fourth (<i>thứ hai mươi tư</i>)

twenty-fifth (<i>thứ hai năm</i>)	twenty-sixth (<i>thứ hai sáu</i>)	twenty-seventh (<i>thứ hai bảy</i>)
twenty-eighth (<i>thứ hai tám</i>)	twenty-ninth (<i>thứ hai chín</i>)	thirtieth (<i>thứ ba mươi</i>)
thirty-first (<i>thứ ba mốt</i>)		

MONTHS IN THE YEAR

January : Tháng Một	July : Tháng Bảy
February: Tháng Hai	August : Tháng Tám
March : Tháng Ba	September: Tháng Chín
April : Tháng Tư	October : Tháng Mười
May : Tháng Năm	November : Tháng Mười Một
June : Tháng Sáu	December : Tháng Mười Hai

*** INDEFINITE QUANTIFIERS**

- a lot, lots, a few, a little.

Uses of quantifiers:

- Some (một vài) / a lot of = lots of (nhiều) / a few (một ít) + danh từ đếm được (Countable Nouns)
- Some (một vài)/ a lot of= lots of (nhiều) / a little (một ít) + danh từ không đếm được. (Uncountable Nouns)

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh

Chọn đáp án đúng:

1. He doesn't have (much / many) money.
2. She buys (many/a lot of) bacon.

**giá
quá
trình
tự học.**

3. They spend (a large number of / a great deal of) salt on this soup so it is very salty now.

4. The teacher finds (a large number of / a great deal of) mistakes in his writing.

5. (How much / how many) pounds of butter does she want?

6. (How much / how many) butter does she want?

Điền vào chỗ trống với “ a little”, “a lot of”, “ too much”

I have done exercises of grammar.

You made mistakes in your writing.

The Smiths spent money on their last trip.

I do not know ,..... about biology. I have knowledge about genetics.

The boys are making too noise.

We spend time on English grammar. So your answer is bad.

There is sugar in the jar.

You must drink.....water every day.

Điền với "will" or "won't":

1. _____ Nam play basketball? – Yes, he _____

2. _____ Hoa come here? – No, she _____

3. _____ they travel to Hanoi next week?- No, they, _____

4. _____ you see her? – Yes, I _____.

5. _____ your brother be busy tomorrow? – No, he _____.

6. _____ Nam and Ba meet at seven o'clock? – Yes, they _____.

7. _____ you go fishing next Sunday?- No, we _____.

8. _____ An call you back? – Yes, he _____.

Viết câu tương đương:

1/ What about going to the movies?

→ Why

2/ Where does she live?

→ What

3/ What do you do?

	<p>→ What</p> <p>4/ The dress is very old.</p> <p>→ What !</p> <p>5/ What subject does Mary like best?</p> <p>→ What is</p> <p>6/ How much is the hat?</p> <p>→ How much does ?</p> <p>7/ How old is your sister?</p> <p>→ What ?</p> <p>8/ When is her birthday?</p> <p>→ What ?</p>
--	---

II. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
 Lớp:
 Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Tiếng Anh	Unit:..... Phần:	1. 2. 3.

GDCD 7 – Bài 1: SỐNG GIẢN DỊ

Câu 1: Em có nhận xét gì về trang phục, tác phong và lời nói của Bác Hồ trong truyện đọc : “Bác Hồ trong ngày Tuyên ngôn Độc lập” ?

Trả lời: Bác ăn mặc đơn sơ, thái độ chân tình, cởi mở , lời nói dễ hiểu...

Câu 2: Hãy tìm thêm ví dụ khác nói về sự giản dị của Bác ?

Trả lời: Bác ở nhà sàn, trồng cây, lao động cùng mọi người...

Câu 3: Em hiểu như thế nào là sống giản dị ?

Trả lời: Sống giản dị là sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội.

Câu 4: Biểu hiện của lối sống giản dị là gì?

Trả lời: Không xa hoa, lãng phí, không cầu kì, kiêu cách, không chạy theo những nhu cầu vật chất và hình thức bề ngoài.

Câu 5: Trái với giản dị là gì?

Gợi ý: : Xa hoa, lãng phí, cầu kì, phô trương về hình thức:

VD: tiêu nhiều tiền bạc vào những thứ không cần thiết, có hại (ăn chơi, hút chích..), nói năng cầu kì, rào trước đón sau, dùng từ khó hiểu, dùng đồ đắt tiền không phù hợp với mức sống chung ở địa phương, tạo nên sự cách biệt với mọi người...

Câu 6 : Ý nghĩa của sống giản dị là gì ?

Trả lời: Người sống giản dị sẽ được mọi người yêu mến.

Câu 7: Em hãy liệt kê những biểu hiện giản dị và không giản dị của bản thân em. Biện pháp khắc phục.

Gợi ý: - Hs tự nêu một số biểu hiện của bản thân và cách khắc phục.

GDCD 7 – Bài 2: TRUNG THỰC

Câu 1: Bra-man- tơ đã đối xử với Mi- ken- lăng- giơ như thế nào?

Trả lời: Không ưa thích, chơi xấu, kình địch...

Câu 2: Vì sao Bra- man- tơ lại làm như vậy?

Trả lời: Vì sợ danh tiếng của Mi- ken- lăng- giơ lấn át mình.

Câu 3: Mi- ken- lăng- giơ có thái độ như thế nào?

Trả lời: Công khai đánh giá cao Bra- man- tơ là người vĩ đại

Câu 4: Vì sao Mi- ken- lăng- giơ xử sự như vậy? Theo em ông là người như thế nào?

Trả lời: Vì ông là người thẳng thắn, tôn trọng và nói sự thật... Ông là người trung thực.

.Câu 5: Em hãy nêu một số biểu hiện của tính trung thực trong học tập ?

Gợi ý : Không quay cóp trong giờ kiểm tra, giờ thi, không che giấu khuyết điểm của bạn,

Câu 6 : Trung thực là gì?

Trả lời: Trung thực là luôn tôn trọng sự thật, chân lí, lẽ phải → sống ngay thẳng, thật thà, dũng cảm nhận khuyết điểm.

Giúp chúng ta nâng cao phẩm giá, được mọi người tin yêu, kính trọng

Câu 7: Biểu hiện của tính trung thực

Trả lời: Tính trung thực được biểu hiện qua hành vi, thái độ, hành động, lời nói; thể hiện trong công việc; quan hệ với bạn bè, bản thân và người khác: VD: không nhìn bài của bạn khi kiểm tra, nói đúng sự thật dù có bị thiệt hại...

Câu 8: Ý nghĩa của tính trung thực ?

Gợi ý:- Cá nhân: Giúp ta nâng cao phẩm giá, được mọi người yêu quý kính trọng.

- XH: Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội.

Câu 9: Để rèn luyện tính trung thực HS cần:

Gợi ý: - Thật thà, ngay thẳng với cha mẹ, thầy cô và mọi người.


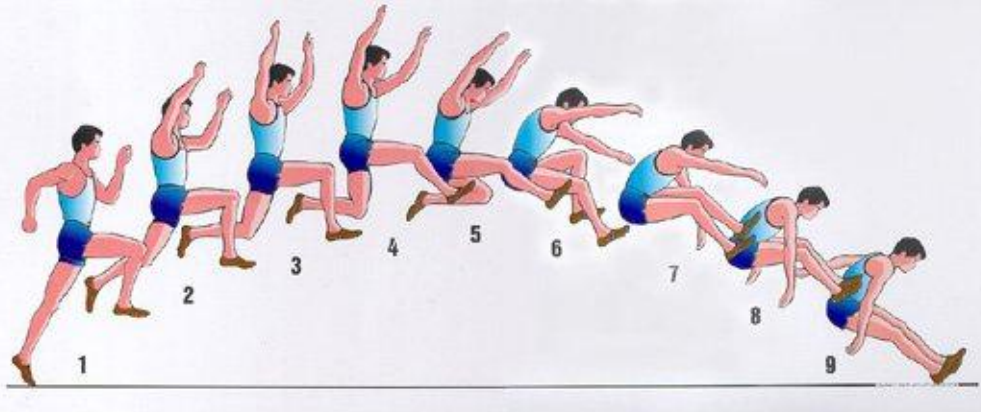
- Trong học tập: Ngay thẳng không gian dối.

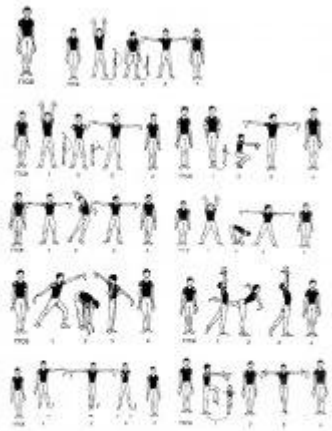
- Dũng cảm nhận khuyết điểm khi có lỗi.

- Đấu tranh, phê bình khi bạn mắc khuyết điểm.

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

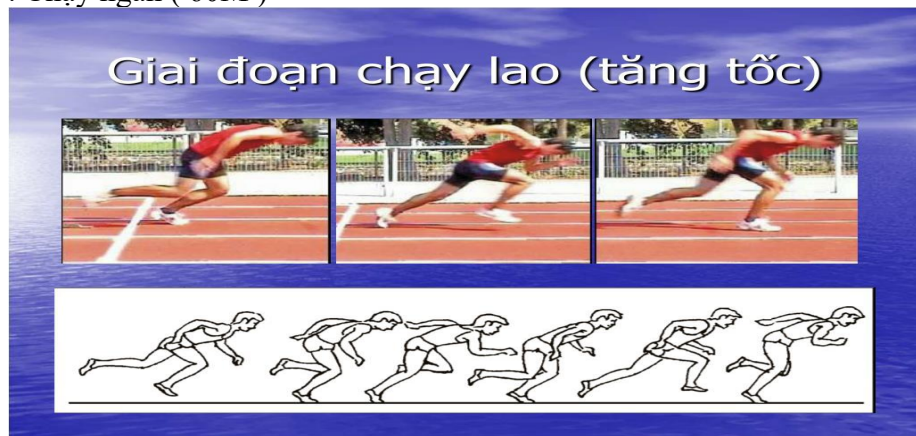
NỘI DUNG	GHI CHÚ
GIỚI THIỆU NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỂ DỤC LỚP 7	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<ul style="list-style-type: none">- Các em xem sách giáo khoa môn GDTC LỚP 7 để nắm được những nội dung các em sẽ phải học trong năm học này.+ Giới thiệu sơ lược cho các em nắm nếu không có sgk trong năm học này chúng ta sẽ học những nội dung sau :<ul style="list-style-type: none">. Đội hình đội ngũ <div style="text-align: center;"></div> <ul style="list-style-type: none">. Bật nhảy <div style="text-align: center;"></div> <ul style="list-style-type: none">. Bài thể dục với cờ




. Đá cầu



. Chạy ngắn (60M)



. Chạy bền (500M)

	<p style="text-align: center;">LỢI ÍCH CỦA VIỆC CHẠY BỘ</p>  <p style="text-align: center;">. Thể thao tự chọn...</p> <p>- NỘI DUNG CÁC EM CẦN THỰC HIỆN:</p> <p>+ Các em thực hiện những động tác khởi động đã được học ở lớp 6 (Khởi động chung: Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, khuỷu tay, vai, hông, lườn, gối, ... Khởi động chuyên môn: Chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, gót chạm mông, ...</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>Thông qua quá trình tự học em đã?</p> <p>+ Em có tinh thần tự giác, tích cực trong học tập, tự tập luyện ở nhà chưa? +Em đã Yêu thích TDTT chưa? +Giữ gìn vệ sinh thân thể tốt chưa?</p> <p>+ Em đã giúp đỡ mọi người xung quanh chưa?</p> <p>DẶN DÒ :</p> <p>+ Các em cần rèn luyện thể lực thật tốt để chuẩn bị cho quá trình học tập</p>

Bài 1: DÂN SỐ

I. Định hướng bài học

1. Dân số, nguồn lao động

* Học sinh nghiên cứu nội dung Sgk và hình 1.1 trả lời các câu hỏi sau:

Làm thế nào biết được dân số, nguồn lao động ở một địa phương, một quốc gia?

.....
.....

- Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động của một địa phương, một quốc gia.

Hãy cho biết: Tháp tuổi cho biết điều gì về dân số?

.....
.....

- Tháp tuổi cho biết đặc điểm cụ thể của dân số qua giới tính, độ tuổi, nguồn lao động hiện tại và tương lai của một địa phương, một quốc gia.

- Hình dạng tháp tuổi cho ta biết dân số già hay trẻ.

Hình dáng của hai tháp tuổi khác nhau như thế nào? Tháp tuổi có hình dáng như thế nào thì độ tuổi trong độ tuổi cao? Tháp nào là dân số trẻ, tháp nào dân số già?

.....
.....

Tháp tuổi có đáy rộng, thân hẹp (tháp 1) có số người trong độ tuổi lao động ít hơn tháp tuổi có hình dạng đáy hẹp thân rộng (tháp 2).

Hình dáng tháp 1 cho biết dân số trẻ.

Hình dáng tháp 2 cho biết dân số già.

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX.

Hãy quan sát hình 1.2 cho biết:

- Nhận xét về tình hình tăng dân số thế giới từ đầu TK XIX-XX?

.....
.....

- Dân số thế giới tăng nhanh từ năm nào và tăng vọt từ năm nào?

.....
.....

- Những nguyên nhân nào làm cho dân số thế giới tăng nhanh?

.....
.....

3. Bùng nổ dân số

- Học sinh nghiên cứu nội dung SGK mục 3 và trả lời câu hỏi.

- Em hãy cho biết: bùng nổ dân số xảy ra khi nào?

-Để giải quyết vấn đề bùng nổ dân số, các nước trên thế giới phải làm gì?

Kết luận :

- Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động ,... của một địa phương, một nước

- Dân số được biểu hiện bằng một tháp tuổi
- Dân số TG tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây .
- Các nước phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao .
- Dân số tăng nhanh và đột biến dẫn đến bùng nổ dân số ở nhiều nước Châu Á , Phi , Mỹ Latinh .

Các chính sách dân số và phát triển kinh tế xh góp phần hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số ở nhiều nước .

Kiểm tra đánh giá:

Chọn đáp án đúng trong câu sau:

- Bùng nổ dân số xảy ra khi:
- Dân số tăng cao và đột ngột ở các vùng thành thị.
 - Tỉ lệ sinh cao, tỉ lệ tử tăng.
 - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên lên đến 2,1%.
 - Dân số ở các nước phát triển tăng nhanh khi giành được độc lập.

Bài 2: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ, CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

1.Sự phân bố dân cư thế giới

* Học sinh nghiên cứu nội dung SGK , phần thuật ngữ , kết hợp hình 2.1 và trả lời các câu hỏi .

- Mật độ dân số là gì ?

- Những khu vực tập trung đông dân ? (giải thích tại sao)

- Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất ? (giải thích tại sao)

- Nhận xét sự phân bố dân cư trên thế giới ? (giải thích tại sao)

.....
.....

2. Các chủng tộc trên thế giới

* Học sinh đọc nội dung SGK và hình 2.2

- Trên thế giới có mấy chủng tộc chính ? Nêu đặc điểm từng chủng tộc ?
-
.....
.....

Kết luận:

- Dân cư thế giới phân bố không đồng đều:
- Tập trung đông đúc : đồng bằng châu thổ, ven biển, đô thị là nơi có khí hậu, điều kiện sinh sống, giao thông thuận lợi.
- Thưa thớt : điều kiện tự nhiên kém thuận lợi (núi cao, hoang mạc, khí hậu lạnh,...) và kinh tế chưa phát triển.
- Dân cư TG thuộc 3 chủng tộc chính :
 - + Môn-gô-lô-it (Châu Á)
 - + Nê-gro-it (Châu Phi)
 - + Ô-rô-pê-ô-it (Châu Âu)

Kiểm tra đánh giá :

1. Dân cư trên TG thường sinh sống ở những khu vực nào tại sao ?
2. Dựa vào bảng SGK/9 , hãy tính mật độ dân số các nước .

Bài 3: QUẦN CƯ - ĐÔ THỊ HÓA

1. Quần cư nông thôn-đô thị

* Học sinh đọc nội dung SGK , phần thuật ngữ và quan sát hình 3.1 3.2

- Quần cư là gì ?

Qua các hình ảnh vừa quan sát kết hợp với sự hiểu biết của bản thân , hãy trình bày các đặc điểm về :
mật độ dân số , nhà cửa , đường sá và hoạt động kinh tế ở nông thôn và thành thị như thế nào ?

2. Đô thị hóa-Các siêu đô thị

* Dựa vào nội dung mục 2 SGK , hãy cho biết :

- Đô thị phát triển mạnh nhất khi nào ?
-
.....

Đọc lược đồ hình 3.3 , hãy cho biết :

- Trên thế giới có bao nhiêu siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên ?
- Châu lục nào có nhiều siêu đô thị từ 8 tr dân trở lên nhất ? Đọc tên ?

- So sánh số lượng siêu đô thị giữa các nước phát triển (Châu Âu , Bắc Mỹ ,Nhật Bản) với các nước đang phát triển? Nhận xét ?

.....
.....
.....
.....
.....

Kết luận:

- Có hai kiểu quần cư : quần cư nông thôn và quần cư đô thị .
- Quần cư nông thôn : mật độ dân số thấp , hoạt động kinh tế Nông-Lâm-Ngư nghiệp
- Quần cư đô thị : mật độ dân số cao , hoạt động kinh tế Công nghiệp-Dịch vụ.
- Ngày nay , số người sống trong các đô thị chiếm khoảng một nửa dân số TG và có xu thế ngày càng tăng.

Kiểm tra đánh giá:

- Kể tên các đô thị xuất hiện đầu tiên trên thế giới ?
- Quá trình phát triển tự phát của nhiều siêu đô thị và đô thị mới đã để lại những hậu quả gì ?

Bài 4: THỰC HÀNH PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

BÀI TẬP 1 (giảm tải)

BÀI TẬP 2 :

Quan sát tháp tuổi của Thành phố Hồ Chí Minh qua các cuộc tổng điều tra dân số năm 1989 và năm 1999 , cho biết sau 10 năm:

- Hình dáng tháp tuổi có gì thay đổi ?

.....

-Nhóm tuổi nào tăng tỉ lệ? Nhóm tuổi nào giảm tỉ lệ ?

.....

- Hình dáng tháp tuổi năm 1989 -1999 có gì thay đổi?

.....

BÀI TẬP 3 :

*Đọc tên lược đồ, đọc bảng chú giải

- Tìm trên lược đồ phân bố dân cư châu Á các khu vực tập trung đông dân?

- Các đô thị lớn của châu Á thường phân bố ở đâu ?

Kết luận:

Năm 1989: Đáy rộng,thân hẹp: Tháp tuổi có cơ cấu dân số trẻ

Năm 1990: Đáy thu hẹp, thân mở rộng: Tháp tuổi có cơ cấu ds già.

-Nhóm tuổi tăng tỉ lệ: Trong tuổi lao động

-Nhóm tuổi giảm tỉ lệ : Chưa đến tuổi lao động

➤ : Sau 10 năm dân số Thành phố HCM đã “già” đi

-Các siêu đô thị của châu Á thường phân bố ở :

+ Ven biển

+ Dọc các con sông lớn

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	Mục I: Mục II: Mục III:.....	1. 2. 3.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 7
 (Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 18/9/2012)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
BÀI 1: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG KIẾN Ở CHÂU ÂU	
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p>A. Đọc sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>1/ Sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi vào Rô-ma, người Giéc-man đã làm gì? - Những việc làm ấy làm cho xã hội phương Tây biến đổi như thế nào? - Lãnh chúa là những người như thế nào? - Nông nô do những tầng lớp nào hình thành? - Quan hệ giữa lãnh chúa với nông nô như thế nào? <p>2/ Lãnh địa phong kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hiểu như thế nào là “lãnh địa” phong kiến? - Hãy miêu tả và nêu nhận xét về lãnh địa phong kiến qua H1/SGK? - Trình bày đời sống, sinh hoạt trong lãnh địa? - Nền kinh tế lãnh địa có đặc điểm gì? - Phân biệt sự khác nhau giữa xã hội cổ đại với xã hội phong kiến? <p>3/ Sự xuất hiện các thành thị trung đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân xuất hiện thành thị? - Thành thị trung đại xuất hiện như thế nào? - Đặc điểm của thành thị là gì? - Cư dân thành thị gồm những ai? Họ làm những nghề gì? - Thành thị ra đời có ý nghĩa gì?
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p>B. Kiến thức trọng tâm</p> <p>1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Châu Âu</p> <p>Thế kỉ V, Người Giéc Manh vào đế quốc La Mã đã:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phá bỏ bộ máy nhà nước Rô ma . - Chia ruộng đất của chủ nô cho quý tộc và tướng lĩnh, họ có quyền lợi , giàu có đó là lãnh chúa phong kiến . - Nô lệ và nông dân trở thành nông nô , họ lệ thuộc vào lãnh chúa . <p>→ Quan hệ sản xuất phong kiến hình thành ở Châu Âu gồm lãnh chúa phong kiến và nông nô.</p> <p>2. Lãnh địa phong kiến</p>

Là vùng đất đai rộng lớn mà các Lãnh chúa chiếm làm của riêng, như một vương quốc nhỏ.

- Lãnh địa phong kiến gồm đất đai của lãnh chúa ,nhà ở của nông nô. Nông nô nhận ruộng đất canh tác và nộp tô thuế, chịu nhiều thứ thuế khác nhau.

- Đặc điểm: Là đơn vị kinh tế, chính trị độc lập, mang tính tự cung tự cấp, đóng kín của lãnh chúa.

- Đời sống : lãnh chúa có nhiều quyền như vua , sống đầy đủ xa hoa ; nông nô phụ thuộc , khổ cực, đói nghèo.

- Kinh tế : tự sản xuất, tự cấp, tự túc , tự tiêu thụ , chỉ mua muối và sắt, không trao đổi buôn bán.

3. Sự xuất hiện các thành thị trung đại

- Cuối thế kỉ XI, kinh tế thủ công nghiệp phát triển dẫn đến nhu cầu trao đổi và buôn bán hàng hoá, nhiều thành thị trung đại ra đời.

- Tổ chức của thành thị : phố xá cửa hàng , các phường hội và thương hội .

- Sống trong thành thị gồm thợ thủ công , thương nhân .

→ Thành thị thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa, xã hội phong kiến Châu Âu phát triển .

Kinh tế của lãnh địa	Kinh tế thành thị trung đại
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế nông nghiệp - Tự sản xuất, tự cung tự cấp, tự túc, tự tiêu thụ. - Chỉ mua muối và sắt, không trao đổi buôn bán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp - Phường hội - Thương hội

C. Bài tập

Câu 1: Khi tràn vào lãnh thổ của đế quốc Rô-ma, người Giéc-man đã tiến hành nhiều việc làm thay đổi bộ mặt của khu vực này. Đánh dấu x vào ô trống đầu câu trả lời em cho là phù hợp:

Tiêu diệt các vương quốc cũ trên đất Rô-ma.

Thành lập nhiều vương quốc mới của họ như: Phơ-răng, Tây Gôt, Đông Gôt,...

Xây dựng nhiều cung điện nguy nga cho các tướng lĩnh, quý tộc.

Giảm mức thu thuế cho dân địa phương nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.

Câu 2: Nêu các giai cấp mới được hình thành trong xã hội phong kiến châu Âu:

Câu 3: Lãnh địa phong kiến là gì?

Câu 4: Đánh dấu x vào ô trống trước câu viết về những hoạt động trong lãnh địa mà em cho là đúng:

	<input type="checkbox"/> Xây dựng pháo đài, có hào sâu, dinh thự, nhà kho, chuồng trại... <input type="checkbox"/> Nông nô cày cấy ruộng đất, không phải đóng góp gì cho lãnh chúa. <input type="checkbox"/> Lãnh chúa suốt ngày tiệc tùng, hội hè, săn bắn,... <input type="checkbox"/> Lãnh chúa luôn chăm lo phát triển sản xuất và luyện tập cung, kiếm để bảo vệ lãnh địa. Câu 5: Thành thị trung đại được hình thành từ: A. Trong các lãnh địa B. Các thị trấn Câu 6: Mô tả những hoạt động chủ động chủ yếu trong thành thị?
--	--

BÀI 2: SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<u>A. Đọc sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau:</u> 1. Những cuộc phát kiến lớn về địa lí. - Khái niệm phát kiến địa lí: là thuật ngữ để chỉ những phát hiện mới về địa lí của các nhà thám hiểm châu Âu ở thế kỉ XV-XVI - Nguyên nhân dẫn đến các cuộc phát kiến? - Điều kiện dẫn đến các phát kiến địa lí? - Quan sát H3/sgk Tàu Ca – ra – ven, em thấy con tàu có những đặc điểm gì giúp cho nó có thể thực hiện các cuộc hành trình vượt đại dương? - Kể tên các cuộc phát kiến? - Quan sát H5/ sgk nêu sơ lược hành trình của các nhà hàng hải trên bản đồ - Kết quả của các cuộc phát kiến? - Các cuộc phát kiến đó có ý nghĩa gì? 2. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu - Việc tạo ra vốn và những người lao động làm thuê như thế nào? - Những việc làm đó có tác động gì với xã hội? - Giai cấp Tư sản và Vô sản hình thành từ những tầng lớp nào?
--	--

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<u>B. Kiến thức trong tâm</u> 1. Những cuộc phát kiến lớn về địa lí. - Nguyên nhân : do sản xuất phát triển, cần thị trường , nguyên liệu , vàng bạc. - Điều kiện : phát kiến địa lý vì khoa học kỹ thuật tiến bộ – đóng tàu lớn có la bàn . - Các cuộc phát kiến địa lý : Vax cô đơ Gama , Cô lôm bô ,Ma giên lan, đi bằng đường biển. - Kết quả : tìm ra con đường biển mới , vùng đất mới , dân tộc mới , đem lại cho giai cấp tư sản những món lợi khổng lồ.
--	---

2. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu

- Sau các cuộc phát kiến địa lý, thương nhân Châu Âu giàu lên trở thành giai cấp tư sản.
- Nhờ vốn, nhờ công nhân làm thuê, do đó tư sản lập xưởng sản xuất, công ty thương mại, những đồn điền rộng lớn, người làm thuê trở thành giai cấp vô sản
- Nền sản xuất mới tư bản chủ nghĩa ra đời ngay trong lòng chế độ phong kiến.
- Hình thành quan hệ tư bản chủ nghĩa: Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

C. Bài tập

Câu 1. Đâu không phải là nguyên nhân dẫn đến những cuộc phát kiến địa lý?

- A. Do khát vọng muốn tìm mảnh đất có vàng.
- B. Do yêu cầu phát triển của sản xuất.
- C. Do muốn tìm những con đường mới.
- D. Do nhu cầu của những người dân.

Câu 2. Những nước nào đi đầu trong cuộc phát kiến địa lý?

- A. Anh, Tây Ban Nha.
- B. Pháp, Bồ Đào Nha.
- C. Anh, I-ta-li-a.
- D. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

Câu 3. Chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Thu vàng bạc, hương liệu từ Ấn Độ và phương Đông
- B. Các thành thị trung đại
- C. Vốn và công nhân làm thuê.
- D. Sự phá sản của chế độ phong kiến.

Câu 4. Cuộc phát kiến địa lý của các thương nhân châu Âu chủ yếu hướng về đâu?

- A. Ấn Độ và các nước phương Đông
- B. Trung Quốc và các nước phương Đông.
- C. Nhật Bản và các nước phương Đông
- D. Ấn Độ và các nước phương Tây

Câu 5. Các cuộc phát kiến địa lý đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu?

- A. Công nhân, quý tộc.
- B. Thương nhân, quý tộc.
- C. Tướng lĩnh, quý tộc.
- D. tầng lữ, quý tộc.

Câu 6. Giai cấp tư sản tích lũy vốn ban đầu bằng những thủ đoạn khác nhau. Hãy đánh dấu x vào ô trống đầu câu mà em cho là sai:

- Cướp bóc tài nguyên, của cải của các nước thuộc địa.
- Tổ chức sản xuất, thu được nhiều lợi nhuận, trở nên giàu có.
- Đuổi nông nô ra khỏi lãnh địa, buộc họ trở thành người làm thuê.

Buôn bán người da đen.

Câu 7. Giai cấp vô sản được hình thành từ những tầng lớp nào?

A. Nông nô

B. Tư sản

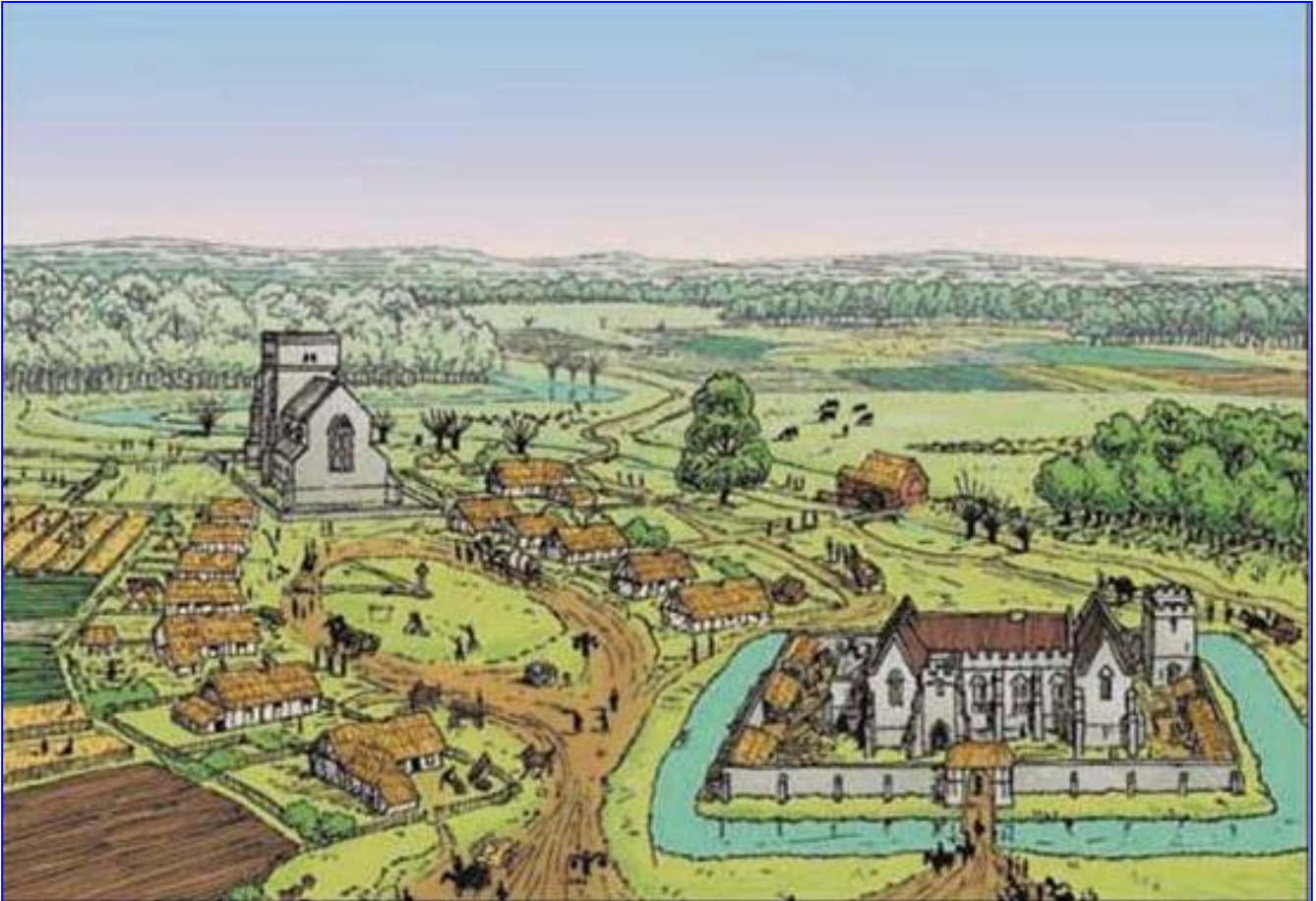
C. Công nhân

D. Địa chủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

BÀI 1

Lãnh địa phong kiến



- Lãnh địa là một khu đất rộng: đó có cả đất trồng trọt. Trong khu đất của lãnh chúa có những lâu đài, dinh thự, nhà thờ, nhà kho, chuồng trại... có hào sâu, tường cao, tạo thành những pháo đài kiên cố.

- Đời sống kinh tế :

+ Nông nô nhận ruộng đất của lãnh chúa cày Gậy và nộp tô, ngoài ra còn dệt vải, may quần áo, làm giày dép, đóng đồ đạc, vũ khí... , chỉ mua một vài hàng nhu yếu phẩm như sắt, tơ lụa, đồ trang sức.

+ Thủ công nghiệp cũng chỉ hoạt động trong lãnh địa, nông nô làm các nghề phụ như dệt vải, may quần áo, làm công cụ... , lãnh chúa có những xưởng thủ công riêng như xưởng rèn, đồ gốm, may mặc.

+ Lãnh địa là đơn vị kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, việc trao đổi buôn bán trong lãnh địa đóng vai trò thứ yếu.

- Đời sống chính trị trong lãnh địa :

+ Mỗi lãnh địa là một đơn vị chính trị độc lập, lãnh chúa được coi là ông vua con, có quân đội, toà án, pháp luật riêng, chế độ thuế khoá, tiền tệ riêng...

+ Đời sống lãnh chúa :

Lãnh chúa có cuộc sống nhàn rỗi, xa hoa; sung sướng, thời bình chỉ luyện tập cung kiếm, cưỡi ngựa, dạ hội, tiệc tùng.

Đối với nông nô : bóc lột nặng nề và đối xử hết sức tàn nhẫn.

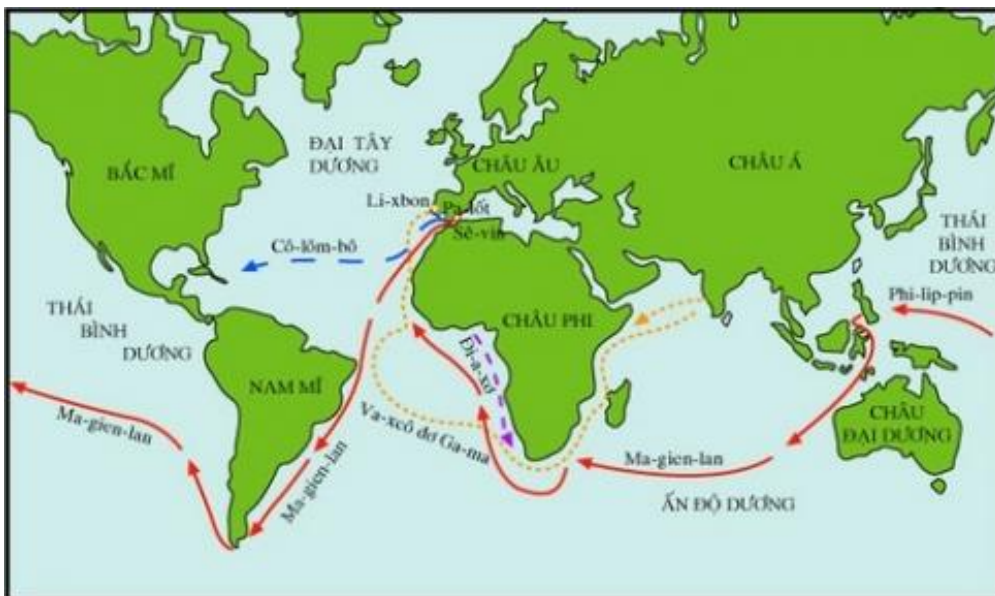
+ Đời sống nông nô:

Nông nô là người sản xuất chính trong các lãnh địa. Họ bị gắn chặt và lệ thuộc vào lãnh chúa, nhận ruộng đất về cày cấy và phải nộp tô nặng, ngoài ra họ còn phải nộp nhiều thứ thuế khác.

Song họ vẫn được tự do trong sản xuất, có gia đình riêng, có nông cụ và gia súc.

BÀI 2

Các cuộc phát kiến địa lí



- Năm 1486, nhà hàng hải B. Điaxơ (Dias) đi xuống phía Nam nhưng bị bão đánh đi thật xa rồi giạt vào cực Nam châu Phi. Ông đặt tên là mũi Bảo Táp (sóng cao 20 – 24 m, mùa hè ở Hảo Vọng gió đến 120 km/h). Sau đó, ông nhìn thấy bờ biển phía Đông và được một

số hoa tiêu Hội giáo hứa sẽ đưa ông sang Ấn Độ nên ông đổi tên mũi Bảo Táp thành mũi Hảo Vọng. Nhưng vì hết lương thực nên đoàn thuyền phải quay về.

- Tháng 7.1497, Vasco da Gama (một chàng thủy thủ 28 tuổi với cá tính quả quyết, dũng cảm và lạnh lùng, tàn nhẫn. Một người rất đam mê với những hoạt động hàng hải và từng học tại trường hàng hải của Hoàng tử Henri) chỉ huy 3 tàu với 160 người (gồm cả chỉ huy, thủy thủ, các loại thợ, giáo sĩ, phiên dịch và 12 tử tù) men theo bờ biển châu Phi đi về hướng Đông. Đoàn thuyền bị bão đánh dạt sang Braxin (Brazil). Sau đó, họ trở lại mũi Hảo Vọng, được hoa tiêu người Mã Lai dẫn đường đã vượt Ấn Độ Dương đến được Calicut (Tây Nam Ấn Độ). Như vậy, Vasco da Gama đã mở được con đường biển từ châu Âu đi sang châu Á. Sau một thời gian ở Calicut, Gama không được lên thành phố buôn bán nên quay thuyền trở về. Trên đường về, Vasco da Gama cho đánh cướp tất cả thuyền buôn đi lại trên Ấn Độ Dương và mang về Bồ Đào Nha với số lượng hàng hóa trị giá gấp 60 lần số tiền dùng trong cuộc viễn chinh. Ngày 18.9.1499, đoàn thuyền của Vasco da Gama về đến Bồ Đào Nha. Từ đó, người Bồ Đào Nha đã độc chiếm con đường biển này suốt 18 năm trời.

- Như vậy, người Bồ Đào Nha đã tìm được con đường sang châu Á từ hướng Đông. Lúc này, người Tây Ban Nha cũng bắt đầu thực hiện những chuyến thám hiểm về hướng Tây.

- Ngày 17.4.1492, Christopher Columbus (một người Italia đã sống nhiều năm ở Tây Ban Nha, học tập và nghiên cứu về địa lí, hàng hải. Cuốn Địa lí học của Ptolemy và cuốn Du kí của Marco Polo là những cuốn sách mà Columbus say sưa đọc, tích lũy được nhiều kiến thức. Nhờ đó, Columbus biết rằng Trái Đất hình tròn, khoảng cách giữa phía Đông và phía Tây bị ngăn cách bởi biển cả nhưng rất gần với Ấn Độ đã kí bản cam kết với đại biểu của Quốc vương Tây Ban Nha để nhận được sự bảo trợ của nhà vua cho những chuyến thám hiểm của mình. Ngày 3.8.1492, Columbus với 3 chiếc thuyền lớn cùng 90 thủy thủ rời Tây Ban Nha, vượt Đại Tây Dương đi về hướng Tây. Sau hai tháng lênh đênh trên biển, đoàn thuyền của Columbus cũng đến được hòn đảo San Salvador và nhiều hòn đảo khác ở vùng biển Caribe rồi đặt chân đến Cuba. Tuy nhiên, ông nhầm lẫn đây là vùng đất Tây Ấn Độ nên gọi thổ dân nơi đây là “người Indians”. Sau đó, ông còn tổ chức thêm 3 chuyến thám hiểm nữa (năm 1493, 1498 và 1502) và phát hiện thêm một số đảo và lãnh thổ trên đất liền. Tuy nhiên, sự nhầm lẫn đáng tiếc nhất của Columbus là ông đã nhầm tưởng đây là Ấn Độ. Cư dân trên những đảo này trồng khoai mì, thuốc lá, bông vải và vài loại cây lương thực khác, nhưng cái làm cho Columbus quan tâm nhất là đồ trang sức lấp lánh mà thổ dân đeo trên người. Năm 1506, ông chết trong sự nghèo khổ, túng quẫn. Sự nhầm lẫn này của Columbus đã được một người ý là Vespucci Amerigo chứng minh vào năm 1501. Khi đặt chân đến vùng đất Caribe, V. Amerigo nhận thấy không có liên qua gì

đến vùng đất châu Á và quả quyết rằng đây là xứ sở chưa từng được biết tới. Trong tập ghi chép năm 1504, Amerigo viết tên miền đất lạ này là Mundus Novus (Tân Thế giới) – là vùng nằm giữa châu Âu và châu Á. Năm 1507, nhà Bản đồ học người Đức đã in tấm bản đồ Tân Thế giới đầu tiên và đặt tên vùng này là America để tỏ lòng tôn kính V. Amerigo. Từ đó, châu Mỹ mang tên là America.

- Cuộc hành trình vĩ đại nhất là của Ferdinal Magellen – một quý tộc người Bồ Đào Nha. Ông từng đệ trình lên nhà vua Bồ Đào Nha kế hoạch thám hiểm của mình nhưng bị khước từ. Ông sang Tây Ban Nha và được vua Tây Ban Nha đồng ý với kế hoạch đó. Tháng 9.1519, F. Magellan chỉ huy một đoàn gồm 5 thuyền với 265 thủy thủ vượt Đại Tây Dương đi về hướng Tây theo con đường của Columbus. Đoàn thuyền đến Brasil rồi vòng xuống cực Nam châu Mỹ. Đang ở Đại Tây Dương sóng to gió lớn, đoàn thuyền đi vòng qua mũi đất hoang tàn vì giông bão của lục địa Nam Mỹ (nay gọi là eo biển Magellan) và đi vào một đại dương mới sóng yên biển lặng nên Magellan đặt tên là Thái Bình Dương. Thủy thủ đoàn chịu đựng 99 ngày trên Thái Bình Dương trong cảnh hết lương thực, nước ngọt. Thậm chí, một số thủy thủ đã nổi loạn và Magellan phải cho treo cổ một số người để làm gương. Hơn 2 tháng lênh đênh trên biển, đoàn thuyền hết lương thực, phải bắt chuột để ăn nhưng chuột cũng hết, mọi người phải ngâm dây thắt lưng bằng da để ăn cho đỡ đói. Cuối cùng, ngày 16.3.1521, đoàn thuyền của Magellan cũng đặt chân lên được Philippines. Sau khi được cứu sống và tiếp tế đầy đủ lương thực, nước ngọt, Magellan cho thủy thủ đi cướp bóc của cải của người Philippines. Trong một cuộc đụng độ với nhân dân Philippines, Magellan đã thiệt mạng. Juan Sebastian de Elcano lên thay nắm quyền chỉ huy và cho con thuyền độc nhất còn lại tiếp tục qua eo biển Malacca, vượt Ấn Độ Dương đến Mũi Hảo Vọng rồi về Tây Ban Nha từ hướng Đông (6.9.1522). Như vậy, sau hơn 3 năm thám hiểm, đoàn thuyền của Magellan đã ra đi từ hướng Tây và về từ hướng Đông. Đây là chuyến đi vòng quanh thế giới đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ và tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
SỬ		

HƯỚNG DẪN CÁCH HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HS ĐỌC SGK VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỂ TÌM HIỂU KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 2: HS GHI NỘI DUNG CHÍNH VÀO VỞ BÀI HỌC

HOẠT ĐỘNG 3: HS LÀM BÀI TẬP VÀO VỞ BÀI TẬP

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN 7 (Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

TUẦN 1: CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP

Tiết 1: Văn bản

CỔNG TRƯỜNG MỞ RA

(Lý Lan)

I/ Hoạt động 1: Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu

1. Em hãy đọc văn bản “Cổng trường mở ra” của tác giả Lý Lan, đọc phần chú thích trong SGK. Hãy gạch chân dưới những từ ngữ, nội dung quan trọng trong văn bản.

2. Chia bố cục của văn bản

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “cái thế giới mà mẹ vừa bước vào”): Diễn biến tâm trạng của hai mẹ con trước ngày khai trường.

- Đoạn 2 (còn lại) : Tầm quan trọng của giáo dục trong nhà trường.

3. Trả lời các câu hỏi sau đây :

+ Theo em, tại sao người mẹ lại không ngủ được? Chi tiết nào chứng tỏ ngày khai trường đã để lại dấu ấn thật sâu đậm trong tâm hồn người mẹ?

+ Câu văn nào trong bài nói lên tầm quan trọng của nhà trường đối với thế hệ trẻ?

+ Người mẹ nói: “... bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”. Đã bảy năm bước qua cánh cổng trường, bây giờ em hiểu *thế giới kì diệu* đó là gì?

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

1. Đọc – Hiểu chú thích

Xem SGK/8

2. Tìm hiểu văn bản

a. Diễn biến tâm trạng của hai mẹ con trước ngày khai trường

Mẹ	Con
-Chuẩn bị mọi thứ cho con. -Không tập trung được vào việc gì cả. -Lên giường và trần trọc. -Nhớ lại ngày khai trường năm xưa.	-Háo hức như sắp đi chơi xa. -Hăng hái tranh dọn dẹp đồ chơi với mẹ. -Giấc ngủ đến nhẹ nhàng. -Không có mối bận tâm nào khác ngoài việc mai thức dậy cho kịp giờ.

=> Tương phản, từ láy.

=> Mẹ thao thức, suy nghĩ triền miên, yêu thương con.

Con thanh thản, nhẹ nhàng, vô tư.

b. Tầm quan trọng của giáo dục trong nhà trường

... mỗi sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng cả đến một thế hệ mai sau, và sai lầm một ly có thể đưa thế hệ ấy đi chệch cả hàng dặm sau này

... hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra

=> Khẳng định vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống của mỗi con người.

3. Tổng kết

a. Nghệ thuật:

- Từ láy, tương phản.
- Ngôn ngữ giản dị, tâm tình, tha thiết.
- Miêu tả tâm trạng nhân vật sâu sắc.

b. Nội dung: Tấm lòng yêu thương, tình cảm sâu nặng của mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống của mỗi con người.

III. Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6- 8 dòng) về một kỉ niệm đáng nhớ nhất trong ngày khai trường đầu tiên của em.

IV. Những thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (theo mẫu)

Trường

Lớp

Họ và tên học sinh

Chủ đề/ Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	Mục...	

Tiết 2: Văn bản

MẸ TÔI

(Ét-môn-đô đơ A-mi-xi)

I/ Hoạt động 1: Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu

1. Em hãy đọc văn bản “Mẹ tôi” của tác giả Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, đọc phần chú thích trong SGK. Hãy gạch chân dưới những từ ngữ, nội dung quan trọng trong văn bản.

2. Chia bố cục của văn bản

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “Từ đầu ... nghĩ rằng có thể mất con”): Tình yêu thương của mẹ dành cho con.

- Đoạn 2 (Nhớ lại điều ấy...tình yêu thương đó): Suy nghĩ và thái độ của người bố .

- Đoạn 3 (còn lại): Lời khuyên của người bố.

3. Trả lời các câu hỏi sau đây :

+ Văn bản là một bức thư người bố gửi cho con, nhưng tại sao tác giả lại lấy nhan đề là “Mẹ tôi”?

+ Thái độ của người bố đối với En-ri-cô qua bức thư là thái độ như thế nào? Dựa vào đâu mà em biết được? Lý do gì khiến ông có thái độ ấy?

+ Trong truyện có những hình ảnh, chi tiết nào nói về người mẹ của En-ri-cô? Qua đó em hiểu mẹ En-ri-cô là người như thế nào?

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

1. Đọc – Hiểu chú thích

Xem SGK/11

2. Tìm hiểu văn bản

a. Ý nghĩa nhan đề

-Tên văn bản do nhà văn đặt

-Người mẹ là tiêu điểm mà các nhân vật và chi tiết đều hướng tới

b. Nguyên nhân người bố viết thư

-En-ri-cô nhớ thốt ra một lời thiếu lễ độ với mẹ

=> *Giúp En-ri-cô suy nghĩ kĩ, nhận ra và sửa lỗi lầm.*

c. Thái độ của bố

-Không thể nén được cơn tức giận.

-Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy.

=> *Bố buồn bã, tức giận, thất vọng về con, yêu thương con nhưng rất nghiêm khắc.*

d. Hình ảnh của người mẹ

-Thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển của con.

-Quần quai vì nỗi lo sợ, khóc nức nở.

-Sẵn sàng bỏ một năm hạnh phúc.

-Có thể đi ăn xin để nuôi con.

-Có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con.

=> *Yêu thương con vô bờ bến, có thể hi sinh tất cả vì con.*

e. Lời khuyên của bố

-Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả

-Không bao giờ được thốt ra một lời nói nặng với mẹ.

-Con phải xin lỗi mẹ và cầu xin mẹ hôn con.

=> *Lời khuyên nhủ tế nhị, chân thành, sâu sắc.*

3. Tổng kết

-Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả

-Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó.

III. Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6- 8 dòng) về thể hiện tình cảm của em đối với mẹ.

IV. Những thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (theo mẫu)

Trường

Lớp

Họ và tên học sinh

Chủ đề/ Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	Mục...	

Tiết 3+4: Văn bản

CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ (Khánh Hoài)

I/ Hoạt động 1: Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu

1. Em hãy đọc văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê” của tác giả Khánh Hoài, đọc phần chú thích trong SGK. Hãy giải thích những từ ngữ sau “Chim sâu” “Ráo hoảnh”, “Dao díp”, “Võ trang”, “Ô ăn quan”.

2. Chia bố cục của văn bản

- Đoạn 1 : Từ đầu ... “hiếu thảo như vậy”: Cuộc chia búp bê.

- Đoạn 2 : Tiếp ... “trùm lên cảnh vật”: Thủy chia tay lớp học.

- Đoạn 3: Còn lại : Hai anh em chia tay nhau.

3. Trả lời các câu hỏi sau đây :

- Trong đời sống hàng ngày, em đã bao giờ chứng kiến cuộc chia li giữa các bậc cha mẹ chưa? Theo em, những cuộc chia li như thế thường để lại hậu quả gì? Hãy chia sẻ những suy nghĩ của em với các bạn.

- Tên truyện có liên quan đến ý nghĩa của truyện không? (Búp bê có chia tay không, vì sao chúng phải chia tay? Búp bê có lỗi gì không?)

- Qua câu chuyện này tác giả muốn nhắn gửi mọi người điều gì?

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

1. Đọc – Hiểu chú thích

Xem SGK/26

2. Tìm hiểu văn bản

a. Cuộc chia hai anh em.

* *Tình cảm của hai anh em:*

	Thủy	Thành
<i>Khi còn bên nhau</i>	- Mang kim chỉ ra sân vận động vá áo cho anh - Võ trang con vệ sĩ cho anh ngủ	- Giúp em học - Chiều nào cũng đi đón em, dắt tay nhau trò chuyện
<i>Khi mẹ bắt chia đồ chơi</i>	-Nhường cho anh con vệ sĩ	-Nhường hết đồ chơi cho em

=> Rất mực gần gũi, thương yêu, chia sẻ và quan tâm tới nhau. Tình cảm đậm thắm, trong trẻo

* *Cuộc chia tay của 2 anh em*

- *Tâm trạng*

Đêm qua	- <i>Khóc nước nỡ, tức tưởi</i>	- <i>Cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc.</i> - <i>Nước mắt tuôn như suối.</i>
Khi mẹ nói “Thôi, 2 đứa ra đi”	- <i>Run bần bật.</i> - <i>Cặp mắt kinh hoàng, tuyệt vọng, buồn thắm thắm</i> - <i>Hai bờ mi song mọng vì khóc nhiều.</i>	
Mẹ ra lệnh “Đem đồ chơi ra chia đi!”	<i>Như người mất hồn, loạng choạng, buồn bã, sứt sứt...</i>	

→ **NT:** Sử dụng từ láy, phép so sánh

→ *Miêu tả tinh tế tâm trạng bàng hoàng, đau đớn, buồn sợ, lo lắng trước nỗi đau chia xa của 2 anh em.*

- Quá trình chia đồ chơi:

Thành	Thủy
Cho em tất.	Mắt ráo hoảnh, nấc lên khe khẽ.
Lấy hai con búp bê đặt sang hai bên.	Tru tréo, giận dữ không chấp nhận.
Buồn bã, cười cay đắng	- Đặt con búp bê về chỗ cũ - Bỗng vui vẻ
Cổ vui theo em, nước mắt ứa ra.	
	Để lại con Vệ sĩ cho anh → Khóc nức lên
Khóc nức lên	
	Để lại cả 2 con búp bê cho anh.

→ Miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế phù hợp với tính cách và lứa tuổi

→ Tình cảm anh em bền chặt không gì có thể chia rẽ. Thủy là một em gái giàu lòng vị tha.

b. Cuộc chia tay của Thủy với lớp học

	Chi tiết
Thủy	+ Đứng nép vào gốc cây. + Cắn chặt môi, mắt đăm đăm. + Nhìn khắp sân trường. + Bật lên khóc thút thít
Cô giáo	+ Kêu lên sững sốt. + Ôm chặt lấy Thủy. + Nói: "Cô thương em lắm". + Chuẩn bị quà vở + bút + Tái mặt và giàn giụa nước mắt
Các bạn	+ Sững sờ. + Khóc thút thít. + Nắm chặt tay Thủy
<p>→ Nghệ thuật: Từ láy, miêu tả tâm lý nhân vật</p> <p>→ Tâm trạng: Sự cô đơn, buồn tủi, đau khổ của Thủy, Sự đồng cảm thương xót của cô giáo và các bạn.</p>	

- **Thành:** Kinh ngạc, thấy mọi người vẫn bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật

- **Lí do:**

+ Khi mọi vật vẫn bình thường >< Hai anh em phải chịu đựng nỗi mất mát.

+ Khi mọi người bình thường >< Tâm hồn 2 anh em nổi giông bão, đất trời sụp đổ

→ **Đối lập giữa nội tâm và ngoại cảnh**

→ **Làm tăng thêm nỗi đau xót, tâm trạng thất vọng, bơ vơ, lạc lõng của Thành.**

c. Ý nghĩa nhan đề

-Giàu sức gợi, để lại ấn tượng trong lòng bạn đọc, buộc người đọc phải theo dõi câu chuyện.

-Búp bê: đồ chơi của tuổi thơ → Sự ngộ nghĩnh, vô tư

-Cuộc chia tay của những con búp bê → Gợi tình huống đau lòng: Cuộc chia tay của 2 anh em Thành – Thủy

3. Tổng kết

a. Nghệ thuật

- Lựa chọn ngôi thứ nhất.
- Thành công khi xây dựng và phân tích tâm lí nhân vật.
- Lời kể tự nhiên theo trình tự sự việc
- Sử dụng từ láy, phép nhân hóa, đối lập.

b. Nội dung

Tổ ấm gia đình là vô cùng quý giá và quan trọng. Mọi người nên bảo vệ và giữ gìn.

III. Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

1. Tìm và sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ nói về tình anh em.
2. Kết thúc truyện búp bê có chia tay không, qua đó thể hiện mong muốn gì của Thành và Thủy?
2. Em hãy viết đoạn văn ngắn (6-8 dòng) nêu suy nghĩ của mình về tình anh em.

IV. Những thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (theo mẫu)

Trường

Lớp

Họ và tên học sinh

Chủ đề/ Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	Mục...	

Tiết 5: Tập làm văn

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I/ Hoạt động 1: Đọc các ví dụ và thực hiện những yêu cầu sau:

Đọc ví dụ: I.1.a/ Trang 17 và thực hiện các yêu cầu

- 1.Theo em, nếu bố En-ri-cô chỉ viết mấy câu giống trong ví dụ I.1.a sgk/17, thì En-ri-cô có thể hiểu được điều bố muốn nói chưa?
2. Nếu En-ri-cô chưa hiểu ý bố thì cho biết vì lí do nào dưới đây?
 - Vì câu văn viết chưa đúng ngữ pháp.
 - Vì câu văn có nội dung chưa thật rõ ràng.
 - Vì giữa các câu còn chưa có sự liên kết.
3. Muốn cho đoạn văn có thể hiểu được thì nó phải có tính chất gì?
 - Xem lại ví dụ I.1.a/ Trang 17 và cho biết: Do thiếu ý gì mà nó trở nên khó hiểu?

- Đọc ví dụ: I.2.b/ Trang 18 và cho biết:

- + Ví dụ trên còn thiếu những từ ngữ nào so với nguyên văn văn bản “*Công trường mở ra*”?
- + Từ 2 ví dụ trên, em hãy cho biết: Một văn bản có tính liên kết cần phải có điều kiện gì?

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

I. Liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

1. Tính liên kết trong văn bản:

a. Ví dụ: a,b,c/ trang 17:

- “... con đã thiếu lễ độ với mẹ...Bố nhớ...Hãy nghĩ xem....Thôi...con đừng hôn bố”

➔ Nội dung các câu chưa thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.

⇒ Thiếu tính liên kết trong nội dung câu.

b. Ghi nhớ 1 (SGK/ 18)

2. Phương tiện liên kết trong văn bản:

a. Ví dụ:

* VD 1a/ Trang 17:

- Thêm các câu có nội dung thể hiện sự đau lòng và lời dằn dò của bố.

➔ Liên kết nội dung

* VD 2b/ Trang 18:

- Thêm “Còn bây giờ” trước câu 2

- Thay từ “đứa trẻ” thành “con” để có sự thống nhất.

➔ Liên kết hình thức

b. Ghi nhớ 2 (SGK/18)

II. Luyện tập

III/ Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn dưới đây để các câu liên kết chặt chẽ với nhau.

Bà ơi! Cháu thường về đây, ra vườn, đứng dưới gốc na, gốc ổi mong tìm lại hình bóng của .. và nhớ lại ngày nào ... trồng cây, ... chạy lon ton bên bà. ... bảo khi nào có quả ... sẽ dành quả to nhất, ngon nhất cho ..., nhưng cháu lại bảo quả to nhất, ngon nhất phải để phần bà. ... bà ôm cháu vào lòng, hôn cháu một cái thật kêu.

(Theo Nguyễn Thu Thủy Tiên, những bức thư đạt giải UPU)

IV. Những thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (theo mẫu)

Trường

Lớp

Họ và tên học sinh

Chủ đề/ Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	Mục...	

Tiết 6: Tập làm văn

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I/ Hoạt động 1: Đọc các ví dụ và thực hiện những yêu cầu sau:

Đọc ví dụ: I.1.a/ Trang 28 và thực hiện các yêu cầu

1. Em hãy cho biết trình tự của một lá đơn xin gia nhập Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh?

2. Nội dung đó được sắp xếp theo trật tự như thế nào?

3. Em có thể tùy thích ghi nội dung nào trước cũng được hay không? Vì sao?

- Nêu những yêu cầu về bố cục trong văn bản.

- Một văn bản thường có bố cục mấy phần? Đó là những phần nào?

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

I. Bố cục và những yêu cầu về bố cục trong văn bản

1. Bố cục của văn bản

a. Ví dụ:

- Đơn xin gia nhập Đội TNTP HCM

+ Quốc hiệu, tiêu ngữ

+ Ngày, tháng, năm viết đơn

- + Tên đơn
- + Đơn gửi ai? Ai gửi đơn? Gửi để làm gì?
- + Lời hứa hẹn, cam đoan, cảm ơn
- + Kí tên.

→ Trình tự hợp lí

→ Bố cục

b. Ghi nhớ 1 (SGK/ 30)

2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản

a. Ví dụ/ sgk trang 29

- Trình tự các sự việc không hợp lí
- Sắp xếp lại:
- + Câu chuyện 1: (2), (4), (5), (3), (1), (6), (7)
- + Câu chuyện 2: (1), (2), (3), (5), (4)

→ Nội dung thống nhất, trình tự rõ ràng

b. Ghi nhớ 2 (SGK/30)

3. Các phần của bố cục

- Mở bài
- Thân bài
- Kết bài

Ghi nhớ 3 (SGK/ 30)

III/ Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

Hãy ghi lại bố cục của truyện “Cuộc chia tay của những con búp bê”. Em hãy viết lại (6-8 dòng) thay đổi kết thúc của truyện như em mong muốn.

IV. Những thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (theo mẫu)

Trường

Lớp

Họ và tên học sinh

Chủ đề/ Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	Mục...	

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I/ Hoạt động 1: Đọc các ví dụ và thực hiện những yêu cầu sau:

Đọc ví dụ SGK/31,32 và thực hiện các yêu cầu

1. Vậy khái niệm mạch lạc trong văn bản có phải dùng theo nghĩa nào?
2. Có người nói mạch lạc là sự tiếp nối của các câu, các ý theo 1 trình tự hợp lí. Em có tán thành không? Vì sao? Mạch lạc có cần thiết trong văn bản không?
3. Điều kiện để văn bản có tính mạch lạc là gì?

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

I. Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản

1. Mạch lạc trong văn bản

- Trôi chảy thành dòng, thành mạch.
 - Tuần tự đi khắp các phần các đoạn trong văn bản.
 - Thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.
- => Mạch lạc là sự tiếp nối các câu các ý theo 1 trình tự hợp lí.
=> Mạch lạc rất cần thiết cho văn bản

2. Điều kiện để văn bản có tính mạch lạc

* Ví dụ: Tìm hiểu văn bản "Cuộc chia tay của Thành Thủy, tình cảm của 2 anh em."

- Các sự việc xoay quanh sự việc chính: cuộc chia tay của Thành Thủy, tình cảm của 2 anh em.
 - Các đoạn: kể về tình cảnh nhân vật cuộc chia tay
 - Từ ngữ: xoay quanh cuộc chia tay
- => Các đoạn, các câu, các từ nói về 1 chủ đề
=> Các đoạn, các câu trong văn bản được nối với nhau theo mối liên hệ: thời gian, không gian, tâm lí

3. Bài học: Ghi nhớ 2 (SGK/32)

III/ Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng – mở rộng

1. Tìm hiểu tính mạch lạc trong văn bản "Mẹ tôi"

Gợi ý:

- Chủ đề chung của văn bản?
- Trình tự tiếp nối các phần, đoạn, câu có giúp cho sự thể hiện chủ đề được liên tục, thông suốt và hấp dẫn không?

2. Hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ về tình anh em có tính mạch lạc

- Yêu cầu: chỉ ra chủ đề và sự liên kết.

Tiết 8: TỪ GHÉP

I/ Hoạt động 1: Đọc các ví dụ trang 13, 14/sgk và thực hiện các yêu cầu

1. Nhận diện được từng loại từ ghép và cấu tạo của mỗi loại, các em chú ý vào những từ in đậm ở ví dụ 1,2/trang 13,14 (phần I)

- Trong các từ ghép **bà ngoại**, **thơm phức** ở phần ví dụ, tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính? Và em có nhận xét gì về trật tự của các tiếng trong những từ ấy.

- Các tiếng trong hai từ ghép **quần áo**, **trầm bổng** ở ví dụ 2, có phân ra tiếng chính, tiếng phụ không? Hai tiếng đó nó có phụ thuộc với nhau về nghĩa không?

- Từ 2 ví dụ ở phần bài học, em thấy từ ghép có mấy loại? Mỗi loại có đặc điểm như thế nào?

2. Phân loại nghĩa của từ ghép chính phụ và nghĩa của từ ghép đẳng lập, các em chú ý vào ví dụ 1,2/trang 14 (phần II).

- Em hãy so sánh nghĩa của từ ghép **bà ngoại** với nghĩa của tiếng **bà**; so sánh nghĩa của từ ghép **thơm phức** với nghĩa của tiếng **thơm**. Từ đó rút ra nhận xét về nghĩa của từ ghép chính phụ.

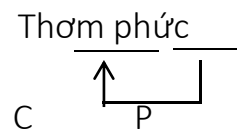
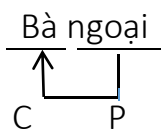
- So với nghĩa của từ ghép **quần áo** thì nghĩa của mỗi tiếng **quần**, **áo** như thế nào? So với nghĩa của từ ghép **trầm bổng** thì nghĩa của mỗi tiếng **trầm**, **bổng** như thế nào? (rộng hơn hay hẹp hơn). Từ đó rút ra nhận xét về nghĩa của từ ghép đẳng lập.

II/ Hoạt động 2 : Nội dung chính của bài học

1. Các loại từ ghép

a. Từ ghép chính phụ.

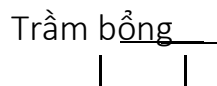
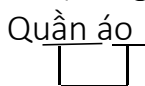
*Ví dụ 1/sgk trang 13.



=> Từ ghép chính phụ

b. Từ ghép đẳng lập.

*Ví dụ 2/sgk trang 14.



=> Từ ghép đẳng lập

* Ghi nhớ 1/sgk/tr14

2. Nghĩa của từ ghép

a. Nghĩa của từ ghép chính phụ.

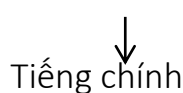
Bà ngoại

Thơm phức



bà

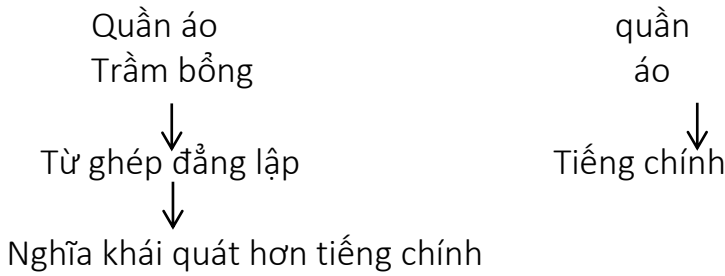
thơm



Nghĩa hẹp hơn tiếng chính

=> Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.

b. Nghĩa của từ ghép đẳng lập.



=> Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

*** Ghi nhớ 2/sgk/trang14**

III. Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng- mở rộng

1. Các em làm bài tập 1, 2, 3/sgk/trang 15
2. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 6-8 dòng nêu suy nghĩ của em về lòng biết ơn. Trong đó sử dụng ít nhất 1 từ ghép chính phụ và 1 từ ghép đẳng lập, gạch chân 2 từ ghép này.
3. Em hãy tìm những từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ trong đoạn văn sau:

Con là một đứa trẻ nhạy cảm. Cứ mỗi lần, vào đêm trước ngày sắp đi chơi xa, con lại háo hức đến nỗi lên giường mà không sao nằm yên được. Nhưng mẹ chỉ dỗ một lát là con đã ngủ. Đêm nay con cũng có niềm háo hức như vậy: Ngày mai là ngày khai trường lớp Một. Việc chuẩn bị quần áo mới, giày nón mới, cặp sách mới, tập vở mới, mọi thứ đâu đó đã sẵn sàng, khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường. Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có một mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dậy cho kịp giờ.

(Cổng trường mở ra – Lí Lan)

V. Những thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (theo mẫu)

Trường

Lớp

Họ và tên học sinh

Chủ đề/ Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	Mục...	

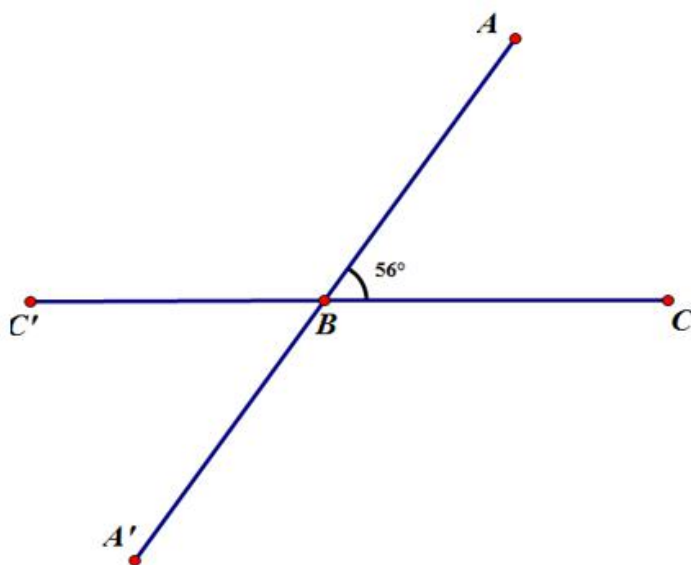
TIẾT 2 LUYỆN TẬP HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH

Bài 5 trang 82 : a) Vẽ góc ABC có đo bằng 56°

b) Vẽ góc ABC' kề bù với góc ABC. Hỏi số đo của góc ABC'.

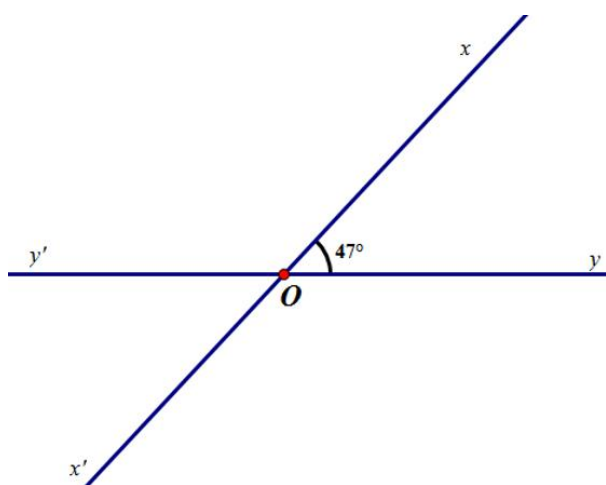
c) Vẽ góc C'BA' kề bù với góc ABC'. Tính số đo của góc C'BA'.

Vẽ hình:



Yêu cầu vẽ chính xác số đo, Tính góc rõ ràng.

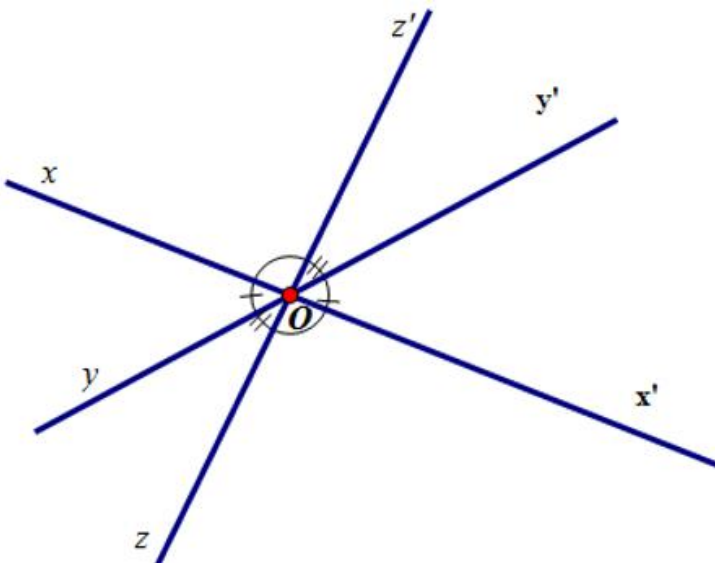
Bài 6 trang 83 : Vẽ hai đường thẳng cắt nhau sao cho trong các góc tạo thành có một góc 47° . Tính số đo các góc còn lại



Hướng dẫn: Vẽ đường thẳng xx'. Trên đường thẳng xx' ta lấy điểm O bất kì.

Sử dụng thước đo góc để vẽ tia yy' đi qua O sao cho góc xOy = 47°

Bài 7 trang 83 Ba đường thẳng xx' , yy' , zz' cùng đi qua điểm O . Hãy viết tên các cặp góc bằng nhau.



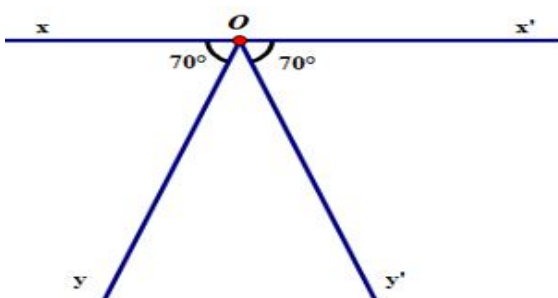
Trên hình vẽ ba đường thẳng xx' , yy' , zz' cùng đi qua điểm O .

Kẻ tên 6 cặp góc bằng nhau

Bài 8 trang 83: Vẽ hai góc có chung đỉnh và có cùng số đo là 70° , nhưng không đối đỉnh.

Vẽ hình: Cách 1: Vẽ đường thẳng $x'x$. Trên $x'x$ lấy điểm O

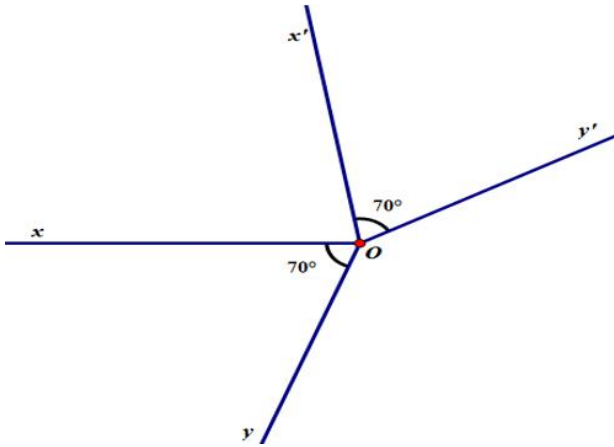
Vẽ góc (Oy và Oy' cùng thuộc một nửa mặt phẳng bờ xx').



Cách 2 : Hoặc vẽ góc $\widehat{xOy} = 70^\circ$

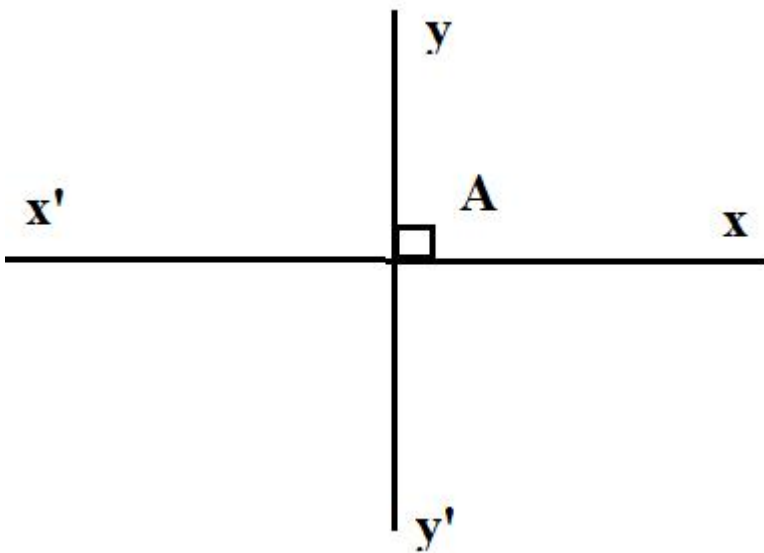
Từ O vẽ tia Ox' bất kì (không phải là tia đối của Ox)

Vẽ góc $\widehat{x'Oy'} = 70^\circ$ (hình b)



Bài 9 trang 83 : Vẽ góc vuông xAy . Vẽ góc $x'Ay'$ đối đỉnh với góc xAy . Hãy viết tên hai góc vuông không đối đỉnh.

Vẽ hình:



Kể tên 4 cặp góc theo yêu cầu đề bài.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI

NỘI DUNG BÀI HỌC
VẬT LÝ 7
HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021 – 2022

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
CHỦ ĐỀ 1 VÀ 2
(TỪ 06/9/2021 ĐẾN 18/9/2021)

Chủ đề 1: NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG

A. LÝ THUYẾT

I. KHI NÀO MẮT TA NHẬN BIẾT ĐƯỢC ÁNH SÁNG?

HD1: Hãy quan sát và nhận xét.

Những trường hợp sau đây, trường hợp nào mắt ta nhận biết ánh sáng? Vì sao?

1. Ban đêm, ở trong phòng có cửa sổ đóng kín, không bật đèn, mở mắt.
→ Không nhận biết ánh sáng, vì không có ánh sáng
 2. Ban đêm, ở trong phòng kín, bật đèn, mở mắt.
→ Có nhận biết ánh sáng, vì có ánh sáng truyền vào mắt ta.
 3. Ban ngày, ở ngoài trời, mở mắt.
→ Có nhận biết ánh sáng, vì có ánh sáng truyền vào mắt ta.
 4. Ban ngày, ở ngoài trời, che kín mắt
→ Không nhận biết ánh sáng, vì có ánh sáng nhưng không truyền vào mắt
- Vậy mắt ta nhận biết được ánh sáng cần điều kiện nào?

Kết luận:

- Mắt ta nhận biết được ánh sáng khi **có ánh sáng truyền vào mắt ta.**
- Ví dụ: Đứng ngoài trời nắng, mở mắt.

* **Chú ý:** Thiếu 1 trong 2 điều kiện thì mắt ta *không thể nhận biết ánh sáng.*

- Ví dụ:

- + Trời sáng, nhắm mắt: Có ánh sáng nhưng *ánh sáng không truyền vào mắt.*
- + Trời tối trong phòng kín, tắt đèn, mở mắt: *Không có ánh sáng truyền vào mắt ta.*

II. KHI NÀO MẮT TA NHÌN THẤY MỘT VẬT?

HD2: Hãy quan sát và nhận xét.



Câu 1: Ta nhìn thấy các vật trong phòng khi đèn tắt hay đèn sáng?

Vì sao?

→ Đèn sáng. Vì ánh sáng từ các vật trong phòng truyền đến mắt.



Câu 2: Cậu bé có nhìn thấy bảng phía sau hay không? Vì sao?

→ Không thấy. Vì ánh sáng từ bảng không truyền vào mắt.

Vậy điều kiện để mắt ta nhìn thấy 1 vật là gì? Có phải khi nào mắt ta nhận biết được ánh sáng cũng nhìn thấy 1 vật không?

Kết luận:

Mắt ta nhìn thấy một vật khi **có ánh sáng từ vật truyền đến mắt ta.**

III. NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG

HD3: Hãy quan sát và nhận xét.



- Vật trong phòng tự phát ra ánh sáng?
- Bóng đèn, màn hình tivi... **gọi là nguồn sáng**
- Vật hắt lại ánh sáng do vật khác chiếu vào?
- Bàn ghế, cây xanh, bức tranh, tường....

→ Bóng đèn, màn hình tivi, bàn ghế, cây xanh, bức tranh, tường... gọi là vật sáng

Kết luận:

1. **Nguồn sáng:**

- Nguồn sáng là những vật tự phát ra ánh sáng.
- Ví dụ: Mặt Trời, cây nến đang cháy

2. **Vật sáng:**

- Vật sáng bao gồm nguồn sáng và vật hắt lại ánh sáng từ vật khác chiếu vào nó.
- Ví dụ: Mặt Trời, cây nến đang cháy, Mặt Trăng, quyển sách....

* **Chú ý:** Vật màu đen không phải là vật sáng.

B. BÀI TẬP

Bài 1: Các vật sau, vật nào là nguồn sáng, vật nào là vật sáng, vật nào không là vật sáng? Vì sao?

a. Tờ giấy trắng trong phòng tối.

.....

b. Mảnh vải đen dưới trời nắng.

.....

c. Ngọn nến đang cháy trong phòng tối.

.....

d. Bóng đèn điện *không hoạt động* giữa ban ngày.

.....

e. Mặt Trăng đêm rằm.

.....

f. Mặt Trời.

.....

g. Bông hoa màu đỏ ban ngày

.....

Bài 2: Hãy giải thích:

a. Tại sao ta nhìn thấy bông hoa màu đỏ?

.....

b. Tại sao ta nhìn thấy những vật màu đen?

.....

c. Tại sao các thủy thủ đi tàu trên biển nhìn thấy các ngọn hải đăng?

.....

d. Tại sao ban đêm trong phòng kín, tắt đèn ta mở mắt nhưng không nhìn thấy mọi vật?

.....

e. Tại sao trong trò chơi “bịt mắt bắt dê” ta không nhìn thấy những người cùng chơi?

.....

f. Tại sao Mạc Đĩnh Chi dùng “đèn đom đóm” để đọc sách?

.....

Bài 3: Trong một lớp học, thầy giáo đang quay lưng về phía bảng, còn học sinh đang nhìn lên bảng. Hãy cho biết:

- a. Bảng là nguồn sáng hay vật sáng? Vì sao?
 b. Học sinh có nhìn thấy bảng không? Vì sao?
 c. Thầy giáo có nhìn thấy bảng không? Vì sao?

.....

Bài 4: Một bạn có thể dùng một gương phẳng hướng ánh nắng chiếu vào trong phòng tối để phòng đó sáng hơn. Gương đó có phải là nguồn sáng không? Tại sao?

.....

Bài 5: Ta nhận biết được ánh sáng khi:

- A. đang là ban ngày.
 B. có một nguồn sáng đặt trước mắt.
 C. ta đang mở mắt.
 D. có ánh sáng truyền vào mắt ta.

Bài 6: Ta nhìn thấy được một vật khi:

- A. vật là một nguồn sáng.
 B. ta đang mở mắt nhìn về phía vật.
 C. vật là một vật sáng.
 D. có ánh sáng từ vật truyền vào mắt ta.

Chủ đề 2: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

A. LÝ THUYẾT

I. ĐƯỜNG TRUYỀN CỦA ÁNH SÁNG

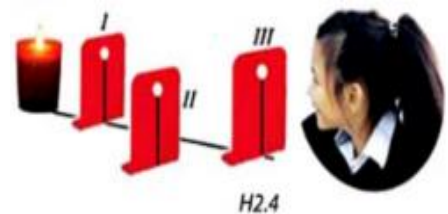
HD1: Thực hiện thí nghiệm theo H2.3 và rút ra nhận xét:

- Nhìn qua lòng ống, trường hợp nào ta nhìn thấy 1 phần của bóng đèn?*
 → Ánh sáng từ bóng đèn truyền đến mắt ta theo đường nào?
 → Đèn, ống, mắt ta đang ở trong môi trường gì?



HD2: Thực hiện thí nghiệm theo H2.4 và rút ra nhận xét:

- Khi nhìn thấy ngọn lửa của cây nến, thì ngọn lửa của cây nến và 3 lỗ của 3 tấm bìa nằm như thế nào?*
 → Trong không khí ánh sáng từ bóng đèn truyền đến mắt ta theo đường nào?



Không khí, nước sạch, thủy tinh... là môi trường trong suốt, đồng tính.

Trong không khí, ánh sáng truyền đi như thế nào? Rút ra định luật truyền thẳng ánh sáng?

Kết luận:

Trong không khí, ánh sáng truyền đi theo đường thẳng.

Định luật truyền thẳng ánh sáng Trong môi trường trong suốt và đồng tính ánh sáng truyền đi theo đường thẳng.

II. TIA SÁNG VÀ CHÙM SÁNG

1. Tia sáng:

HĐ3:

- Hình ảnh đường truyền của ánh sáng



- Tại sao cậu bé nhìn thấy tập?
- Ánh sáng truyền từ tập đến mắt theo đường nào?
- Người ta biểu diễn đường đi của ánh sáng như hình bên.
Tia sáng được quy ước biểu diễn như thế nào?

Người ta quy ước: Tia sáng được biểu diễn là **một đường thẳng có mũi tên chỉ hướng truyền của ánh sáng.**

2. Chùm sáng

HĐ4: Quan sát hình vẽ các loại chùm sáng (chỉ vẽ 2 tia sáng ngoài cùng của mỗi chùm sáng). *Hãy kể tên và cho biết đặc điểm của từng loại chùm sáng?*



Chùm sáng song song



Chùm sáng hội tụ

H2.7



Chùm sáng phân kì

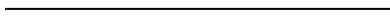

- Chùm sáng truyền đi theo hướng nào?
- Trong quá trình truyền đi khoảng cách các tia sáng có gì thay đổi?

* **Kết luận:**

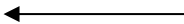
- Có 3 loại chùm sáng: Chùm sáng song song, chùm sáng hội tụ, chùm sáng phân kì
- Đặc điểm của các loại chùm sáng:
 - + **Chùm sáng song song:** là chùm sáng gồm các tia sáng có khoảng cách giữa chúng không đổi khi truyền đi
 - + **Chùm sáng hội tụ:** là chùm sáng gồm các tia sáng tiến lại gần nhau khi truyền đi.
 - + **Chùm sáng phân kì:** là chùm sáng gồm các tia sáng ra xa nhau khi truyền đi.

III. BÀI TẬP

Bài 1: Các hình vẽ sau, hình vẽ nào biểu diễn tia sáng? Vì sao?

- a. 
- b. 
- c. 

Bài 2: Hãy cho biết tia sáng sau ánh sáng truyền đi như thế nào trong các trường hợp sau

- a. 

b.



.....
.....
.....

Bài 3: Hãy biểu diễn tia sáng khi ánh sáng truyền đi trong các trường hợp sau:



Cô giáo và học sinh nhìn vào vở.



Cô gái ngắm hoa.



Con chó nhìn bác sĩ.
Bác sĩ nhìn con chó.

Bài 4: Cho 3 ví dụ vật trong suốt? 3 ví dụ vật chắn sáng?

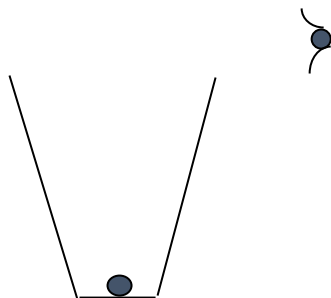
.....
.....

Bài 5: Một viên bi đặt ở đáy ly nhôm như hình vẽ.

a. Em hãy cho biết mắt ta có nhìn thấy viên bi không? Tại sao?

b. Muốn nhìn thấy viên bi đó thì mắt ta phải đặt ở vị trí nào?

.....
.....
.....



Bài 6: Khi tập hợp học sinh đứng xếp thành hàng dọc. Làm sao để biết hàng thẳng chưa?

Bài 7: Môi trường đồng tính nào sau đây không thỏa điều kiện về sự truyền thẳng của ánh sáng?

- A. Không khí.
- B. Thủy tinh.
- C. Nước
- D. Sắt

Bài 8: Một chùm sáng truyền đi trong không khí được mô tả như H2.10. Nhận xét nào đúng?

- A. Chùm sáng luôn là chùm sáng hội tụ khi truyền đi.
- B. Chùm sáng luôn là chùm sáng phân kì khi truyền đi.
- C. Chùm sáng luôn là chùm sáng phân kì khi truyền đến điểm S và là chùm sáng hội tụ khi truyền ra xa điểm S..
- D. Chùm sáng luôn là chùm sáng hội tụ khi truyền đến điểm S và là chùm sáng phân kì khi truyền ra xa điểm S.



H2.10

PHIẾU HỌC TẬP-MÔN CÔNG NGHỆ -KHỐI 7

TUẦN 1- BÀI 1

Bài 1: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA TRỒNG TRỌT

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung bài 1

I. Vai trò của trồng trọt

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi
- Cung cấp nông sản để xuất khẩu

II. Nhiệm vụ của trồng trọt

Câu hỏi : Dựa vào vai trò của trồng trọt, em hãy xác định nhiệm vụ nào dưới đây là nhiệm vụ của trồng trọt ?

- 1. Sản xuất nhiều lúa, ngô (bắp), khoai, sắn (khoai mì) để bảo đảm đủ ăn, có dự trữ và xuất khẩu.*
- 2. Trồng cây rau, đậu, vừng (mè), lạc (đậu phộng)... làm thức ăn cho con người*
- 3. Phát triển chăn nuôi lợn (heo), gà, vịt... cung cấp thịt, trứng cho con người.*
- 4. Trồng cây mía cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường, cây ăn quả cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến hoa quả (trái)*
- 5. Trồng cây lấy gỗ cung cấp nguyên liệu cho xây dựng và công nghiệp làm giấy*
- 6. Trồng cây đặc sản: chè, cà phê, cao su, hồ tiêu để lấy nguyên liệu xuất khẩu*

Trả lời : 1 , 2 , 4 , 6

Tóm lại: Nhiệm vụ của trồng trọt là đảm bảo lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

III. Để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt, cần sử dụng những biện pháp gì?

Em hãy điền vào bảng dưới đây về mục đích của các biện pháp sau:

Một số biện pháp	Mục đích
- Khai hoang, lấn biển	1.
- Tăng vụ trên đơn vị diện tích đất trồng	2.
- Áp dụng đúng biện pháp kĩ thuật trồng trọt	3.

Trả lời :

1. Tăng diện tích đất canh tác
2. Tăng lượng nông sản
3. Tăng năng suất cây trồng

Tóm lại: Để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt, cần sử dụng những biện pháp:

- Khai hoang, lấn biển
- Tăng vụ trên đơn vị diện tích đất trồng
- Áp dụng đúng biện pháp kĩ thuật trồng trọt

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Câu 1: Trong nền kinh tế thì trồng trọt có vai trò cung cấp gì ?

- a) Thực phẩm cho con người, thức ăn cho chăn nuôi.
- b) Nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp
- c) Nông sản để xuất khẩu
- d) Cả 3 câu a, b,c

Câu 2: Loại cây nào sau đây, đều là cây lương thực?

- a) Rau, quả.
- b) Gạo, khoai lang, ngô (bắp), sắn (khoai mì)
- c) Mía, bông.
- d) Cà phê, chè.

PHIẾU TRẢ LỜI CÂU HỎI PHẦN LUYỆN TẬP

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
CÂU 1	
CÂU 2	

Ghi nhớ

Vai trò của trồng trọt:

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi
- Cung cấp nông sản để xuất khẩu

Nhiệm vụ của trồng trọt là đảm bảo lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Phần hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Công nghệ

Chúc các em nhiều sức khỏe và hoàn thành tốt bài học nhé

PHIẾU HỌC TẬP-MÔN CÔNG NGHỆ -KHỐI 7

TUẦN 1- BÀI 2

Bài 2:

KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG VÀ THÀNH PHẦN CỦA ĐẤT TRỒNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung bài 2

I. Khái niệm về đất trồng

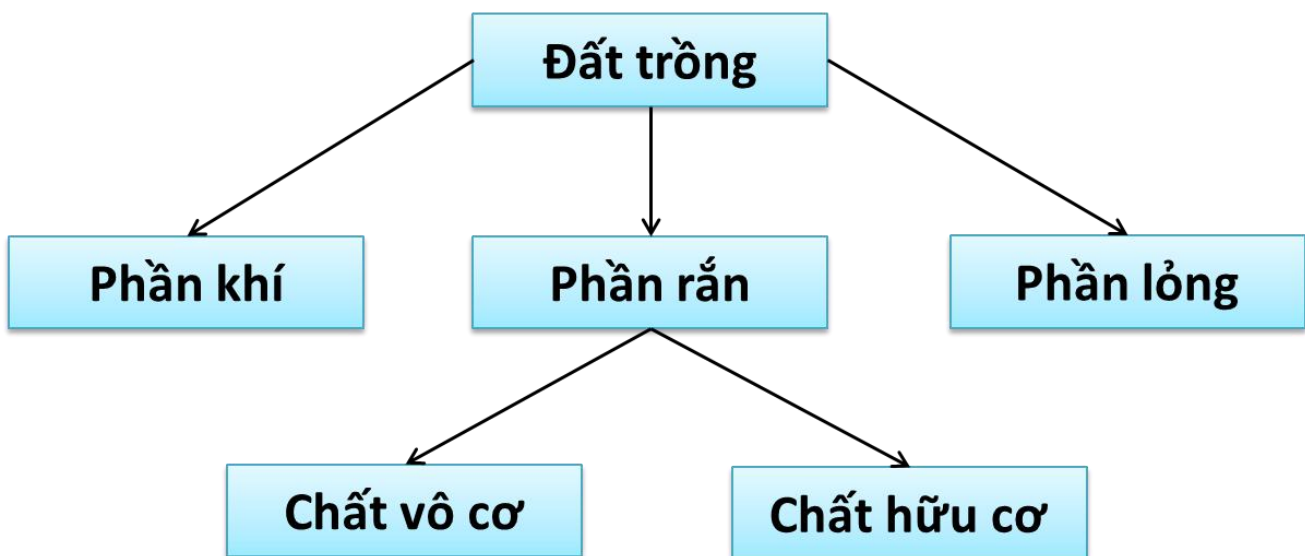
1. Đất trồng là gì?

- Đất trồng là lớp đất bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó cây trồng có thể sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.

2. Vai trò của đất trồng

- Đất trồng là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giữ cho cây đứng vững.

II. Thành phần của đất trồng:

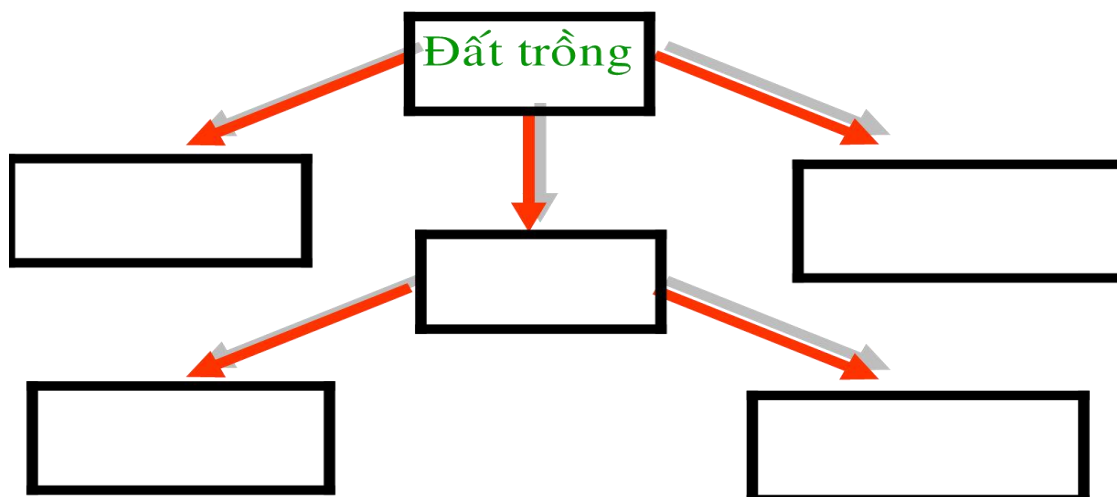


Sơ đồ 1: Thành phần của đất trồng

<i>Phần khí</i>	<i>Cung cấp oxi cho cây hô hấp</i>
<i>Phần rắn</i>	<i>Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây và giúp cây đứng vững</i>
<i>Phần lỏng</i>	<i>Là nước ở trong đất , giúp hòa tan các chất dinh dưỡng trong đất.</i>

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

1/ Hoàn thành sơ đồ sau: Thành phần của đất trồng



2/ Chọn đúng hay sai :

-Thành phần của đất gồm : chất khí , chất lỏng , chất rắn .
-Thành phần của đất gồm : chất khí , chất lỏng , chất vô cơ, chất hữu cơ.
- Thể khí hiếm phần khe hở của đất
-Thể lỏng chiếm phần khe hở của đất
-Phần khí trong đất tỉ lệ O_2 và CO_2 như trong không khí .

3/ Điền từ thích hợp vào chỗ trống

- Phần khí trong đất gồm các chất.....
- Phần hữu cơ trong đất gồm:.....
- Phần vô cơ trong đất gồm:.....
- Nước trong đất có tác dụng:.....

Ghi nhớ

- *Đất trồng là lớp đất bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó cây trồng có thể sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.*
- *Vai trò của đất trồng: Đất trồng là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giữ cho cây đứng vững.*
- *Thành phần của đất trồng: Phần khí, phần rắn, phần lỏng.*

Phần hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Công nghệ

Chúc các em nhiều sức khỏe và hoàn thành tốt bài học nhé

NỘI DUNG SÁCH i LEARN SMART WORLD LỚP 7

TUẦN 1- TUẦN 2 (6.9 ĐẾN 18.9)

THEME 1: FREE TIME

STUDENT BOOK (PAGE 4+ 5)

Vocabulary:

to collect(v): Sưu tập
hobby(n): sở thích
table tennis(n): bóng bàn
coin(n): tiền xu
movie poster(n): áp phích quảng cáo phim
badminton(n): cầu lông
computer game(n): trò chơi trên máy tính
skateboarding(n): môn trượt ván
guitar (n): đàn guitar
material art (n) : môn vẽ, vẽ thuật
to join= to take part in = to participate in: tham gia
seashell(n): vỏ sò

Structure:

- What do you like+ V-ing....?
- I like + V-ing
- Do you like+ V-ing...?
Yes, I do
No, I don't

USEFUL LANGUAGE

1. Have students look at the Useful language box.
2. Play audio. Have students listen.
3. Students practice the Useful language.

G: What do you like doing in your free time?

B: I like doing fishing

G: Do you like playing basketball?

B: No, I don't.

Grammar:

Structure:

- *What do you like+ V-ing....?*
- *I like + V-ing*
- *Do you like+ V-ing...?*
Yes, I do
No, I don't

STUDENT BOOK p.6

Vocabulary:

Sport(n): thể thao

sports(n): các môn thể thao

Sports center (n) trung tâm thể thao

sporty(a) đam mê thể thao

Store (n) cửa hàng

Gym(n): phòng tập thể hình

Park (n): công viên

Art gallery(n): phòng tranh

Stadium (n) sân vận động

Mall(n) khu thương mại

Picnic(n); buổi dã ngoại

Grammar

Structure:

G: What are you doing?

B: I am watching TV at home. What about you?

G: I'm shopping at the mall. Do you want to come?

B: Yes, sure.

USEFUL LANGUAGE

1. Have students look at the Useful language box.

2. Play audio. Have students listen.

3. Students practice the Useful language.

G: What are you doing?

B: I am watching TV at home. What about you?

G: I'm shopping at the mall. Do you want to come?

B: Yes, sure.

STUDENT BOOK p.7

Grammar:

- *Present continuous tense for ongoing activities.*

(+) Subject + is/ am/ are + V-ing...

(-) Subject + is/ am/ are + not + V-ing...

(?) is/ am/ are + Subject + V-ing...?

Structure:

- *What do you like + V-ing...?*

- *I like + V-ing*

- *Do you like + V-ing...?*

Yes, I do

No, I don't

STUDENT BOOK p.8

Vocabulary:

Amusement park (n) công viên trò chơi

Circus (n) rạp xiếc

Water park (n) công viên nước

Slide (n) sự trượt

Clown (n) chú hề

Arcade (n) khu trò chơi

Noisy (a) ồn ào

Crowded (a) đông đúc

want + to V: muốn

decide + to V: quyết định

USEFUL LANGUAGE

1. Have students look at the Useful language box.

2. Play audio. Have students listen.

3. Students practice the Useful language.

We could either go to the concert or to the movies.

I don't want to go the concert. I think it'll be noisy.

I want to go to the concert. I think it'll be really fun.

I do too, let's go to the movies.

Grammar:

*** Using **either...or...** in affirmative statements to offer a choice between two things.

*** Using **too in affirmative statements** to show agreement.

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO QUẬN 12
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
SINH HỌC 7

Bài 1. THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT ĐA DẠNG, PHONG PHÚ

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: Đa dạng loài và phong phú về số lượng cá thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phong phú về loài được thể hiện như thế nào? - Hãy kể tên các loài động vật khi : <ul style="list-style-type: none"> ▲ kéo một mẻ lưới ở biển. ▲ tát một ao cá. ▲ đơm đó qua một đêm ở đầm, hồ - Kể tên các động vật tham gia vào “bản giao hưởng” thường cất lên suốt đêm hè trên cánh đồng Việt nam?(GV lưu ý tùy từng địa phương mà yêu cầu HS kể tên các loài động vật). - Em có nhận xét gì về số lượng cá thể trong bầy ong, đàn kiến, đàn bướm? <p>=> Kết luận: Thế giới động vật rất đa dạng về loài và đa dạng về số cá thể trong loài, kích thước cơ thể.</p>
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu sự đa dạng về môi trường sống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điền tên các động vật trên hình 1.4 - Đặc điểm gì giúp chim cách cụt thích nghi với khí hậu giá lạnh ở vùng cực? - Nguyên nhân nào khiến cho động vật ở nhiệt đới đa dạng hơn vùng ôn đới,nam cực? - Động vật nước ta có đa dạng và phong phú không? Vì sao? - Vậy chúng ta phải làm gì để giới động mẫi đa dạng, phong phú? <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dưới nước: cá, tôm, mực... + Trên cạn: voi, gà, hươu.... + Trên không: các loài chim <p>Cá nhân vận dụng kiến thức đã có trao đổi nhóm, yêu cầu nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chim cách cụt có bộ lông dày, xốp, lớp mỡ dưới da dày ➔ giữ nhiệt. + Khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm thực vật phong phú quanh năm ➔ thức ăn nhiều, nhiệt độ phù hợp. + Nước ta động vật cũng phong phú vì nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, cùng với tài nguyên rừng, biển chiếm tỉ lệ lớn diện tích lãnh thổ. + HS có thể nêu một số loài khác ở các môi trường: Gấu trắng Bắc Cực, đà điểu sa mạc, cá phát sáng đáy biển, lươn ở đáy

	bùn... <u>Kết luận.</u> <i>- Động vật có ở khắp nơi do chúng thích nghi với mọi môi trường sống như: nước mặn, nước ngọt, nước lợ, trên cạn, trên không và ngay cả vùng cực băng giá quanh năm.</i>
--	--

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I:	1.....
	Mục II:	2.....

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
SINH HỌC 7
BÀI 2: PHÂN BIỆT ĐỘNG VẬT VỚI THỰC VẬT
ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỘNG VẬT**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Phân biệt động vật với thực vật.	- Em hoàn thành bảng/9 trong sgk. - Động vật giống thực vật ở điểm nào? - Động vật khác thực vật ở điểm nào? Gợi ý: + Đặc điểm giống nhau: Cấu tạo từ tế bào, lớn lên, sinh sản. + Đặc điểm khác nhau: Di chuyển, dị dưỡng, thần kinh, giác quan, thành tế bào.

	<p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung. <u>Kết luận.</u></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th><i>Động vật</i></th> <th><i>Thực vật</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>-Có khả năng di chuyển</i></td> <td><i>-Không di chuyển</i></td> </tr> <tr> <td><i>-Chủ yếu sống dị dưỡng</i></td> <td><i>-Tự tổng hợp chất hữu cơ</i></td> </tr> <tr> <td><i>-Có hệ thần kinh và giác quan</i></td> <td><i>-Không có hệ thần kinh và giác quan</i></td> </tr> <tr> <td><i>-Thành tế bào không có xenlulozo</i></td> <td><i>-Thành tế bào có xenlulozo</i></td> </tr> </tbody> </table>	<i>Động vật</i>	<i>Thực vật</i>	<i>-Có khả năng di chuyển</i>	<i>-Không di chuyển</i>	<i>-Chủ yếu sống dị dưỡng</i>	<i>-Tự tổng hợp chất hữu cơ</i>	<i>-Có hệ thần kinh và giác quan</i>	<i>-Không có hệ thần kinh và giác quan</i>	<i>-Thành tế bào không có xenlulozo</i>	<i>-Thành tế bào có xenlulozo</i>
<i>Động vật</i>	<i>Thực vật</i>										
<i>-Có khả năng di chuyển</i>	<i>-Không di chuyển</i>										
<i>-Chủ yếu sống dị dưỡng</i>	<i>-Tự tổng hợp chất hữu cơ</i>										
<i>-Có hệ thần kinh và giác quan</i>	<i>-Không có hệ thần kinh và giác quan</i>										
<i>-Thành tế bào không có xenlulozo</i>	<i>-Thành tế bào có xenlulozo</i>										
Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm chung của động vật	<p>HS làm bài tập mục II trong sgk trang 10 Từ đó rút ra 3 đặc điểm cơ bản của động vật 3 đặc điểm cơ bản của động vật <u>Kết luận.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Có khả năng di chuyển</i> - <i>Có hệ thần kinh và giác quan</i> - <i>Chủ yếu sống dị dưỡng</i> 										
Hoạt động 3: Tìm hiểu sự sơ lược phân chia giới động vật.	<p>- <i>Kể tên một số động vật sống ở các môi trường khác nhau mà em biết?</i></p> <p><u>Kết luận.</u></p> <p><i>Có 8 ngành động vật cơ bản là:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ngành động vật nguyên sinh</i> - <i>Ngành ruột khoang</i> - <i>Các ngành: Giun dẹp, Giun tròn, Giun đốt</i> - <i>Ngành thân mềm</i> - <i>Ngành chân khớp</i> - <i>Ngành động vật có xương sống</i> 										
<u>Hoạt động 4</u> :Tìm hiểu vai trò của động vật	<p>HS hoàn thành bảng 2: “Động vật với đời sống con người” <u>Kết luận.</u></p> <p><i>Động vật có vai trò quan trọng đối với thiên nhiên và đời sống con người.</i></p>										

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
 Lớp:
 Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I:	1.....
	Mục II:	2.....
	Mục III:	3.....

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
 SINH HỌC 7
 Bài 3. THỰC HÀNH: QUAN SÁT MỘT SỐ ĐỘNG VẬT**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Quan sát trùng giày.	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Em quan sát H3.1 SGK tr.14 nhận biết trùng giày. ➤ Em đọc sgk phần a. Hình dạng và b. Di chuyển ➤ Em tham khảo thêm 1 số vi deo (nếu có). Về trùng giày. ➤ Vẽ sơ lược hình dạng trùng giày . ➤ Em dựa vào kết quả quan sát rồi hoàn thành bài tập lệnh trang 15
Hoạt động 2: Quan sát trùng roi.	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Em tự quan sát hình SGK để nhận biết trùng roi. ➤ Em lấy váng xanh ở nóc ao để có trùng roi. ➤ (có thể tìm trên trang web 1 số vi deo nếu có). ➤ Em dựa vào thực tế quan sát và thông tin SGK tr.16 để trả lời câu hỏi lệnh trang 16.
Hoạt động 3: Thu hoạch	- Em vẽ hình dạng trùng giày và trùng roi và ghi chú thích vào vở
	1. Quan sát trùng giày:

Phần ghi bài	<p>- Trùng giày không đối xứng và có hình chiếc giày. - Di chuyển: vừa tiến vừa xoay.</p> <p>2. Quan sát trùng roi</p> <p>- Cơ thể trùng roi có hình lá dài, đầu tù, đuôi nhọn ở đầu có roi, di chuyển vừa tiến vừa xoay nhờ roi xoáy vào nước. - Cơ thể có màu sắc của hạt diệp lục và sự trong suốt của màng cơ thể.</p>
---------------------	---

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I:	1.....
	Mục II:	2.....
	Mục III:	3.....

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC:
SINH HỌC 7
Bài 4: TRÙNG ROI**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: Tìm hiểu trùng roi xanh.	<p>- Em tự đọc thông tin mục I SGK tr.17,18. Và quan sát hình 4.1 sgk</p> <p>- Em chú ý tìm hiểu các ý sau:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Cấu tạo chi tiết trùng roi. + Cách di chuyển nhờ có roi. + Các hình thức dinh dưỡng + Kiểu sinh sản vô tính chiều dọc cơ thể. + Khả năng hướng về phía có ánh sáng. - Em dựa vào hình 4.2 SGK trả lời, lưu ý nhân phân chia trước rồi đến các phần khác. - Nhờ roi có điểm mắt nên có khả năng cảm nhận ánh sáng. <p>Phần ghi bài:</p> <p>I. Trùng roi xanh.</p> <p>1. Dinh dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự dưỡng và dị dưỡng.</i> - <i>Hô hấp: Trao đổi khí qua màng tế bào.</i> - <i>Bài tiết: Nhờ không bào co bóp.</i> <p>2. Sinh sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vô tính bằng cách phân đôi theo chiều dọc cơ thể.</i>
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu tập đoàn trùng roi xanh.</p>	<p>Em tự thu nhận kiến thức và hoàn thành bài tập lệnh trang 19</p> <p>Em Dựa vào lựa chọn: trùng roi, TB , đơn bào, đa bào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em tự rút ra kết luận. - Em đọc kết luận SGK. <p>Phần ghi bài:</p> <p>II. Tập đoàn trùng roi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tập đoàn trùng roi gồm nhiều tế bào, bước đầu có sự phân hóa chức năng.</i>
<p>Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập</p>	<p>Em hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau vào vở:</p> <p>Câu 1: Trùng roi thường tìm thấy ở đâu?</p> <p>A. Trong không khí. B. Trong đất khô. C. Trong cơ thể người. D. Trong nước.</p> <p>Câu 2: Vai trò của điểm mắt ở trùng roi là</p> <p>A. bắt mồi. B. định hướng. C. kéo dài roi. D. điều khiển roi.</p> <p>Câu 3: Phương thức dinh dưỡng chủ yếu của trùng roi xanh là</p> <p>A. quang tự dưỡng. B. hoá tự dưỡng. C. quang dị dưỡng. D. hoá dị dưỡng.</p> <p>Câu 4: Vị trí của điểm mắt trùng roi là</p> <p>A. trên các hạt dự trữ B. gần gốc roi C. trong nhân D. trên các hạt diệp lục</p> <p>Câu 5: Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước là</p> <p>A. nhân tế bào B. không bào co bóp</p>

	C. điểm mắt D. roi
--	-------------------------

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
 Lớp:
 Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I:	1.....
	Mục II:	2.....
	Mục III:	3.....

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

TÊN BÀI DẠY

ĐHĐN – CHẠY NHANH- CHẠY BỀN LỚP 7

Thực hiện : Tuần 1 (6/9-12/9)

LÝ THUYẾT VỀ TĐTT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần nắm:

1. Kiến thức :

- Giới thiệu mục tiêu, nội dung chương trình học tập môn TD khối 7.
- Biên chế tổ tập luyện, chọn cán sự lớp.
- Ôn lại đội hình đội ngũ: Các tư thế nghỉ – nghiêm, quay các hướng, tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số, báo cáo, xin ra vào lớp..

2. Kỹ năng:

- Nhằm trang bị cho HS một số hiểu biết đúng về TĐTT để các em tích cực RLTT.
- Giúp cho HS nắm được nội dung chương trình học tập cả năm.

IV. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY:

NỘI DUNG

1. Giới thiệu sơ về chương trình học tập môn TD của khối 7.

* HKI: 18 tuần x 2 tiết = 36 tiết gồm các phân môn sau:

- Lý thuyết về TĐTT
- Đội hình đội ngũ
- Bài TD với cờ
- Chạy bền
- Chạy nhanh

* HKII: 17 tuần x 2 tiết = 34 tiết gồm các phân môn sau:

- Bật nhảy
- Chạy bền

-Đá cầu

- Thẻ thao tự chọn

2 .Mục đích, yêu cầu của TDTT

a Mục đích

- Nhằm trang bị cho học sinh một số hiểu biết đúng về TDTT để các em tích cực RLTT

b. yêu cầu:

- Biết được lợi ích, tác dụng của TDTT đến cơ, xương, tuần hoàn, hô hấp, và quá trình trao đổi chất

- Có thái độ hành vi đúng trong mọi ứng xử trong các giờ học thể dục

3. Đội hình đội ngũ :

a. Nghiêm – nghỉ:

- Khẩu lệnh:”nghiêm!”

- Động tác: Đứng thẳng, mắt nhìn về trước, ngực thẳng, bàn tay nắm hờ, chân dung hình chữ V.

- Khẩu lệnh:” nghỉ!”

- Động tác: Toàn thân hơi chùng lại, trọng tâm dồn vào 1 chân, người thả lỏng.

b. Quay các hướng:

* Bên trái (phải):

- Khẩu lệnh:”Bên trái(phải) – quay!”

- Động tác:Dùng gót chân trái (phải) và mũi chân phải (trái) quay sang trái (phải) 90o.

* Quay đằng sau:

- Khẩu lệnh:” Đằng sau – quay!”

- Động tác:Dùng gót chân phải và mũi chân trái quay sang phải 180o.

c. Tập hợp hàng dọc:

- Khẩu lệnh:”Thành..... Hàng dọc – tập hợp!”

- Động tác: người chỉ huy đưa tay phải lên cao, tay trái đưa sang ngang. Tổ 1 đứng sau lưng người chỉ huy, cách 1m, các tổ còn lại đứng về phía tay trái của tổ 1 theo thứ tự 2, 3, 4.

d. Dóng hàng dọc:

- Khẩu lệnh:”Nhìn trước – thẳng!”

- Động tác: Người sau nhìn gáy người trước để so hàng dọc, cách nhau 0.5m (không giơ tay), người bên trái liếc sang người bên phải để so hàng ngang, cách nhau 1 khuỷu tay(không giơ tay).

e. Điểm số:

- Khẩu lệnh:” Từ 1 đến hết –Điểm số(Theo chu kì 1.2,1.2 - Điểm số)!”

- Động tác: người đầu hàng quay mặt sang trái điểm số 1, sau đó những người trong hàng cũng quay mặt sang trái tiếp tục điểm số từ trên xuống dưới theo thứ tự cho đến hết, người cuối cùng sau khi điểm số xong hô to “ hết”.

f. Báo cáo:

- Người chỉ huy báo cáo: báo cáo GV – lớp:..... đã tập hợp xong – ss :..... hiện diện:..... vắng:.....có lí do:.... Không lí do:.... – báo cáo hết!”

- Người chỉ huy tiếp tục hô to: “Chúc GV “. Cả lớp hô: “Khoẻ!”

g. Xin ra vào lớp:

- Giơ tay lên cao và nói:” Xin GV cho phép em ra (vào) lớp!”

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

TÊN BÀI DẠY

ĐHĐN – CHẠY NHANH- CHẠY BỀN LỚP 7

Thực hiện : Tuần 2 (13/9-19/9)

. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Sau bi học, HS cần nắm

. Kiến thức :

1.ĐHĐN: ôn lại những nội dung sau:

- Tập hợp hàng dọc, dóng hàng
- Đứng nghiêm- nghỉ, quay phải quay trái, quay đằng sau
- Điểm số từ 1 cho đến hết, điểm số 1 – 2, ..., 1 – 2
- Học biến đổi đội hình 0 – 2 – 4
- Chạy nhanh: - chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy gót chạm mông
- chạy bền : Chạy trên địa hình tự nhiên.

2. Kỹ năng:

-Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, gọn gàng, tính kỷ luật, tập thể.

Nội dung

PHẦN CƠ BẢN:

1. Đội hình đội ngũ:

+ Ôn tập:

- Tập hợp hàng dọc, dóng hàng và cách điều khiển .
- Đứng nghiêm, đứng nghỉ, quay phải – trái, quay đằng sau .
- Điểm số từ 1 đến hết và điểm số 1-2, 1-2 đến hết.

+ Học: Biến đổi đội hình 0 – 2 – 4.

Khẩu lệnh

Dự lệnh :“từ phải (trái) sang trái (phải) điểm số”

Động lệnh “ điểm”

Cách biến đổi

Khẩu lệnh” đội hình” 0 – 2 – 4.....bước”

Trở về khẩu lệnh” trở về vị trí cũ... bước”

2. Chạy nhanh:

- Trò chơi phát triển sức nhanh (do GV chọn).
- + Ôn: Các động tác bổ trợ: Chạy bước nhỏ, nâng cao gối, gót chạm mông.

3. Chạy bền:

Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
TÊN BÀI DẠY

ĐHĐN – CHẠY NHANH LỚP 7

Thực hiện : Tuần 3 (20/9-26/9)

PHÒNG CHỐNG CHẤN THƯƠNG TRONG HOẠT ĐỘNG TDTT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần nắm:

1. Kiến thức :

- Lý thuyết: phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDTT
- ĐHĐN: ôn lại những nội dung sau:
- Tập hợp hàng dọc, dóng hàng
- Đứng nghiêm- nghỉ, quay phải quay trái, quay đằng sau
- Chạy nhanh: - chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy gót chạm mông.
- Đứng vai hướng chạy – xuất phát.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, gọn gàng, tính kỷ luật, tập thể.
- Biết được lợi ích, tác dụng của TDTT và cung cấp cho HS những hiểu biết cần thiết để chủ động phòng tránh không để chấn thương xảy ra trong hoạt động TDTT.

NỘI DUNG

Phần cơ bản.

1. Phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDTT

A. Ý nghĩa của việc phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDTT

+ Mục đích cơ bản và quan trọng nhất khi tham gia tập luyện TDTT là nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực của mỗi người. Thế nhưng do không biết hoặc biết nhưng coi thường, không chịu tuân theo các nguyên tắc, phương pháp khoa học trong hoạt động TDTT, nên người tập đã để xảy ra chấn thương như :

- Xây xát nhẹ chưa có hoặc chảy máu ít ngoài da
- Choáng, ngất.
- Tồn thương cơ.
- Bong gân.
- Tồn thương khớp và sai khớp.

- Giập hoặc gãy xương.
- Chấn động não hoặc cột sống.

2. Một số nguyên nhân cơ bản để xảy ra chấn thương và cách phòng tránh

*** Một số nguyên nhân:**

- Không thực hiện đúng một số nguyên tắc cơ bản trong tập luyện và thi đấu TDTT như :
 - + Nguyên tắc hệ thống: đó là cần tập luyện TDTT thường xuyên, kiên trì, có hệ thống .
 - + Nguyên tắc tăng tiến : đó là cần tập từ nhẹ đến nặng và từ đơn giản đến phức tạp dần theo một kế hoạch nhất định, không nóng vội, ngẫu hứng, tùy tiện .
 - + Nguyên tắc vừa sức : đó là cần tập phù hợp với khả năng và sức khoẻ của mỗi người .
 - + Không đảm bảo các nguyên tắc vệ sinh trong tập luyện TDTT như :
 - + Địa điểm, phương tiện tập luyện không đảm bảo an toàn, vệ sinh .
 - + Trang phục tập luyện không phù hợp .
 - + Môi trường tập luyện như ánh sáng, không khí, nhiệt độ, tiếng ồn ... không bảo đảm yêu cầu .
 - + Ăn, uống quá nhiều ngay trước hoặc sau khi tập ...
 - + Không tuân thủ nội quy, kỷ luật trong tập luyện và thi đấu TDTT: Tập luyện hay thi đấu TDTT là một hoạt động tập thể, nếu không tuân thủ những quy định một cách nghiêm túc, thì rất dễ xảy ra chấn thương.
- * Cách phòng tránh :**
 - Khi bắt đầu một buổi tập hoặc trước khi thi đấu nhất thiết phải tiến hành khởi động cho tốt để đưa cơ thể thích nghi dần với trạng thái vận động. Trong phần cơ bản của buổi tập cần tập từ nhẹ đến nặng và từ đơn giản đến phức tạp dần. Không tập các động tác khó, nguy hiểm khi không có người hướng dẫn, bảo hiểm. Trước khi kết thúc buổi tập hoặc sau khi thi đấu, nhất thiết phải tiến hành hồi tĩnh để đưa cơ thể từ trạng thái động về trạng thái bình thường bằng một số động tác thả lỏng.
 - Trong quá trình tập luyện hoặc thi đấu, nếu thấy sức khoẻ không bình thường, cần báo cáo để GV biết và có biện pháp xử lý phù hợp.
 - Không tham gia thi đấu khi chưa có một quá trình tập luyện nhất định.
 - GV và HS cần tổ chức dọn vệ sinh sân tập và kiểm tra, sửa chữa các phương tiện tập trước khi tiến hành buổi tập. Cần có kế hoạch trồng cây xanh, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý các chỗ gây ô nhiễm để sân tập thoáng, mát, trong lành, khô ráo. Nên mặc trang phục thể thao khi tập. Không ăn uống nhiều ngay trước và sau khi tập. Khi tập xong, mồ hôi nhiều, không nên ngồi chỗ thông gió, hoặc tắm nước lạnh ngay, vì rất dễ cảm lạnh .
 - Mỗi HS cần tạo cho mình một nếp sống lành mạnh, tập luyện TDTT thường xuyên, không uống rượu bia, hút thuốc lá và dùng các chất ma túy. Không tự ra ao, hồ, sông, biển tắm hoặc tập bơi khi không có người hướng dẫn, bảo hiểm .

3. Đội hình đội ngũ:

+ Ôn tập:

- Như nội dung tuần 2.

- Tập hợp hàng ngang, dóng hàng điểm số và cách điều khiển của người chỉ huy.

4. Chạy nhanh:

+ Ôn tập:

- Chạy bước nhỏ, nâng cao gối, gót chạm mông..

- Xuất phát vai hướng chạy: GV nhắc lại kỹ thuật xuất phát một lần.

+ Chuẩn bị: đứng chân rộng bằng vai, khụy gối, má ngoài bàn chân sát vạch xuất phát, vai cùng phía hướng về hướng chạy, 2 tay buông tự nhiên sẵn sàng xuất phát.

+ Động tác: Khi cơ lệnh xuất phát, nhanh chóng xoay thân và chân theo hướng chạy, chạy nhanh về trước

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

TÊN BÀI DẠY

ĐHĐN – CHẠY NHANH LỚP 7

Thực hiện : Tuần 4 (27/9-3/10)

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần nắm:

1. Kiến thức :

ĐHĐN: ôn lại những nội dung sa

- Tập hợp hàng dọc, dóng hàng
- Đứng nghiêm- nghỉ, quay phải quay trái, quay đằng sau
- Đi đều – đứng lại, đi đều vòng trái, đi đều vòng phải, đổi chân khi đi sai nhịp.

-Chạy nhanh: - chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy gót chạm mông

- Đứng vai hướng chạy – xuất phát

- Ngồi xổm – xuất phát

-Chạy bền: - chạy trên địa hình tự nhiên

- Giới thiệu hiện tượng đau “ sóc” và cách khắc phục.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, gọn gàng, tính kỷ luật, tập thể.

Rèn luyện sức nhanh, bền của học sinh.

NỘI DUNG

B / Phần cơ bản.

1. Đội hình đội ngũ:

+ Ôn tập:

- Đi đều vòng trái, vòng phải, đứng lại.

- Đổi chân khi đi sai nhịp.

2. Chạy nhanh:

+ Ôn tập:

- Chạy bước nhỏ, nâng cao gối, gót chạm mông.

- Tại chỗ đánh tay.

- Xuất phát vai hướng chạy.

+ Học: Ngồi – xuất phát.

Chuẩn bị: Ngồi, mũi chân bàn chân trước sát vạch xp, mũi bàn chân sau cách gót chân trước khoảng 5-10cm. hai bàn chân chạm đất bằng nửa bàn chân trên, thân hơi ngã ra trước, hai tay chạm đất hoặc duỗi tự nhiên.

Động tác : Khi có lệnh XP, nhanh chóng nhô người lên, xuất phát và chạy nhanh về trước, hai tay phối hợp tự nhiên.

3. Chạy bền:

- Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên

- Giới thiệu hiện tượng đau sóc: đau “ sóc” hay còn gọi là “ sóc hông” là hiện tượng đau ở vùng thượng vị hoặc mạng sườn. Nguyên nhân là do trình độ tập luyện kém, do không biết cách thở hoặc ăn uống sát giờ tập

- để khắc phục thì nên chạy chậm và hít thở sâu, đặc biệt là khởi động kỹ trước khi chạy. Đồng thời tập cách thở khi chạy

Mỹ thuật 7

Bài 1: Vẽ theo mẫu **CÁI CỐC VÀ QUẢ** (vẽ bằng bút chì đen)



I. Quan sát, nhận xét:

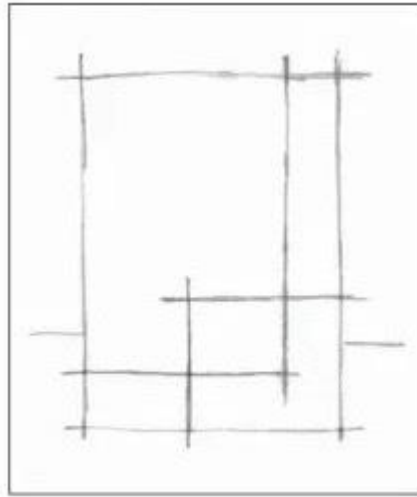
* Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

- Mẫu gồm có vật nào? (cái cốc và quả)
- Vị trí của từng vật mẫu? (cốc đặt sau quả)
- Cái cốc
 - + Cái cốc có dạng hình gì?(hình trụ gồm miệng cốc, thân cốc, đáy cốc)
 - + Chất liệu của cốc?(bằng nhựa)
 - + So sánh độ đậm nhạt của cái cốc và quả?(cái cốc có màu nhạt hơn quả)
 - + So sánh tỉ lệ giữa miệng cốc và đáy cốc?(Phần miệng rộng hơn phần đáy)
 - + Đứng phía sau quả và bị che một phần.
 - + Cao hơn quả
- Quả
 - + Quả có dạng hình gì?(hình cầu)
 - + So sánh chiều cao và chiều ngang của quả?(chiều ngang lớn hơn chiều cao)
 - + So sánh tỉ lệ của cái cốc và quả?(Thấp hơn cái cốc)
 - + Đứng phía trước và che một phần cái cốc
 - + Có độ đậm hơn cái cốc.
- Hướng ánh sáng từ bên trái chiếu vào vật mẫu nhẹ nhàng.

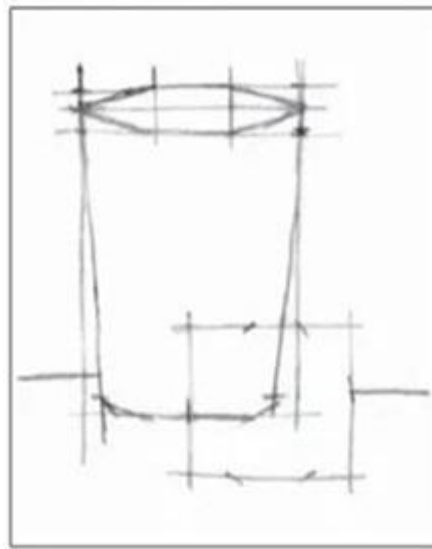
II. Cách vẽ:

* Vẽ theo mẫu gồm có bao nhiêu bước? Nêu các bước?

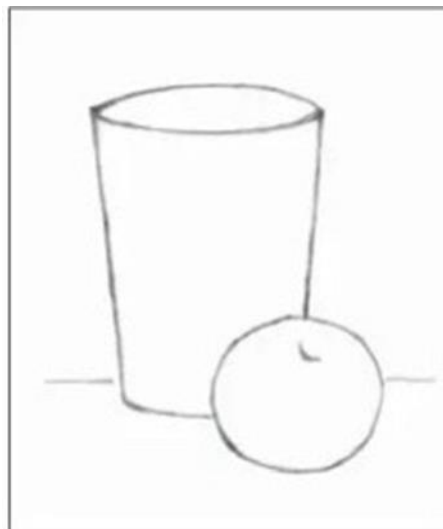
- Bước 1: Vẽ khung hình chung và khung hình riêng của mẫu?



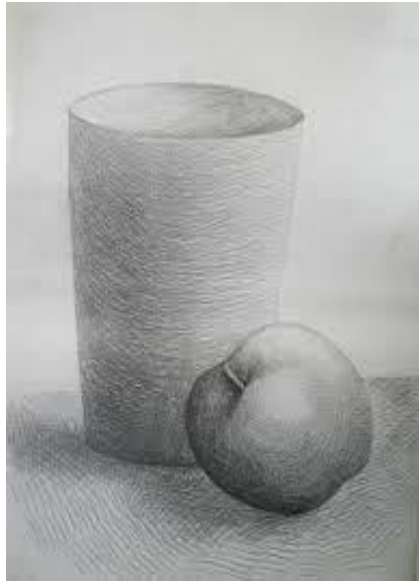
- Bước 2: Vẽ nét chính



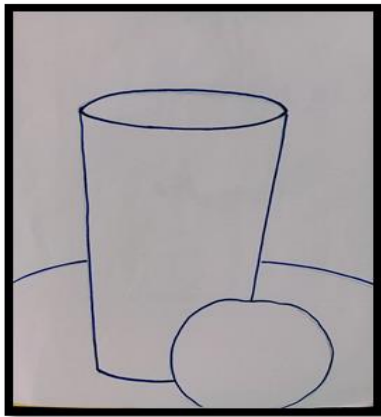
- Bước 3: Vẽ chi tiết



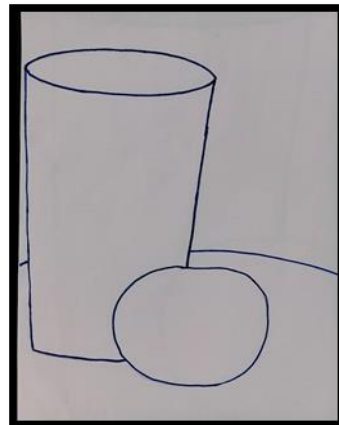
- Bước 4: Vẽ đậm nhạt



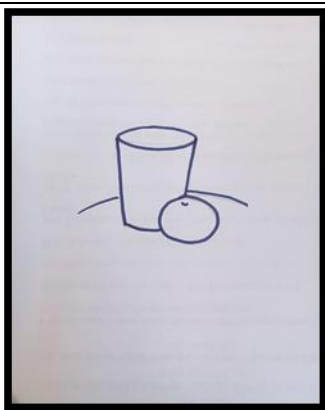
* NHỮNG BỐ CỤC CẦN TRÁNH



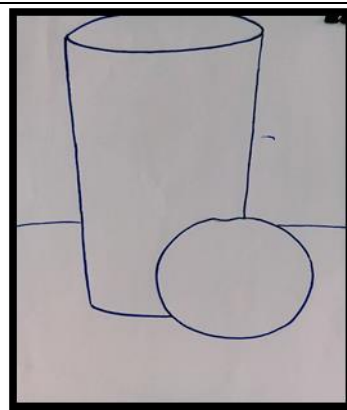
Bố cục lệch xuống dưới



Bố cục lệch trái



Bố cục quá nhỏ



Bố cục lệch lên trên

III. Thực hành

Em hãy vẽ hình cái cốc và quả

-Trên khổ giấy A3

-Ảnh B sách học Mĩ thuật trang 82

Dặn dò: Hoàn thành bài vẽ, chuẩn bị bài sau: Tạo họa tiết trang trí

Mỹ thuật 7

Bài 2: Vẽ trang trí TẠO HOẠ TIẾT TRANG TRÍ

I. Quan sát, nhận xét

Hoạ tiết là những chi tiết không thể thiếu trong vẽ trang trí. Những hoạ tiết này thực chất chính là những sự vật trong đời sống được cách điệu lên, đơn giản hoá lại, được tô với những màu sắc khác nhau nhằm phù hợp với mục đích trang trí nào đó. Vậy thì hôm nay chúng ta cùng học cách tạo hoạ tiết trang trí.

- Hãy nhắc lại khái niệm về hoạ tiết đã học ở lớp 6?(Là những hình ảnh có thực trong tự nhiên: cỏ cây, hoa lá, con vật, sóng nước, mây trời, ...được kết hợp hài hoà trong bài vẽ .)



? Có thể dùng những hoạ tiết nào để trang trí?

- Hoạ tiết trang trí có thể là hình bông hoa, lá, con vật, đám mây, sóng nước...

? Hình dáng hoạ tiết có giống nguyên như hình ảnh thật không?

- Hoạ tiết trang trí thường được vẽ đơn giản, cách điệu

? So sánh giữa hình chép mẫu thật với hoạ tiết được sử dụng trong trang trí?

- Hình ảnh hoạ tiết được tạo ra phù hợp với vị trí đặt hoạ tiết.

? Thế nào gọi là sáng tạo hoạ tiết?

- Việc làm đơn giản nét hoặc sáng tạo thêm nét cho hình ảnh được gọi là quá trình sáng tạo hoạ tiết.

? Vì sao cần phải sáng tạo hoạ tiết?

- Để làm cho hoạ tiết thêm sinh động, đẹp, phù hợp với mục đích trang trí.

II. Cách tạo hoạ tiết

- 4 bước:

+ B1: Lựa chọn hình ảnh điển hình để tạo hoạ tiết (chọn hả hoạ tiết định sáng tạo có đường nét rõ ràng, hài hoà, cân đối)

+ B2: Quan sát và ghi chép hình ảnh nguyên mẫu để hình thành ý tưởng mới cho hoạ tiết. Từ những hình ảnh đã ưng ý đó ghi chép lại nguyên mẫu để định hình ý tưởng sáng tạo.

+ B3: Đơn giản hoặc cách điệu nét từ hả thực để tạo thành hoạ tiết mới. Dựa vào những hả đã ghi chép được có 2 cách để tạo ra hoạ tiết mới:

+ Đơn giản : Lược bỏ bớt 1 số chi tiết của mẫu.

+ Cách điệu : Thêm vào hoặc biến tấu những nét ở cánh, ở gân lá, hoặc sắp xếp lại các chi tiết như gân, mép, răng cưa... để cho ra hoạ tiết mới nhưng vẫn giữ được đặc trưng của hình dáng mẫu.

+ B4: vẽ màu theo ý thích.



III. Thực hành

Em hãy chép hình ảnh con vật hoặc hoa, lá các em đã chuẩn bị.

- Đơn giản hoặc cách điệu hoạ tiết dựa trên những hình ảnh đó.

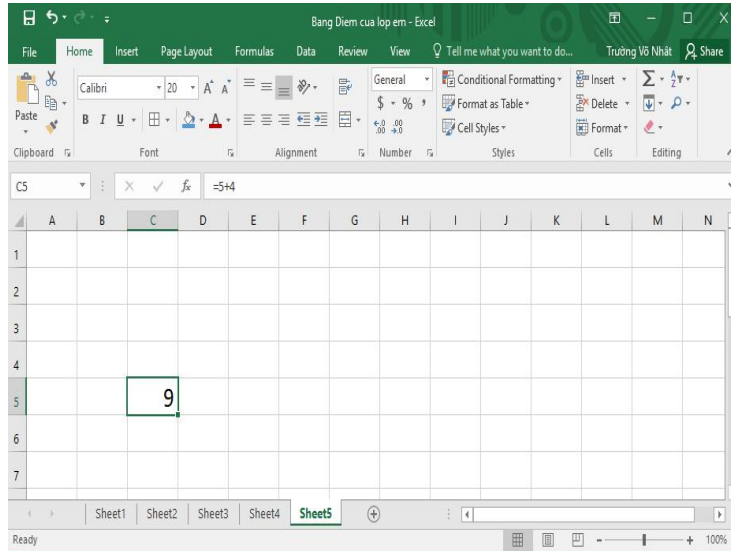
Dặn dò: Hoàn thành bài vẽ và chuẩn bị bài sau: Thường thức mỹ thuật

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TIN HỌC KHỐI 7

TUẦN 1: Từ 6/9 đến 11/9

GHI CHÚ

NỘI DUNG	GHI CHÚ																																																																																																									
<p>Tên bài học</p> <p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu SGK và thực hiện trả lời các câu hỏi</p>	<p style="text-align: center;">BÀI 1: CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ</p> <p style="text-align: center;">1. BẢNG VÀ NHU CẦU XỬ LÝ THÔNG TIN DẠNG BẢNG</p> <div style="text-align: center; background-color: #e0f7fa; padding: 5px; margin: 10px 0;"> Bảng điểm lớp 7A </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <thead> <tr style="background-color: #bbdefb;"> <th style="width: 5%;">Stt</th> <th style="width: 35%;">Họ và tên</th> <th style="width: 10%;">Toán</th> <th style="width: 10%;">Vật lí</th> <th style="width: 10%;">Ngữ văn</th> <th style="width: 10%;">Tin học</th> <th style="width: 10%;">Điểm trung bình</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>1</td><td>Đinh Văn Hoàng An</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr> <tr><td>2</td><td>Lê Thị Hoài An</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr> <tr><td>3</td><td>Lê Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td></td></tr> <tr><td>4</td><td>Phạm Như Anh</td><td>9</td><td>10</td><td>10</td><td>10</td><td></td></tr> <tr><td>5</td><td>Vũ Việt Anh</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr> <tr><td>6</td><td>Phạm Thanh Bình</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td>8</td><td></td></tr> <tr><td>7</td><td>Trần Quốc Bình</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td></td></tr> <tr><td>8</td><td>Nguyễn Linh Chi</td><td>7</td><td>6</td><td>8</td><td>9</td><td></td></tr> <tr><td>9</td><td>Vũ Xuân Trọng</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td></td></tr> <tr><td>10</td><td>Nguyễn Anh Duy</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr> <tr><td>11</td><td>Nguyễn Trung Dũng</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr> <tr><td>12</td><td>Trần Hoàng Hà</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td></td></tr> <tr><td>13</td><td>Phạm Hoàng Hải</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td></td></tr> <tr><td>14</td><td>Đoàn Mạnh Hiệp</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr> </tbody> </table> <p>- Qua những ví dụ về bảng tính. Hãy cho biết bảng tính giúp ích gì trong đời sống và học tập của chúng ta?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>-Vậy chương trình bảng tính là gì?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>=> Chương trình bảng tính là phần mềm giúp ghi lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu có trong bảng</p> <p style="text-align: center;">2. MÀN HÌNH LÀM VIỆC CỦA EXCEL</p> <p>Cách khởi động Excel tương tự như cách khởi động chương trình soạn thảo văn bản Word.</p> <p style="padding-left: 20px;">⇒ Nháy đúp chuột vào biểu tượng trên màn hình nền</p> <p>a) Trang tính</p>	Stt	Họ và tên	Toán	Vật lí	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình	1	Đinh Văn Hoàng An	8	7	8	8		2	Lê Thị Hoài An	8	8	8	8		3	Lê Thái Anh	8	8	7	8		4	Phạm Như Anh	9	10	10	10		5	Vũ Việt Anh	8	6	8	8		6	Phạm Thanh Bình	8	9	9	8		7	Trần Quốc Bình	8	8	9	9		8	Nguyễn Linh Chi	7	6	8	9		9	Vũ Xuân Trọng	8	7	8	9		10	Nguyễn Anh Duy	8	7	8	8		11	Nguyễn Trung Dũng	8	7	8	7		12	Trần Hoàng Hà	8	8	7	7		13	Phạm Hoàng Hải	8	8	7	7		14	Đoàn Mạnh Hiệp	6	7	8	7	
Stt	Họ và tên	Toán	Vật lí	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình																																																																																																				
1	Đinh Văn Hoàng An	8	7	8	8																																																																																																					
2	Lê Thị Hoài An	8	8	8	8																																																																																																					
3	Lê Thái Anh	8	8	7	8																																																																																																					
4	Phạm Như Anh	9	10	10	10																																																																																																					
5	Vũ Việt Anh	8	6	8	8																																																																																																					
6	Phạm Thanh Bình	8	9	9	8																																																																																																					
7	Trần Quốc Bình	8	8	9	9																																																																																																					
8	Nguyễn Linh Chi	7	6	8	9																																																																																																					
9	Vũ Xuân Trọng	8	7	8	9																																																																																																					
10	Nguyễn Anh Duy	8	7	8	8																																																																																																					
11	Nguyễn Trung Dũng	8	7	8	7																																																																																																					
12	Trần Hoàng Hà	8	8	7	7																																																																																																					
13	Phạm Hoàng Hải	8	8	7	7																																																																																																					
14	Đoàn Mạnh Hiệp	6	7	8	7																																																																																																					



? Một số thành phần mới trong cửa sổ excel so với Word

.....

.....

? Trang tính là gì

.....

.....

? Ô tính là gì

.....

.....

? Tên cột được kí hiệu như thế nào

.....

.....

? Tên hàng được kí hiệu như nào

.....

.....

? Địa chỉ ô tính là gì

.....

.....

=>

Trang tính: gồm các cột và các hàng.

- **Tên cột:** được đặt theo thứ tự chữ cái liên tiếp từ trái sang phải A, B, C,

- **Tên hàng:** được đặt theo thứ tự chữ số liên tiếp từ trên xuống dưới 1, 2, 3, ...

- **Ô tính:** là vùng giao nhau giữa cột và hàng.
Địa chỉ ô: là cặp gồm tên cột và tên hàng mà ô nằm trên đó.

b) Thanh công thức

? Thanh công thức được sử dụng để làm gì và nằm ở vị trí nào

.....
.....
.....

=>

Nhập, hiện thị dữ liệu hoặc công thức trong ô tính.

c) Các dải lệnh Formulas (Công thức) và Data (Dữ liệu)

3. NHẬP VÀ SỬA DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH

a) Nhập và sửa dữ liệu

Dữ liệu là thông tin được nhập và lưu trữ trong các ô tính

Các bước nhập dữ liệu là gì?

.....
.....
.....

=>

+*Bước 1: Chọn ô cần nhập.*

+*Bước 2: Gõ dữ liệu*

+*Bước 3: Nhấn Enter*

Các bước sửa dữ liệu là gì?

.....
.....
.....

=>

+ *Bước 1: Nháy đúp chuột* vào ô cần sửa.

+ *Bước 2: Gõ dữ liệu cần sửa.*

+ *Bước 3: Nhấn Enter*

b) Di chuyển trên trang tính

- *Sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím*

- *Sử dụng chuột và thanh cuộn.*

c) Gõ chữ Việt trên trang tính

? Bảng mã VNI đi với những phong chữ nào

.....
.....

? Bảng mã UNICODE đi với những phong chữ nào

.....
.....

? Có mấy kiểu gõ chữ Việt

.....
.....

Hoạt động
2: Kiểm tra,
đánh giá
quá trình tự
học.

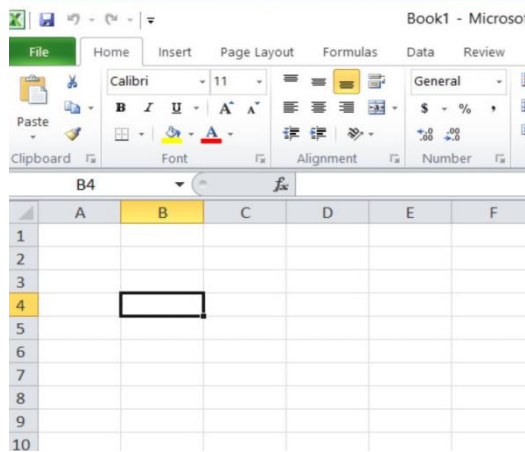
Bài 1: Giao nhau của một cột và một hàng được gọi là gì?

- A. Hàng B. Cột C. Ô D. Khối

Bài 2: Thanh công thức của chương trình bảng tính có tác dụng gì?




- A. Được dùng để nhập dữ liệu hoặc công thức
B. Được sử dụng để tính toán
C. Được dùng để hiển thị dữ liệu hoặc công thức trong ô tính được chọn
D. Cả A và C đều đúng

Bài 3: Địa chỉ của ô đang được chọn là gì?



- A. B4 B. 4B C. C2 D. 2C

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TIN HỌC KHỐI 7
TUẦN 2: 13/9 đến 18/9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học	BÀI THỰC HÀNH 1: LÀM QUEN VỚI EXCEL
Hoạt động 1: Đọc tài liệu SGK và	<p><u>1. Khởi động Excel</u></p> <p>- Cách 1: Nháy đúp vào biểu tượng Excel  trên màn hình nền</p> <p>- Cách 2:.....</p> <p><u>2. Lưu bảng tính</u></p> <p>- Cách 1: Vào File → Save</p> <p>- Cách 2: Nháy nút lệnh Save  trên thanh tiêu đề.</p> <p><u>3. Thoát khỏi Excel</u></p> <p>Cách 1: Vào File → Exit</p> <p>Cách 2: Nháy nút Close  trên thanh tiêu đề.</p>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<p>Bài tập 1</p> <p>Liệt kê các điểm giống nhau và khác nhau giữa màn hình Word và Excel.</p> <p>=></p> <p>Giống nhau: có thanh công cụ, thanh bảng chọn, thanh tiêu đề,....</p> <p>- Khác nhau: Màn hình của chương trình Excel có thanh công thức, trang tính, các dãy lệnh Formulas(Công thức) và Data(dữ liệu).</p> <p>Màn hình của Word có vùng soạn thảo văn bản không có thanh công thức.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>Khởi động lại Excel và nhập dữ liệu ở bảng dưới đây vào trang tính, sau đó lưu bảng tính với tên <i>Danh sách lớp em</i></p>

	A	B	C	D	E
1	Bảng điểm lớp 7A				
2	Stt	Họ và tên			
3	1	Đinh Vạn Hoàng An			
4	2	Lê Thị Hoài An			
5	3	Lê Thái Anh			
6	4	Phạm Như Anh			
7	5	Vũ Việt Anh			
8	6	Phạm Thanh Bình			
9	7	Trần Quốc Bình			
10	8	Nguyễn Linh Chi			
11	9	Vũ Xuân Cường			
12	10	Trần Quốc Đạt			
13	11	Nguyễn Anh Duy			
14	12	Nguyễn Trung Dũng			

=>

B1: Nháy đúp vào biểu tượng Excel  trên màn hình nền

B2: Nhập dữ liệu từ bàn phím

B3: Vào File → Save

B4: Gõ tên *Danh sách lớp em* vào ô *File name*

B5: Nháy Save

LUYỆN TẬP

A- Nội dung học sinh cần ghi vào vở:

I. Dạng 1: Tính (Tính nhanh nếu có thể)

$$a) \frac{5}{4} \cdot \frac{1}{3} + \frac{1}{4} \cdot \frac{-5}{2} = \frac{5}{12} + \frac{-5}{8} = \frac{-5}{24}$$

$$\begin{aligned} b) & \left(\frac{-7}{9} + \frac{3}{11} \right) : \frac{87}{95} + \left(\frac{-2}{9} + \frac{19}{11} \right) : \frac{87}{95} \\ & = \left(\frac{-7}{9} + \frac{3}{11} \right) \cdot \frac{95}{87} + \left(\frac{-2}{9} + \frac{19}{11} \right) \cdot \frac{95}{87} \\ & = \left[\left(\frac{-7}{9} + \frac{-2}{9} \right) + \left(\frac{3}{11} + \frac{19}{11} \right) \right] \cdot \frac{95}{87} \\ & = (-1+2) \cdot \frac{95}{87} \\ & = \frac{95}{87} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} c) & \frac{5}{9} : \left(\frac{1}{11} - \frac{5}{22} \right) + \frac{5}{9} : \left(\frac{1}{15} - \frac{2}{3} \right) \\ & = \frac{5}{9} : \left(\frac{-3}{22} \right) + \frac{5}{9} : \left(\frac{-3}{5} \right) \\ & = \frac{5}{9} \cdot \left(\frac{-22}{3} \right) + \frac{5}{9} \cdot \left(\frac{-5}{3} \right) \\ & = \frac{5}{9} \cdot \left[\left(\frac{-22}{3} \right) + \left(\frac{-5}{3} \right) \right] \\ & = \frac{5}{9} \cdot (-9) = -5 \end{aligned}$$

II. Dạng 2: Tìm x, biết:

$$a) \frac{3}{2} - x = -1\frac{1}{3}$$

$$x = \frac{3}{2} + \frac{4}{3}$$

$$x = \frac{17}{6}$$

$$b) \frac{3}{2} + 2x = -3\frac{1}{4}$$

$$2x = -\frac{13}{4} - \frac{3}{2}$$

$$2x = -\frac{19}{4}$$

$$x = -\frac{19}{4} : 2$$

$$x = -\frac{19}{8}$$

$$c) \frac{3}{5} - \frac{1}{4}x = \frac{2}{5}$$

$$\frac{1}{4}x = \frac{3}{5} - \frac{2}{5}$$

$$\frac{1}{4}x = \frac{1}{5}$$

$$x = \frac{1}{5} : \frac{1}{4}$$

$$x = \frac{4}{5}$$

B - Bài tập về nhà:

Bài 1: Tính

$$a) \frac{3}{5} - \frac{8}{15} \cdot \frac{21}{4}$$

$$b) \frac{2}{3} - \frac{6}{7} : \frac{9}{7}$$

$$c) 4\frac{2}{3} : 0,5 - \frac{7}{4} \cdot 8 - 6$$

$$d) \left(\frac{4}{9} - \frac{13}{5}\right) : \frac{6}{5} + \left(\frac{5}{9} + \frac{3}{5}\right) : \frac{6}{5}$$

$$e) \left(\frac{2}{99} + \frac{5}{7}\right) : \frac{4}{7} + \frac{7}{4} \cdot \frac{97}{99}$$

$$f) \left(\frac{-2}{5} + \frac{5}{7}\right) : \frac{2019}{2020} + \left(\frac{-3}{5} + \frac{2}{7}\right) : \frac{2019}{2020}$$

$$g) \frac{3}{5} : \left(\frac{2}{7} + \frac{1}{2}\right) + \frac{3}{5} : \left(\frac{-4}{3} - 2\frac{1}{3}\right)$$

$$h) 14\frac{6}{7} : \left(\frac{4}{3} - \frac{5}{7}\right) + 14\frac{6}{7} : \left(\frac{2}{3} - \frac{2}{7}\right)$$

Bài 2: Tìm x, biết:

$$a) \frac{4}{5} - 2x = \frac{1}{2}$$

$$b) \frac{11}{12} - \left(\frac{2}{5} + x\right) = \frac{2}{3}$$

$$c) \frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = \frac{5}{8}$$

C - Thời gian nộp bài: Hạn chót ngày 18/9/2021

Bài 3: NHÂN, CHIA SỐ HỮU TỈ

A- Nội dung học sinh cần ghi vào vở:

I/ Nhân hai số hữu tỷ:

Với: $x = \frac{a}{b}; y = \frac{c}{d}$, ta có: $x.y = \frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a.c}{b.d}$

VD : a) $\frac{-2}{5} \cdot \frac{4}{9} = \frac{-8}{45}$

b) $\frac{-3}{4} \cdot 2\frac{1}{2} = \frac{-3}{4} \cdot \frac{5}{2} = \frac{-3.5}{4.2} = \frac{-15}{8}$

II/ Chia hai số hữu tỷ:

Với: $x = \frac{a}{b}; y = \frac{c}{d}, (y \neq 0)$, ta có: $x : y = \frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c}$

VD: a) $\frac{-7}{12} : \frac{14}{15} = \frac{-7}{12} \cdot \frac{15}{14} = \frac{-5}{8}$

b) $-0,4 : \frac{-2}{3} = \frac{-2}{5} : \frac{-2}{3} = \frac{-2}{5} \cdot \frac{3}{-2} = \frac{3}{5}$

c) $\frac{-5}{23} : (-2) = \frac{-5}{23} : \frac{-2}{1} = \frac{-5}{23} \cdot \frac{-1}{2} = \frac{5}{46}$

Chú ý: Thương của phép chia số hữu tỷ x cho số hữu tỷ y (y ≠ 0) gọi là tỉ số của hai số x và y.

KH : $\frac{x}{y}$ hay x : y.

VD :

Tỷ số của hai số 1,2 và 2,18 là $\frac{1,2}{2,18}$ hay 1,2 : 2,18

B - Bài tập về nhà:

Bài 11/12: Tính

a) $\frac{-2}{7} \cdot \frac{21}{8}$

b) $0,24 \cdot \frac{-15}{4}$

c) $-2 \cdot \frac{-7}{12}$

d) $\frac{-3}{25} : 6$

Bài 13/12: Tính

a) $\frac{-3}{4} \cdot \frac{12}{-5} \cdot \frac{-25}{6}$

b) $-2 \cdot \frac{-38}{21} \cdot \frac{-7}{4} \cdot \frac{-3}{8}$

c) $\left(\frac{11}{12} : \frac{33}{16}\right) \cdot \frac{3}{5}$

d) $\frac{7}{23} \cdot \left[\left(-\frac{8}{6}\right) - \frac{45}{18}\right]$

C - Thời gian nộp bài: Hạn chót ngày 18/9/2021

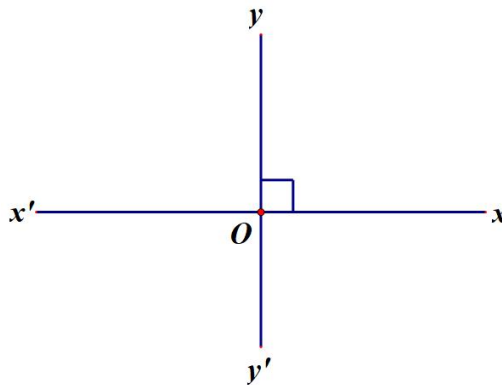
BÀI 2: HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

A- Nội dung học sinh cần ghi vào vở:

I/ Thế nào là hai đường thẳng vuông góc?

Định nghĩa: Hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông được gọi là hai đường thẳng vuông góc

Ký hiệu: $xx' \perp yy'$



Chú ý:

Khi xx' và yy' là hai đường thẳng vuông góc (và cắt nhau tại O). Ta còn nói: Đường thẳng xx' vuông góc với đường thẳng yy' tại O

Hay đường thẳng yy' vuông góc với đường thẳng xx' tại O

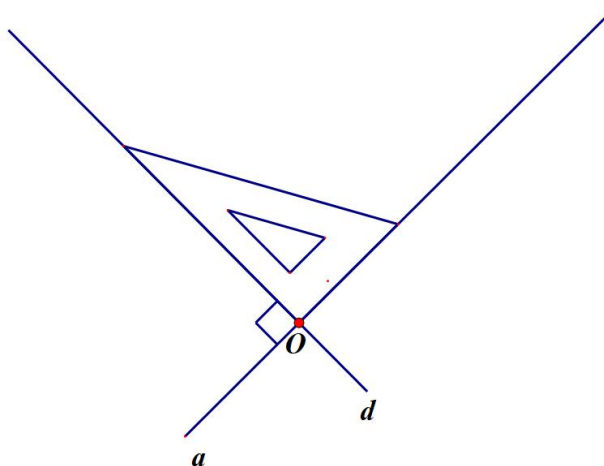
Hay hai đường thẳng xx' và yy' vuông góc với nhau tại O

II/ Cách vẽ hai đường thẳng vuông góc

Cho điểm O và một đường thẳng a. Vẽ đường thẳng d đi qua O và vuông góc với đường thẳng a.

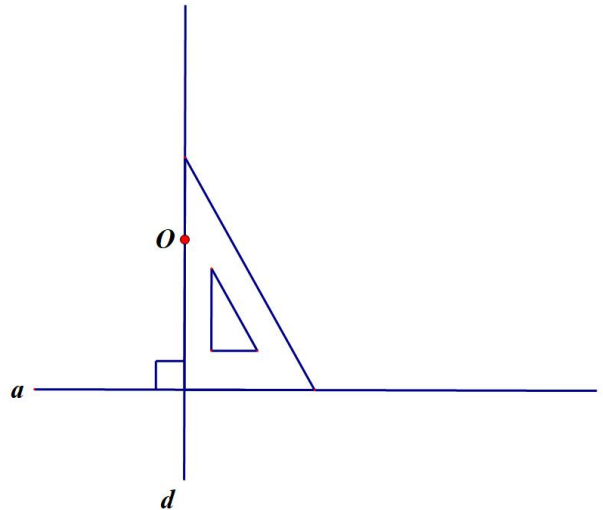
Trường hợp 1: Điểm O cho trước nằm trên đường thẳng a. Vẽ đường thẳng d đi qua O và vuông góc với đường thẳng a.

Đặt eke vuông góc với đường thẳng a sao cho cạnh góc vuông còn lại đi qua điểm O. Vẽ đường thẳng d đi qua O .



Trường hợp 2: Điểm O cho trước nằm ngoài đường thẳng a . Vẽ đường thẳng d đi qua O và vuông góc với đường thẳng a .

Đặt eke vuông góc với đường thẳng a sao cho cạnh góc vuông còn lại đi qua điểm O . Vẽ đường thẳng d đi qua O

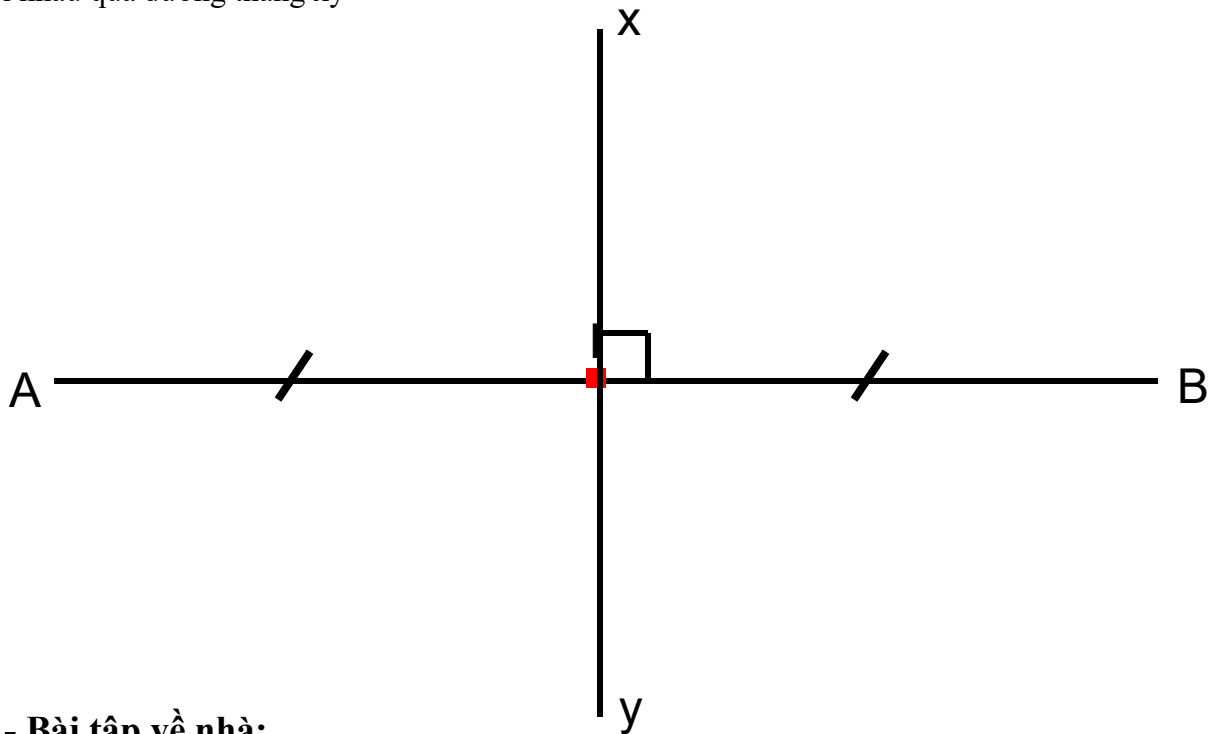


III/ Đường trung trực của đoạn thẳng

I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Đường thẳng xy vuông góc với AB tại I .

Ta nói: Đường thẳng xy là đường trung trực của đoạn thẳng AB

Chú ý: Khi xy là đường trung trực của đoạn thẳng AB ta cũng nói: Hai điểm A và B đối xứng với nhau qua đường thẳng xy



B - Bài tập về nhà:

Bài tập: 11 ; 12 ; 14 SGK trang 86

C - Thời gian nộp bài: Hạn chót ngày 18/9/2021

BÀI 2: LUYỆN TẬP HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

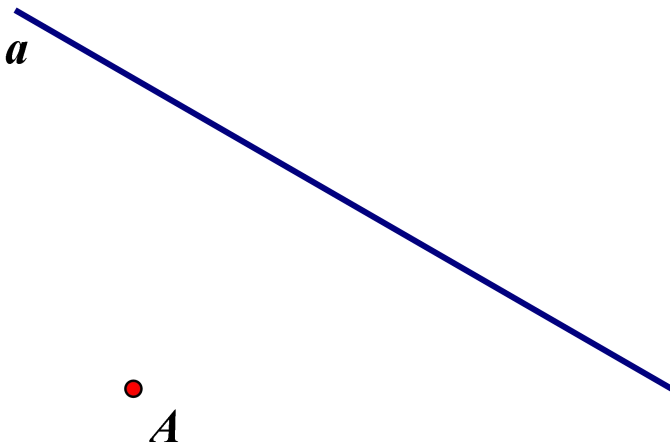
A- Nội dung học sinh cần ghi vào vở:

Bài 1: Dùng eke. Vẽ đường thẳng d đi qua O và vuông góc với đường thẳng a .

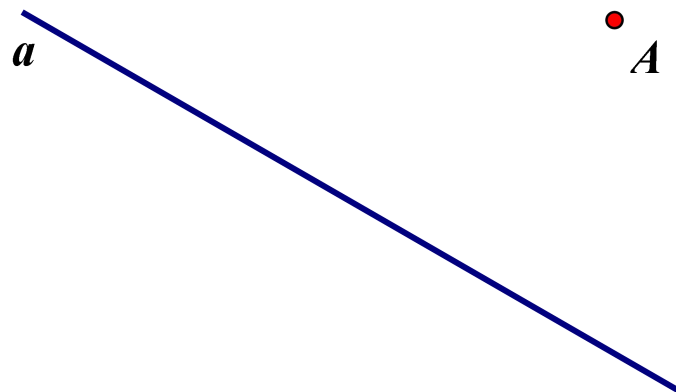
a/



b/



c/



d/

a




A

Bài 2: Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau:

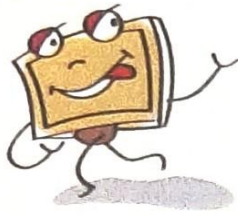
Vẽ góc xOy bằng 45° . Lấy điểm A bất kỳ nằm trong góc xOy . Vẽ qua A đường thẳng d_1 vuông góc với tia Ox tại B . Qua A vẽ đường thẳng d_2 vuông góc với tia Oy tại C .

B - Bài tập về nhà:

Bài 3: Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau:

Vẽ đoạn thẳng AB dài 6cm . Gọi I là trung điểm của AB . Vẽ đường trung trực d của đoạn thẳng AB

C - Thời gian nộp bài: Hạn chót ngày 18/9/2021



- ☑ Ưu điểm của chương trình bảng tính
- ☑ Các đối tượng chính của màn hình Excel
- ☑ Địa chỉ ô tính
- ☑ Nhập dữ liệu vào trang tính



Em đã biết rằng nhiều nội dung sẽ dễ hiểu và dễ so sánh hơn, nếu được trình bày cô đọng trong bảng. Ví dụ như bảng điểm dưới đây:

Bảng điểm lớp 7A

Stt	Họ và tên	Toán	Vật lí	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình
1	Đinh Vạn Hoàng An	8	7	8	8	
2	Lê Thị Hoài An	8	8	8	8	
3	Lê Thái Anh	8	8	7	8	
4	Phạm Như Anh	9	10	10	10	
5	Vũ Việt Anh	8	6	8	8	
6	Phạm Thanh Bình	8	9	9	8	
7	Trần Quốc Bình	8	8	9	9	
8	...					
40	Trần Công Phụng	8	8	9	8	
41	Hoàng Anh Tuấn	7	8	8	7	
Điểm trung bình cả lớp:						

Hình 1.1. Bảng điểm của lớp em

? Với phần mềm soạn thảo văn bản, em có thể dễ dàng tạo được bảng điểm như trên. Khi đó:

- Em phải làm gì để biết điểm trung bình của mỗi bạn trong lớp và nhập vào cột bên phải, điểm trung bình mỗi môn học của cả lớp vào hàng cuối cùng của bảng?
- Giả sử điểm của một số bạn trong lớp bị gõ sai (điều này là khó tránh) thì ta làm thế nào? (có phải tính lại điểm trung bình không?)
- Làm thế nào để sắp xếp danh sách theo điểm trung bình từ cao đến thấp của các bạn trong lớp?

Trả lời các câu hỏi trên em sẽ thấy những khó khăn khi xử lý dữ liệu trong các bảng được tạo ra trên văn bản Word. Để vượt qua những khó khăn đó cần có những công cụ hiệu quả hơn và chương trình bảng tính sẽ cung cấp cho em những công cụ đó.

1 Bảng và nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng

Trong thực tế nhiều thông tin cần được trình bày dưới dạng bảng để dễ dàng cho việc theo dõi, so sánh, sắp xếp, tính toán,... Trong ví dụ bảng điểm ở trên, thầy cô giáo có thể dễ dàng theo dõi, phân loại kết quả học tập của từng học sinh. Nhìn vào bảng điểm, em có thể biết ngay được kết quả học tập của em cũng như của các bạn trong lớp.

Sau đây là một vài ví dụ khác.

Ví dụ 1. Giả sử điểm tổng kết môn học là điểm trung bình của các điểm kiểm tra miệng (hệ số 1), kiểm tra 15 phút (hệ số 1), kiểm tra một tiết (hệ số 2) và kiểm tra cuối học kì (hệ số 3). Em có thể lập bảng để tính kết quả học tập của riêng em như ở hình 1.2.

Stt	Môn học	KT miệng	KT 15 phút	KT 1 tiết lần 1	KT 1 tiết lần 2	KT học kì	Điểm tổng kết
1	Toán	9	8	7	9	10	8.8
2	Vật lí	8	8	8	9	9	8.6
3	Lịch sử	8	8	8	9	7	7.9
4	Sinh học	7	9	10	9	10	9.3
5	Công nghệ	8	8	6	8	8	7.6
6	Tin học	9	8	9	9	9	8.9
7	Ngữ văn	7	7	6	8	8	7.3
8	Giáo dục công dân	6	8	9	9	9	8.6

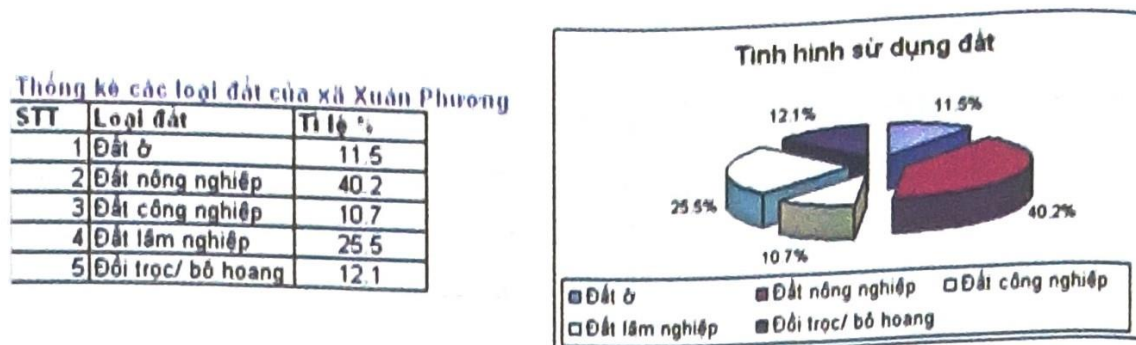
Hình 1.2. Bảng theo dõi kết quả học tập

Ví dụ 2. Em có thể giúp bố mẹ theo dõi chi tiêu thường xuyên hằng tháng của gia đình em bằng việc lập bảng như hình 1.3 sau đây. Nhìn vào bảng này bố mẹ em có thể biết cần tiết kiệm các khoản chi gì cho phù hợp với gia đình.

Stt	Mục chi	Tháng 1 (đồng)	Tháng 2 (đồng)	Tháng 3 (đồng)
1	Hoá đơn tiền điện	450000	500000	480000
2	Hoá đơn tiền nước	30000	40000	35000
3	Phí vệ sinh	15000	15000	15000
4	Cước phí điện thoại	100000	170000	90000
5	Tiền Internet	200000	200000	200000
6	Xăng + Vé xe buýt	200000	300000	200000
	Tổng cộng	995000	1225000	1020000

Hình 1.3. Bảng theo dõi chi tiêu

Ví dụ 3. Dưới đây là bảng số liệu về tình hình sử dụng đất ở xã Xuân Phương. Để mô tả số liệu một cách trực quan, dễ hiểu hơn, đặc biệt là dễ gây ấn tượng với người xem, ta còn có thể vẽ biểu đồ để minh họa các số liệu ấy (hình 1.4).



Hình 1.4. Thống kê tình hình sử dụng đất ở xã Xuân Phương


Như vậy, ngoài trình bày thông tin cô đọng và dễ so sánh, việc thực hiện các tính toán phổ biến (tính tổng, trung bình cộng, xác định giá trị lớn nhất, nhỏ nhất,...), vẽ các biểu đồ minh họa các số liệu tương ứng là nhu cầu thường gặp trong thực tế. Nhờ các *chương trình bảng tính*, người ta có thể dễ dàng thực hiện những việc đó trên máy tính.

Không chỉ thế, tính toán bằng chương trình bảng tính, nếu số liệu gốc thay đổi, kết quả tính toán trên các số liệu đó sẽ được tự động cập nhật (không phải tính lại).

 *Chương trình bảng tính* là phần mềm giúp ghi lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán (từ đơn giản đến phức tạp) cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu trong bảng.

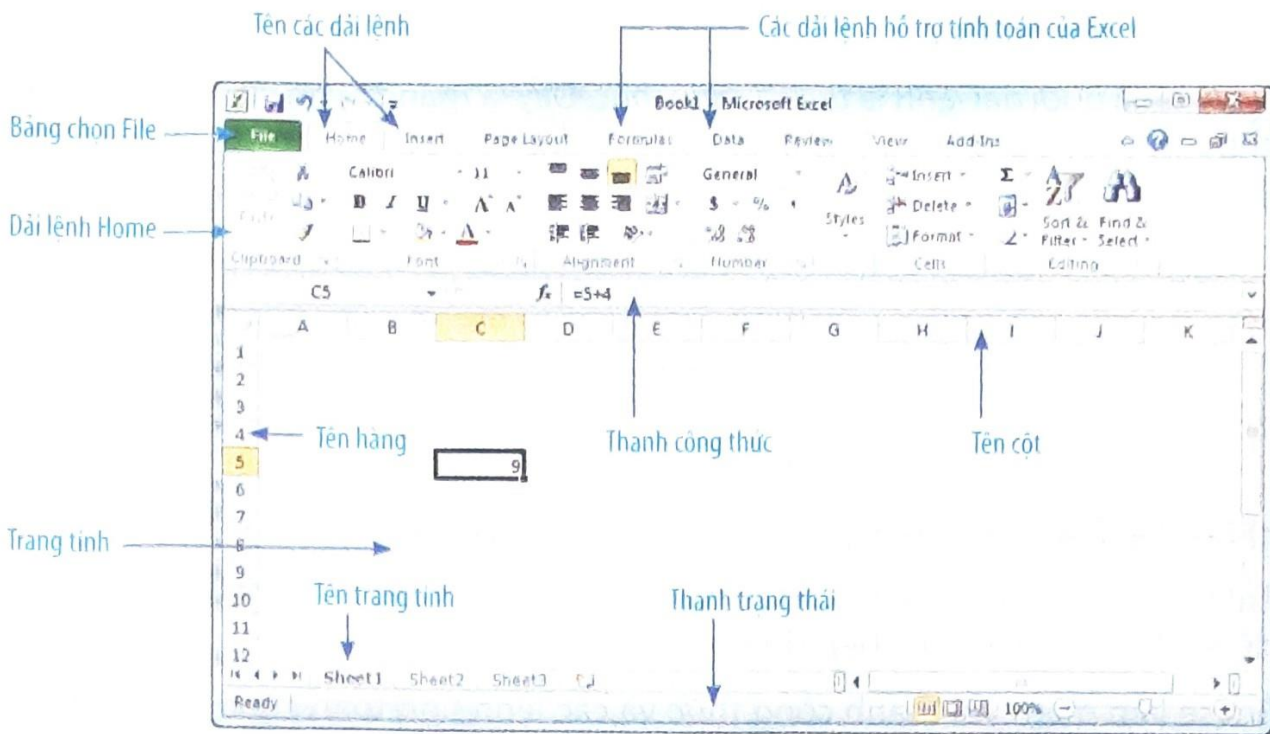
Hiện nay có nhiều chương trình bảng tính khác nhau. Microsoft Excel (gọi tắt là Excel) là một trong những chương trình bảng tính đang được sử dụng rộng rãi. Trong chương này, em sẽ làm quen với chương trình bảng tính Excel.

2 Màn hình làm việc của Excel

 Em còn nhớ một vài cách khác nhau để khởi động phần mềm trong Windows, ví dụ như chương trình soạn thảo văn bản Word? Hãy nhớ lại các cách đó!

Cách khởi động Excel hoàn toàn tương tự như Word. Em hãy nhớ lại để khởi động Excel. Lưu ý, biểu tượng của Excel có dạng .

Sau khi khởi động, màn hình làm việc của chương trình bảng tính Excel như hình 1.5.




Hình 1.5. Màn hình làm việc của Excel

Ngoài bảng chọn **File**, các dải lệnh và một số biểu tượng lệnh quen thuộc giống như trong màn hình của phần mềm soạn thảo văn bản Word, màn hình Excel còn có: **Trang tính**, **Thành công thức**, các dải lệnh **Formulas** và **Data**.

Formulas Data

a) Trang tính

 **Trang tính** được chia thành các **hàng** và các **cột**, là miền làm việc chính của bảng tính. Vùng giao nhau giữa một cột và một hàng là **ô tính** (còn gọi tắt là **ô**) dùng để chứa dữ liệu.

Các cột của trang tính được đánh thứ tự liên tiếp trên đầu mỗi cột, từ trái sang phải bằng các chữ cái bắt đầu từ **A, B, C,...** Các chữ cái này được gọi là **tên cột**.

Các hàng của trang tính được đánh thứ tự liên tiếp ở bên trái hàng, từ trên xuống dưới bằng các số bắt đầu từ **1, 2, 3,...** Các số này được gọi là **tên hàng**.

Địa chỉ (còn được gọi là **tên**) của một **ô tính** là cặp tên cột và tên hàng mà ô nằm trên đó.

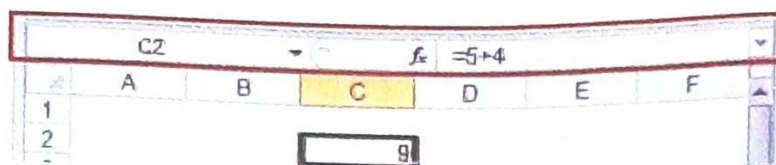
Ví dụ, **A1** là ô nằm ở cột **A** và hàng **1**; **C5** là ô nằm ở cột **C** và hàng **5**.



Hình 1.6. Địa chỉ ô tính

b) Thanh công thức

Ngay phía dưới dải lệnh là *thanh công thức*. Đây là thanh công cụ đặc trưng của chương trình bảng tính. Thanh công thức được sử dụng để nhập, hiển thị dữ liệu hoặc công thức trong ô tính.



Hình 1.7. Thanh công thức

c) Các dải lệnh **Formulas** (Công thức) và **Data** (Dữ liệu)


Trong số các dải lệnh của Excel có hai dải lệnh **Formulas** và **Data** gồm các lệnh dùng để thực hiện các phép tính với các số và xử lý dữ liệu.

Em sẽ làm quen với thanh công thức và các lệnh tính toán cũng như xử lý dữ liệu trong các bài học sau.

3 Nhập dữ liệu vào trang tính

a) Nhập và sửa dữ liệu

 *Dữ liệu là thông tin được nhập vào và lưu trữ trong các ô tính.*

Khi di chuyển chuột trên trang tính, con trỏ chuột có dạng . Để nhập dữ liệu vào một ô của trang tính em *nháy chuột chọn* ô đó và *gõ dữ liệu* (số hoặc kí tự,...) vào từ bàn phím. Để kết thúc việc nhập dữ liệu cho ô tính em có thể chọn một ô tính khác hoặc nhấn phím **Enter**.

Lưu ý: Chỉ có thể nhập dữ liệu vào ô đang được *kích hoạt* (được chọn).

Thao tác nháy chuột *chọn* một ô được gọi là *kích hoạt* ô tính. Khi một ô tính được chọn (hay được kích hoạt), trên màn hình máy tính ô tính đó được viền đậm xung quanh. Trên trang tính được mở luôn luôn có một ô (và chỉ một ô) được kích hoạt.

Để sửa dữ liệu của một ô cần phải nháy *đúp* chuột vào ô đó và thực hiện việc sửa tương tự như khi soạn thảo văn bản.

b) Di chuyển trên trang tính

Em có thể di chuyển giữa các ô (thay đổi ô được kích hoạt) theo hai cách:

- *Sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím:* Nếu ô cần di chuyển tới ở gần ô đang được kích hoạt.

- *Sử dụng chuột và các thanh cuộn:* Nếu ô cần kích hoạt nằm ngoài phạm vi màn hình, sử dụng các thanh cuộn để đưa vùng trang tính có chứa ô vào màn hình và nhấp chuột tại ô đó.


c) Gõ chữ Việt trên trang tính

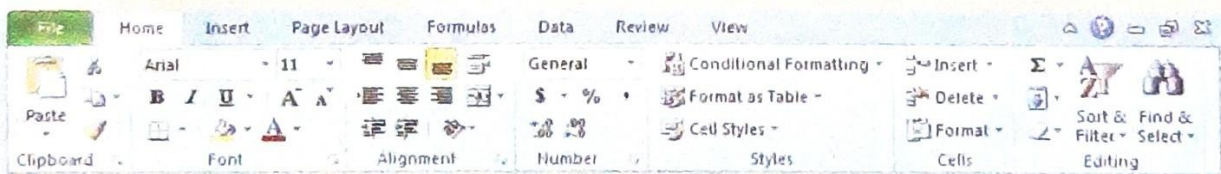
Tương tự như khi làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản, để gõ các chữ đặc trưng của tiếng Việt (ã, ơ, đ,... và các chữ có dấu thanh), chúng ta cần có *phần mềm hỗ trợ gõ* (gọi tắt là phần mềm gõ). Hiện tại ở Việt Nam có nhiều phần mềm gõ chữ Việt đang được sử dụng phổ biến. Để hiển thị và in được chữ Việt, chúng ta còn cần các *phông chữ Việt* được cài sẵn trên máy tính.

Hai kiểu gõ chữ Việt phổ biến hiện nay là kiểu TELEX và kiểu VNI. Quy tắc gõ chữ Việt có dấu trong Excel tương tự như quy tắc gõ chữ Việt có dấu trong phần mềm soạn thảo văn bản mà em đã biết.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP



1. Em hãy tìm thêm một vài ví dụ về thông tin dưới dạng bảng.
2. Khám phá màn hình làm việc của Excel
 - a) Khởi động Excel bằng một trong các cách tương tự như khởi động Word và quan sát một trang tính mới được hiển thị trong cửa sổ Excel.
 - b) Quan sát tên các dải lệnh ở phần trên của cửa sổ. Nhận biết sự khác biệt so với các dải lệnh trong cửa sổ Word. Lần lượt nhấp chuột ở tên từng dải lệnh để hiển thị các lệnh trên dải lệnh tương ứng.
 - c) Di chuyển chuột trên trang tính và nhận biết con trỏ chuột (có dạng ). Nhấp chuột để kích hoạt một vài ô tùy ý.
 - d) Quan sát dải lệnh **Home**. Nhận biết các nhóm lệnh trên dải lệnh **Home** và so sánh với dải lệnh **Home** của Word.



Hình 1.8. Dải lệnh Home của Excel

- e) Nhập dữ liệu tùy ý vào một vài ô (nhấn phím **Enter** để kết thúc việc nhập dữ liệu). Quan sát kết quả nhận được sau khi nhập dữ liệu.
3. Màn hình của Excel có những công cụ gì đặc trưng cho chương trình bảng tính?

1 Mục đích, yêu cầu

- Biết khởi động và kết thúc làm việc với Excel.
- Nhận biết các ô, hàng, cột trên trang tính.
- Biết cách di chuyển trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính.

2 Nội dung

a) Khởi động Excel

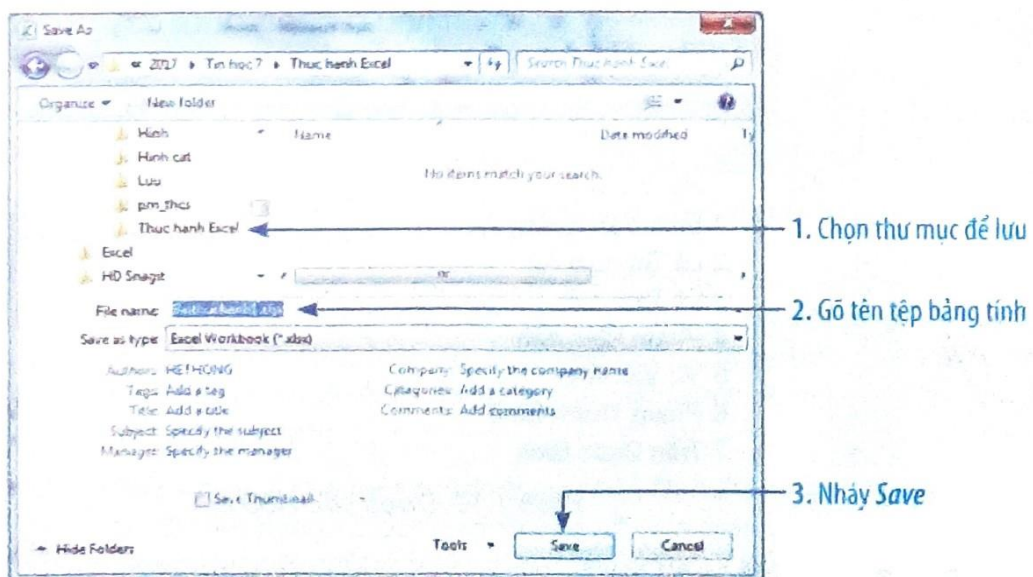
Có thể khởi động Excel theo nhiều cách khác nhau. Hai cách sau đây thường được sử dụng:

- Nháy chuột ở biểu tượng  trên màn hình khởi động của Windows.
- Nháy chuột trên biểu tượng  đã được gắn lên Thanh công việc của màn hình Windows.

Tương tự như với Word, em cũng có thể khởi động Excel với một tệp bảng tính đã có bằng cách nháy đúp chuột vào tên tệp bảng tính.




b) Lưu kết quả và thoát khỏi Excel

- Để lưu kết quả làm việc, em mở bảng chọn **File**, nháy chuột vào lệnh  **Save** và thực hiện theo các bước được chỉ dẫn trên cửa sổ **Save As** dưới đây:



Hình 1.9. Cửa sổ Save As

Excel lưu kết quả làm việc của em trong một *tệp*, được gọi là *tệp bảng tính* (hay ngắn gọn là *bảng tính*), có phần mở rộng ngầm định là *xlsx*.

- Để đóng trang tính (nhưng không kết thúc phiên làm việc với Excel), em mở bảng chọn **File** và chọn lệnh  **Close**.
- Để kết thúc làm việc với Excel, em nhấp nút  ở góc trên, bên phải cửa sổ Excel (hoặc chọn  **Exit** trên bảng chọn **File**).

Bài 1. Khởi động Excel.

- Liệt kê các điểm giống và khác nhau giữa màn hình Word và Excel.
- Mở một vài dải lệnh và quan sát các lệnh trên các dải lệnh đó.
- Kích hoạt một ô tính và thực hiện di chuyển trên trang tính bằng chuột và bằng bàn phím. Quan sát sự thay đổi các ô tên hàng (cột bên trái) và tên cột (hàng trên cùng).

Bài 2. Nhập dữ liệu tùy ý vào một ô trên trang tính. Hãy dùng phím **Enter** để kết thúc việc nhập dữ liệu trong ô đó và quan sát ô được kích hoạt tiếp theo.

Nhập dữ liệu tùy ý vào một ô khác, nhưng thực hiện một trong các thao tác sau đây sau khi gõ:

- Nhấn phím **Tab**;
- Nhấn các phím mũi tên;
- Nhấn phím **Esc**;
- Nhấp chuột trên một ô khác.

Quan sát kết quả nhập dữ liệu và ô được kích hoạt tiếp theo, rút ra các kết luận về các cách có thể để kết thúc việc nhập dữ liệu vào một ô.

Thoát khỏi Excel mà không lưu lại kết quả nhập dữ liệu em vừa thực hiện.

Bài 3. Khởi động lại Excel và nhập dữ liệu ở bảng dưới đây vào trang tính:

	A	B	C	D	E
1	Danh sách lớp em				
2	Stt	Họ và tên			
3		1 Đinh Vạn Hoàng An			
4		2 Lê Thị Hoài An			
5		3 Lê Thái Anh			
6		4 Phạm Như Anh			
7		5 Vũ Việt Anh			
8		6 Phạm Thanh Bình			
9		7 Trần Quốc Bình			

Hình 1.10. Danh sách lớp em

Lưu bảng tính với tên *Danh_sach_lop_em* và thoát khỏi Excel.